

Giáo án sinh học trọn bộ

Tiết 1: ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ THỂ SỐNG NHIỆM VỤ CỦA SINH HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nêu được đặc điểm chủ yếu của cơ thể sống.
- Phân biệt vật sống và vật không sống.
- Học sinh nắm được một số VD để thấy sự đa dạng của sinh vật cùng với những mặt lợi, hại của chúng.
- Biết được 4 nhóm sinh vật chính: động vật, thực vật, vi khuẩn, nấm.
- Hiểu được nhiệm vụ của sinh học và thực vật học.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng tìm hiểu đời sống hoạt động của sinh vật.
- Rèn kỹ năng so sánh, kỹ năng tư duy tích cực, sáng tạo.

3. Thái độ

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- Tranh ảnh về một vài nhóm sinh vật, sử dụng hình vẽ 2.1 SGK, bảng phụ...
- Tranh phóng to về quang cảnh tự nhiên có 1 số động vật và thực vật khác nhau, tranh vẽ đại diện 4 nhóm sinh vật chính (hình 2.1 SGK) ; bảng phụ (PHT- tr 7,9).

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Hoạt động nhóm, quan sát tìm tòi, nghiên cứu.

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Ổn định lớp:

- Làm quen với học sinh.
- Chia nhóm học sinh.

2 . Kiểm tra bài cũ

3. Bài mới

Mở đầu như SGK.

Hoạt động 1: Nhận dạng vật sống và vật không sống

Mục tiêu: HS nhận dạng vật sống và vật không sống qua biểu hiện bên ngoài.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV cho học sinh kể tên một số; cây, con, đồ vật ở xung quanh rồi chọn 1 cây, con, đồ vật đại diện để quan sát.</p> <p>* GV yêu cầu học sinh trao đổi nhóm (4 người hay 2 người) theo câu hỏi.</p> <p>- Con gà, cây đậu cần điều kiện gì để sống?</p> <p>- Cái bàn có cần những điều kiện giống như con gà và cây đậu để tồn tại không?</p> <p>- Sau một thời gian chăm sóc đối tượng nào tăng kích thước và đổi</p>	<p>* HS tìm những sinh vật gần với đời sống như: cây nhãn, cây cải, cây đậu... con gà, con lợn ... cái bàn, ghế.</p> <p>- Chọn đại diện: con gà, cây đậu, cái bàn.</p> <p>- Trong nhóm cử 1 người ghi lại những ý kiến trao đổi, thống nhất ý kiến của nhóm.</p> <p>* HS thấy được con gà và cây đậu được chăm sóc lớn lên còn cái bàn không thay đổi.</p>

<p><i>tượng nào không tăng kích thước?</i></p> <p>* GV chữa bài bằng cách gọi HS trả lời.</p> <p>* GV cho HS tìm thêm một số ví dụ về vật sống và vật không sống.</p> <p>* GV yêu cầu HS rút ra kết luận.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày ý kiến, nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Sau đó các nhóm rút ra kết luận và ghi nhớ.</p>
---	--

Kết luận:

- Vật sống: lấy thức ăn, nước uống, lớn lên, sinh sản.
- Vật không sống: không lấy thức ăn, không lớn lên.

Hoạt động 2: Đặc điểm của cơ thể sống

Mục tiêu: HS thấy được đặc điểm của cơ thể sống là trao đổi chất để lớn lên.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV cho HS quan sát bảng SGK trang 6, GV giải thích tiêu đề của cột 2 và cột 6 và 7.</p> <p>* GV yêu cầu HS hoạt động độc lập, GV kẻ bảng SGK vào bảng phụ sau đó gọi học sinh hoàn thành.</p> <p>* GV chữa bài bằng cách gọi HS trả lời, GV nhận xét.</p> <p>* GV hỏi:- <i>qua bảng so sánh hãy cho biết đặc điểm của cơ thể sống?</i></p>	<p>* HS quan sát bảng SGK chú ý cột 6 và 7.</p> <p>* HS hoàn thành bảng SGK trang 6 vào PHT và vở bài tập.</p> <p>- 1 HS lên bảng ghi kết quả của mình vào bảng của GV, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.</p> <p>* HS ghi tiếp các VD khác vào bảng.</p>

Kết luận:

- Đặc điểm của cơ thể sống là:
- + Trao đổi chất với môi trường.
- + Lớn lên và sinh sản.

Hoạt động 3: Sinh vật trong tự nhiên

Mục tiêu: HS nắm được giới sinh vật đa dạng, sống ở nhiều nơi và có liên quan đến đời sống con người.

a. Sự đa dạng của thế giới sinh vật

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<ul style="list-style-type: none">- GV: yêu cầu HS làm bài tập mục ▽ trang 7 SGK.- Qua bảng thống kê em có nhận xét về thế giới sinh vật? (gợi ý: nhận xét về nơi sống, kích thước? Vai trò đối với người? ...)- Sự phong phú về môi trường sống, kích thước, khả năng di chuyển của sinh vật nói lên điều gì?	<ul style="list-style-type: none">* HS hoàn thành bảng thống kê trang 7 GSK (ghi tiếp 1 số cây, con khác).- Nhận xét theo cột dọc, bổ sung có hoàn chỉnh phần nhận xét. - Trao đổi trong nhóm để rút ra kết luận: sinh vật đa dạng.

b. Các nhóm sinh vật

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<ul style="list-style-type: none">- Hãy quan sát lại bảng thống kê có thể	<ul style="list-style-type: none">* HS xếp loại riêng những ví dụ thuộc

<p><i>chia thế giới sinh vật thành mấy nhóm?</i></p> <p>* HS có thể khó xếp nấm vào nhóm nào, GV cho HS nghiên cứu thông tin SGK trang 8, kết hợp với quan sát hình 2.1 SGK trang 8.</p> <p>- Thông tin đó cho em biết điều gì?</p> <p>- Khi phân chia sinh vật thành 4 nhóm, người ta dựa vào những đặc điểm nào?</p> <p>(Gợi ý:</p> <p>+ Động vật: di chuyển</p> <p>+ Thực vật: có màu xanh</p> <p>+ Nấm: không có màu xanh (lá)</p> <p>+ Vi sinh vật: vô cùng nhỏ bé)</p>	<p>động vật hay thực vật.</p> <p>* HS nghiên cứu độc lập nội dung trong thông tin.</p> <p>- Nhận xét; sinh vật trong tự nhiên được chia thành 4 nhóm lớn: vi sinh vật, nấm, thực vật và động vật.</p> <p>* HS khác nhắc lại kết luận này để cả lớp cùng ghi nhớ.</p>
---	--

Kết luận:

- Sinh vật trong tự nhiên được chia thành 4 nhóm lớn: vi sinh vật, nấm, thực vật và động vật.

Hoạt động 4: Nhiệm vụ của sinh học

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK trang 8 và trả lời câu hỏi:</p> <p>- <i>Nhiệm vụ của sinh học là gì?</i></p>	<p>* HS đọc thông tin SGK từ 1-2 lần, tóm tắt nội dung chính để trả lời câu hỏi.</p> <p>* HS nghe rồi bổ sung hay nhắc lại phần trả</p>

* GV gọi 1-3 HS trả lời.	lời của bạn.
* GV cho 1 học sinh đọc to nội dung: nhiệm vụ của thực vật học cho cả lớp nghe.	* HS nhắc lại nội dung vừa nghe.

Kết luận:

- Nhiệm vụ của sinh học.
- Nhiệm vụ của thực vật học (SGK trang 8)

V. Củng cố

- ? Nêu đặc Điểm của cơ thể sống ?
- ? Nêu nhiệm vụ của sinh học ?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- * GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1 và 2 SGK.
- Thế giới sinh vật rất đa dạng được thể hiện như thế nào?
- Người ta đã phân chia sinh vật trong tự nhiên thành mấy nhóm? hãy kể tên các nhóm?
- Cho biết nhiệm vụ của sinh học và thực vật học?

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK
- Chuẩn bị: 1 số tranh ảnh về sinh vật trong tự nhiên.
- Sưu tầm tranh ảnh về thực vật ở nhiều môi trường.

ĐẠI CƯƠNG VỀ GIỚI THỰC VẬT

Tiết 2: ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nắm được đặc điểm chung của thực vật.
- Tìm hiểu sự đa dạng phong phú của thực vật.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh. kỹ năng hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục lòng yêu tự nhiên, bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- GV: Tranh ảnh khu rừng vườn cây, sa mạc, hồ nước...
- HS: Sưu tầm tranh ảnh các loài thực vật sống trên Trái Đất. Ôn lại kiến thức về quang hợp trong sách “Tự nhiên xã hội” ở Tiểu học.

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Quan sát .
- Phân tích kênh hình
- Thảo luận
- Vấn đáp

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1 Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ

- Kể tên một số sinh vật sống trên cạn, dưới nước và ở cơ thể người?
- Nêu nhiệm vụ của sinh học?

3. Bài mới

Hoạt động 1: Sự phong phú đa dạng của thực vật

Mục tiêu: HS thấy được sự đa dạng và phong phú của thực vật.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
* GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân	* HS quan sát hình 3.1 tới 3.4 SGK trang

<p>và:</p> <p>Quan sát tranh, ghi nhớ kiến thức.</p> <p>- Hoạt động nhóm 4 người</p> <p>+ Thảo luận câu hỏi SGK trang 11 (các câu hỏi tại lệnh ▽-phần 1) .</p> <p>* GV quan sát các nhóm có thể nhắc nhở hay gợi ý cho những nhóm có học lực yếu.</p> <p>* GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Yêu cầu sau khi thảo luận HS rút ra kết luận về thực vật.</p> <p>* GV tìm hiểu có bao nhiêu nhóm có kết quả đúng, bao nhiêu nhóm cần bổ sung.</p>	<p>10 và các tranh ảnh mang theo.</p> <p>Chú ý: Nơi sống của thực vật, tên thực vật.</p> <p>- Phân công trong nhóm:</p> <p>+ 1 bạn đọc câu hỏi (theo thứ tự cho cả nhóm cùng nghe)</p> <p>+ 1 bạn ghi chép nội dung trả lời của nhóm.</p> <p>VD: + Thực vật sống ở mọi nơi trên Trái Đất, sa mạc ít thực vật còn đồng bằng phong phú hơn.</p> <p>+ Cây sống trên mặt nước rễ ngắn, thân xốp.</p> <p>* HS lắng nghe phần trình bày của bạn, bổ sung (nếu cần).</p>
--	---

Kết luận:

- Thực vật sống ở mọi nơi trên Trái Đất chúng có rất nhiều dạng khác nhau, thích nghi với môi trường sống.

Hoạt động 2: Đặc điểm chung của thực vật

Mục tiêu: HS nắm được đặc điểm chung cơ bản của thực vật.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>- Yêu cầu HS làm bài tập mục ▽ SGK trang 11.</p> <p>* GV kẻ bảng này lên bảng.</p> <p>* GV chữa nhanh vì nội dung đơn giản.</p> <p>* GV đưa ra một số hiện tượng yêu cầu HS nhận xét về sự hoạt động của sinh vật:</p> <p>+ Con gà, mèo, chạy, đi.</p> <p>+ Cây trồng vào chậu đặt ở cửa sổ 1 thời gian ngọn cong về chỗ sáng.</p> <p>- Từ đó rút ra đặc điểm chung của thực vật.</p>	<p>* HS kẻ bảng SGK trang 11 vào vở (vở bài tập), hoàn thành các nội dung.</p> <p>* HS lên bảng trình bày.</p> <p>- Nhận xét: động vật có di chuyển còn thực vật không di chuyển và có tính hướng sáng.</p> <p>- Từ bảng và các hiện tượng trên rút ra những đặc điểm chung của thực vật.</p>

Kết luận:

- Thực vật có khả năng tạo chất dinh dưỡng, không có khả năng di chuyển, chúng phản ứng chậm trước những kích thích của môi trường.

V. CÙNG CÒ

? Sự phong phú đa dạng của thực vật? Đặc điểm chung của thực vật ?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

Yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, 2 cuối bài

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Tranh cây hoa hồng, hoa cải.
- Mẫu cây: dương xỉ, cây cỏ.

Duyệt ngày : tháng năm 2011

Tiết 3: CÓ PHẢI TẤT CẢ THỰC VẬT ĐỀU CÓ HOA?

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh biết quan sát, so sánh để phân biệt được cây có hoa và cây không có hoa dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản (hoa, quả).
- Phân biệt cây 1 năm và cây lâu năm.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh, các kỹ năng phân tích, khái quát hóa và kỹ năng học nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập, tích cực bảo vệ chăm sóc thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- GV: Tranh phóng to hình 4.1; 4.2 SGK.

Mẫu cây cà chua, đậu có cả hoa quả, hạt.

- HS : sưu tầm tranh cây dương xỉ, rau bợ...

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Quan sát .
- Thảo luận
- Vấn đáp
- Trực quan

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1 Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ

- Nêu đặc điểm chung của thực vật?
- Thực vật ở nước ta rất phong phú, nhưng vì sao chúng ta cần phải trồng thêm và bảo vệ chúng?

3. Bài mới

Hoạt động 1: Thực vật có hoa và thực vật không có hoa

Mục tiêu:

- HS nắm được các cơ quan của cây xanh có hoa.
- Phân biệt cây xanh có hoa và cây xanh không có hoa.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>- Yêu cầu HS hoạt động cá nhân để tìm hiểu các cơ quan của cây cải.</p> <p>* GV đưa ra câu hỏi sau:</p> <p>+ Rễ, thân, lá, là.....</p> <p>+ Hoa, quả, hạt là.....</p> <p>+ Chức năng của cơ quan sinh sản là.....</p> <p>+ Chức năng của cơ quan sinh dưỡng</p>	<p>* HS quan sát hình 4.1 SGK trang 13, đối chiếu với bảng 1 SGK trang 13 ghi nhớ kiến thức về các cơ quan của cây cải.</p> <p>+ Có hai loại cơ quan: cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản.</p> <p>* HS đọc phần trả lời nối tiếp luôn câu hỏi của GV (HS khác có thể bổ sung).</p> <p>+ Cơ quan sinh dưỡng.</p> <p>+ Cơ quan sinh sản.</p> <p>+ Sinh sản để duy trì nòi giống.</p> <p>+ Nuôi dưỡng cây.</p>

<p>là.....</p> <p>- Yêu cầu HS hoạt động theo nhóm để phân biệt thực vật có hoa và thực vật không có hoa?</p> <p>* GV theo dõi hoạt động của các nhóm, có thể gợi ý hay hướng dẫn nhóm nào còn chậm...</p> <p>* GV chữa bài bảng 2 bằng cách gọi HS của các nhóm trình bày.</p> <p>* GV lưu ý HS cây dương xỉ không có hoa nhưng có cơ quan sinh sản đặc biệt.</p> <p>* GV nêu câu hỏi: <i>Dựa vào đặc điểm có hoa của thực vật thì có thể chia thành mấy nhóm?</i></p> <p>* GV cho HS đọc mục □ và cho biết: - - <i>Thế nào là thực vật có hoa và không có hoa?</i></p> <p>* GV chữa nhanh bằng cách đọc kết quả đúng để HS giơ tay, tìm hiểu số lượng HS đã nắm được bài.</p> <p>* GV dự kiến một số thắc mắc của HS khi phân biệt cây như: cây thông có quả hạt, hoa hồng, hoa cúc không có quả, cây su hào, bắp cải không có</p>	<p>* HS quan sát tranh và mẫu của nhóm chú ý cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản.</p> <p>- Kết hợp hình 4.2 SGK trang 14 rồi hoàn thành bảng 2 SGK trang 13.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Đại diện của nhóm trình bày ý kiến của mình cùng với giới thiệu mẫu đã phân chia ở trên.</p> <p>- Các nhóm khác có thể bổ sung, đưa ra ý kiến khác để trao đổi.</p> <p>- Dựa vào thông tin □ trả lời cách phân biệt thực vật có hoa với thực vật không có hoa.</p> <p>* HS làm nhanh bài tập ▽ SGK trang 14.</p>
--	--

hoa...	
--------	--

Kết luận:

- Thực vật có 2 nhóm: thực vật có hoa và thực vật không có hoa.

Hoạt động 2: Cây một năm và cây lâu năm

Mục tiêu: HS phân biệt được cây 1 năm và cây lâu năm.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV viết lên bảng 1 số cây như: Cây lúa, ngô, mướp gọi là cây một năm. Cây hồng xiêm, mít, vải gọi là cây lâu năm. <i>- Tại sao người ta lại nói như vậy?</i></p> <p>* GV hướng cho HS chú ý tới việc các thực vật đó ra hoa kết quả bao nhiêu lần trong vòng đời.</p> <p>* GV cho SH kể thêm 1 số cây loại 1 năm và lâu năm.</p>	<p>* HS thảo luận nhóm, ghi lại nội dung ra giấy. Có thể là: lúa sống ít thời gian, thu hoạch cả cây. Hồng xiêm cây to, cho nhiều quả....</p> <p>* HS thảo luận theo hướng cây đó ra quả bao nhiêu lần trong đời để phân biệt cây 1 năm và cây lâu năm.</p>

Kết luận:

- Cây 1 năm ra hoa kết quả 1 lần trong vòng đời; có vòng đời kết thúc trong vòng một năm.
- Cây lâu năm ra hoa kết quả nhiều lần trong đời ; sống nhiều năm.

V. CÙNG CỐ ?

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3, SGK trang 15 hoặc làm bài tập như sách hướng dẫn.

- Gợi ý câu hỏi 3*.

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK; đọc mục “Em có biết”
 - Chuẩn bị 1 số rêu tường cùng một số mẫu thực vật quen thuộc
-

Tuần 2

Ngày soạn : 31/08/2011

Ngày giảng 6A1: 2/09/2011 6A2: 2/09/2011

CHƯƠNG I- TẾ BÀO THỰC VẬT

Tiết 4 : KÍNH LÚP, KÍNH HIỂN VI VÀ CÁCH SỬ DỤNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nhận biết được các bộ phận của kính lúp và kính hiển vi.
- Biết cách sử dụng kính lúp, các bước sử dụng kính hiển vi.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, kỹ năng tìm tòi khám phá, thực hành trên các thiết bị.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ kính lúp và kính hiển vi; yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- GV: Kính lúp cầm tay, kính hiển vi. Mẫu: 1 vài bông hoa, rễ nhỏ.
- HS: 1 đám rêu, rễ hành.

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Hoạt động nhóm, quan sát tìm tòi -nghiên cứu .

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1 Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ

- Dựa vào đặc điểm nào để nhận biết thực vật có hoa và thực vật không có hoa?
- Kể tên 5 cây trồng làm lương thực? Theo em, những cây lương thực trên thường là cây 1 năm hay lâu năm?

3. Bài mới

VB: Trong nghiên cứu sinh học, không thể thiếu được kính hiển vi và kính lúp,

....

Hoạt động 1: Kính lúp và cách sử dụng

Mục tiêu: HS biết cách sử dụng kính lúp cầm tay.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
-------------------------	-------------------------

<p>+ <i>Vấn đề 1</i>: Tìm hiểu cấu tạo kính lúp.</p> <p>* GV yêu cầu HS đọc thông tin □ SGK trang 17, cho biết kính lúp có cấu tạo như thế nào?</p> <p>+ <i>Vấn đề 2</i>: Cách sử dụng kính lúp cầm tay.</p> <p>* HS đọc nội dung hướng dẫn SGK trang 17, quan sát hình 5.2 SGK trang 17.</p> <p>+ <i>Vấn đề 3</i>: Tập quan sát mẫu bằng kính lúp.</p> <p>- GV: Quan sát kiểm tra tư thế đặt kính lúp của HS và cuối cùng kiểm tra hình vẽ lá rêu.</p>	<p>- Đọc thông tin, nắm bắt, ghi nhớ cấu tạo.</p> <p>* HS cầm kính lúp đối chiếu các phần như đã ghi trên.</p> <p>- Trình bày lại cách sử dụng kính lúp cho cả lớp cùng nghe.</p> <p>* HS quan sát 1 cây rêu bằng cách tách riêng 1 cây đặt lên giấy, vẽ lại hình lá rêu đã quan sát được trên giấy.</p>
---	--

Kết luận:

- + Kính lúp gồm 2 phần: tay cầm bằng kim loại, tấm kính trong suốt lõi 2 mặt.
- + Kính lúp có thể phóng ảnh của vật được quan sát lên hàng chục lần.

Hoạt động 2: Kính hiển vi và cách sử dụng

Mục tiêu: HS nắm được cấu tạo và cách sử dụng hiển vi.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
--------------------------------	--------------------------------

<p>+ <i>Vấn đề 1</i>: Tìm hiểu cấu tạo kính hiển vi.</p> <p>* GV yêu cầu HS hoạt động nhóm vì mỗi nhóm (1 bàn) có 1 chiếc kính (nếu không có điều kiện thì dùng 1 chiếc kính chung).</p> <p>* GV kiểm tra bằng cách gọi đại diện của 1-2 nhóm lên trước lớp trình bày.</p> <p>- <i>Bộ phận nào của kính hiển vi là quan trọng nhất? Vì sao?</i></p> <p>* GV nhấn mạnh: đó là thấu kính vì có ống kính để phóng to được các vật.</p> <p>+ <i>Vấn đề 2</i>: Cách sử dụng kính hiển vi</p> <p>* GV làm thao tác sử dụng kính để cả lớp cùng theo dõi từng bước.</p> <p>- Nếu có điều kiện GV có thể phát cho mỗi nhóm 1 tiêu bản mẫu để tập quan sát.</p>	<p>- Đặt kính trước bàn trong nhóm cử 1 người đọc SGK trang 18 phần cấu tạo kính.</p> <p>- Cả nhóm nghe đọc kết hợp với hình 5.3 GSK trang 18 để xác định các bộ phận của kính.</p> <p>- Trong nhóm nhắc lại 1-2 lần để cả nhóm cùng nắm đầy đủ cấu tạo của kính.</p> <p>- Các nhóm còn lại chú ý nghe rồi bổ sung (nếu cần).</p> <p>* HS có thể trả lời những bộ phận riêng lẻ như ốc điều chỉnh hay ống kính, gương....</p> <p>- Đọc mục □ SGK trang 19 nắm được các bước sử dụng kính.</p> <p>* HS cố gắng thao tác đúng các bước để có thể nhìn thấy mẫu.</p>
--	---

Kết luận:

- Kính hiển vi có 3 phần chính:

+ Chân kính

+ Thân kính

+ Bàn kính

- Kính hiển vi có thể phóng ảnh của vật được quan sát lên hàng trăm, hàng nghìn...
lần

V. CỬNG CỐ

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Gọi 1-2 HS lên trình bày lại cấu tạo của kính lúp và kính hiển vi.

- Nhận xét, đánh giá điểm nhóm nào học tốt trong giờ

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài.

- Đọc mục “Em có biết”

- Chuẩn bị mỗi nhóm mang 1 củ hành tây, 1 quả cà chua chín

Duyệt ngày : tháng năm 2011

Tuần 3

Ngày soạn : 04/09/2011

Ngày giảng 6A1: 6/09/2011 6A2: 6/09/2011

Tiết 5 : QUAN SÁT TẾ BÀO THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh tự làm được 1 tiêu bản tế bào thực vật (tế bào vảy hành hoặc tế bào thịt quả cà chua chín).
- Quan sát và nhận định các đặc điểm ban đầu về cấu tạo tế bào thực vật.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng sử dụng kính hiển vi.
- Tập vẽ hình đã quan sát được trên kính hiển vi.

3. Thái độ

- Bảo vệ, giữ gìn dụng cụ.
- Trung thực, chỉ vẽ những hình quan sát được.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

+ GV:- Biểu bì vẩy hành và thịt quả cà chua chín.

- Tranh phóng to củ hành và tế bào vẩy hành, quả cà chua chín và tế bào thịt cà chua.

- Kính hiển vi.

+ HS: Học lại bài kính hiển vi.

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Hoạt động nhóm, quan sát tìm tòi-nghiên cứu.

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1 Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ

- Nêu chức năng của kính lúp và kính hiển vi? Cách sử dụng các loại kính đó trong nghiên cứu sinh học?

3. Bài mới

Yêu cầu của bài thực hành:

* GV kiểm tra phần chuẩn bị của HS theo nhóm đã phân công, các bước sử dụng kính hiển vi (bằng cách gọi 1-2 HS trình bày).

* GV yêu cầu HS:

+ Làm được tiêu bản tế bào cà chua hoặc vẩy hành.

+ Vẽ lại hình khi quan sát được.

+ Các nhóm không được nói to và đi lại lộn xộn.

* GV phát dụng cụ: Nếu có điều kiện mỗi nhóm (4 người) 1 bộ gồm kính hiển vi, 1 khay đựng dụng cụ như kính mũi mác, dao, lọ nước, công tơhut, gậy thấm, lam kính...

* GV phân công: một số nhóm làm tiêu bản tế bào vảy hành, 1 số nhóm làm tiêu bản tế bào thịt cà chua.

Hoạt động 1: Quan sát tế bào dưới kính hiển vi

Mục tiêu: HS quan sát được 2 loại tế bào biểu bì vảy hành và tế bào thịt quả cà chua SGK trang 21- 22.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV yêu cầu các nhóm (đã được phân công) đọc cách tiến hành lấy mẫu và quan sát mẫu trên kính.</p> <p>* GV làm mẫu tiêu bản đó để học sinh cùng quan sát.</p> <p>* GV đi tới các nhóm giúp đỡ, nhắc nhở, giải đáp thắc mắc của HS.</p>	<p>* HS quan sát hình 6.1 SGK trang 21, đọc và nhắc lại các thao tác, chọn 1 người chuẩn bị kính, còn lại chuẩn bị tiêu bản như hướng dẫn của GV.</p> <p>- Tiến hành làm chú ý ở tế bào vảy hành cần lấy 1 lớp thật mỏng trải phẳng không bị gấp , ở 1 tế bào thịt quả cà chua chỉ quệt lớp mỏng.</p> <p>- Sau khi đã quan sát được cố gắng vẽ thật giống mẫu.</p>

Hoạt động 2: Vẽ lại hình đã quan sát được dưới kính

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV treo tranh phóng to giới thiệu:</p>	<p>* HS quan sát tranh đối chiếu với hình</p>

<p>+ Củ hành và tế bào biểu bì vảy hành.</p> <p>+ Quả cà chua và tế bào thịt quả cà chua.</p> <p>* GV hướng dẫn HS cách vừa quan sát vừa vẽ hình.</p> <p>- Nếu còn thời gian GV cho HS đổi tiêu bản của nhóm này cho nhóm khác để có thể quan sát được cả 2 tiêu bản.</p>	<p>vẽ của nhóm mình, phân biệt vách ngăn tế bào.</p> <p>* HS vẽ hình vào vở (vở bài tập).</p>
---	---

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- HS tự nhận xét trong nhóm về thao tác làm tiêu bản, sử dụng kính, kết quả.
- GV đánh giá chung buổi thực hành (về ý thức, kết quả),
- Yêu cầu HS lau kính, xếp lại vào hộp và vệ sinh lớp học.

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi 1, 2 SGK trang 27.
- Sưu tầm tranh ảnh về hình dạng các tế bào thực vật.

Tuần 3

Ngày soạn : 7/09/2011

Ngày giảng 6A1: 9/09/2011 6A2: 9/09/2011

Tiết 6 Bài 7: CẤU TẠO TẾ BÀO THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nắm được các cơ quan của thực vật đều được cấu tạo bằng tế bào.
- Những thành phần cấu tạo chủ yếu của tế bào.
- Khái niệm mô và hiểu được rằng thực vật có nhiều loại mô cấu tạo thành.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát hình vẽ, thu thập kiến thức.
- Kỹ năng nhận biết kiến thức.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- GV: Tranh phóng to hình 7.1; 7.2; 7.3; 7.4 ; 7.5 SGK.
- HS: Sưu tầm tranh ảnh về tế bào thực vật.

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Quan sát .
- Thảo luận
- Vấn đáp
- Trực quan

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Kiểm tra bài cũ

- Kiểm tra hình vẽ tế bào thực vật HS đã làm trước ở nhà.

2. Bài mới

VB: Cho HS nhắc lại đặc điểm của tế bào biểu bì vảy hành đã quan sát được hôm trước. GV đặt câu hỏi: có phải tất cả các cơ quan của thực vật đều có cấu tạo giống vảy hành không?

Hoạt động 1: Tìm hiểu hình dạng kích thước của tế bào

Mục tiêu: HS nắm được cơ thể thực vật được cấu tạo bằng tế bào, tế bào có nhiều hình dạng.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>+ Vấn đề 1: Tìm hiểu hình dạng của tế bào</p> <p>* GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân nghiên cứu SGK ở mục I trả lời câu hỏi: Tìm điểm giống nhau cơ bản trong cấu tạo rễ, thân, lá?</p> <p>* GV lưu ý có thể HS nói là nhiều ô nhỏ đó là 1 tế bào.</p> <p>* GV cho HS quan sát lại hình SGK, tranh hình dạng của tế bào ở 1 số cây khác nhau, nhận xét về hình dạng của tế bào.</p> <p>- Yêu cầu HS quan sát kĩ hình 7.1 SGK</p>	<p>* HS quan sát hình 7.1; 7.2; 7.3 SGK trang 23 và trả lời câu hỏi:</p> <p>* HS thấy được điểm giống nhau đó là cấu tạo bằng nhiều tế bào.</p> <p>* HS quan sát tranh đưa ra nhận xét: tế bào có nhiều hình dạng.</p>

<p>trang 23 và cho biết: trong cùng 1 cơ quan tế bào có giống nhau không?</p> <p>+ GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK.</p> <p>* GV nhận xét ý kiến của HS, yêu cầu HS rút ra nhận xét về kích thước tế bào.</p> <p>- <i>Hãy cho biết tế bào có những hình dạng như thế nào ?</i></p> <p>- <i>Kích thước tế bào theo nhận định trên được thể hiện như thế nào ?</i></p> <p>* GV thông báo thêm số tế bào có kích thước nhỏ (mô phân sinh ngọn) tế bào sợi gai dài...</p> <p>* GV yêu cầu HS rút ra kết luận.</p>	<p>* HS đọc thông tin và xem bảng kích thước tế bào ở trang 24 SGK, tự rút ra nhận xét.</p> <p>* HS trình bày, bổ sung cho đầy đủ.</p> <p>- Kích thước của tế bào khác nhau.</p> <p><--> Hình dạng: cầu, tròn, sợi, đa giác...</p> <p><--> từ 0,001-550mm.</p>
---	--

Tiểu kết:

- Cơ thể thực vật được cấu tạo bằng tế bào.
- Các tế bào có hình dạng và kích thước rất khác nhau khác nhau, nhìn chung chúng rất nhỏ bé khó có thể quan sát bằng mắt thường.

Hoạt động 2: Tìm hiểu cấu tạo tế bào

Mục tiêu: HS nắm được 4 thành phần chính của tế bào: vách tế bào, màng tế bào, chất tế bào, nhân.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV yêu cầu HS nghiên cứu độc lập nội dung SGK trang 24.</p> <p>* GV treo tranh câm; sơ đồ cấu tạo tế bào thực vật.</p> <p>- Gọi HS lên bảng chỉ các bộ phận của tế bào trên tranh.</p> <p>- <i>Em hãy cho biết chức năng cơ bản của các thành phần vừa nêu ?</i></p> <p>* GV cho nhận xét có thể đánh giá điểm.</p> <p>* GV mở rộng: chú ý lục lạp trong chất tế bào có chứa diệp lục làm cho hầu hết cây có màu xanh và góp phần vào quá trình quang hợp.</p> <p>* GV tóm tắt, rút ra kết luận để HS ghi nhớ thành phần cấu tạo chủ yếu của tế bào.</p>	<p>* HS đọc thông tin SGK trang 24. Kết hợp quan sát hình 7.4 SGK trang 24.</p> <p>- Xác định được các bộ phận của tế bào rồi ghi nhớ kiến thức.</p> <p>- Từ 1-3 HS lên bảng chỉ tranh và nêu được chức năng từng bộ phận, HS khác nghe và bổ sung.</p> <p>Sau đó nêu chức năng các thành phần.</p> <p>Theo sự dẫn dắt của thầy, học sinh tiến hành kết luận và ghi nhớ.</p>

Tiểu kết:

- Tế bào gồm 4 phần:

- + Vách tế bào – ở vị trí ngoài cùng
- + Màng sinh chất – nằm dưới vách tế bào.
- + Chất tế bào – là khối dịch lỏng chứa các bào quan.

+ Nhân - được chất tế bào bao bọc.

Khi đã trưởng thành, trong tế bào có thêm không bào.

Hoạt động 3: Tìm hiểu mô

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV treo tranh các loại mô yêu cầu HS quan sát và đưa câu hỏi:</p> <p>Nhận xét cấu tạo hình dạng các tế bào của cùng 1 loại mô, của các loại mô khác nhau?</p> <p>? Rút ra kết luận: mô là gì?</p> <p>* GV bổ sung thêm vào kết luận của HS: chức năng của các tế bào trong 1 mô nhất là mô phân sinh làm cho các cơ quan của thực vật lớn lên.</p>	<p>* HS quan sát tranh, trao đổi nhanh trong nhóm đưa ra nhận xét ngắn gọn.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>

Tiểu kết:

- Mô là tập hợp một nhóm tế bào giống nhau cùng thực hiện 1 chức năng.
- Ở thực vật có một số loại mô: mô phân sinh, mô giậu, mô xốp...

V. CỦNG CỐ

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, 2,3 cuối bài.
- HS giải ô chữ nhanh, đúng, GV đánh giá điểm.

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục “Em có biết”
- Ôn lại khái niệm trao đổi chất ở cây xanh (lớp dưới).

Duyệt ngày : tháng năm 2011

Ngày giảng 6A1: 13/09/2011 6A2: 13/09/2011 6A3: 13/9/2011

Tiết 7 - Bài 8: SỰ LỚN LÊN VÀ PHÂN CHIA CỦA TẾ BÀO

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh trả lời được câu hỏi: Tế bào lớn lên như thế nào? Tế bào phân chia như thế nào?

* HS hiểu được ý nghĩa của sự lớn lên và phân chia tế bào ở thực vật chỉ có những tế bào mô phân sinh mới có khả năng phân chia.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát hình vẽ, tìm tòi kiến thức.

3. Thái độ

- Giáo dục thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- GV: Tranh phóng to hình 8.1; 8.2 SGK trang 27.

- HS: Ôn lại khái niệm trao đổi chất ở cây xanh.

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Quan sát .

- Thảo luận

- Vấn đáp

- Trực quan .

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Kiểm tra bài cũ

- Kích thước của tế bào thực vật?

- Nêu những thành phần chủ yếu của tế bào thực vật?

2. Bài mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu sự lớn lên của tế bào

Mục tiêu: HS nắm được tế bào lớn lên nhờ trao đổi chất.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV yêu cầu HS:</p> <p>+ Hoạt động theo nhóm.</p> <p>+ Nghiên cứu SGK.</p> <p>+ Trả lời 2 câu hỏi mục thông tin SGK trang 27.</p> <p>- Tế bào lớn lên như thế nào? (biểu hiện của sự lớn lên).</p> <p>- Nhờ đâu (hay vì sao) tế bào lớn lên được?</p> <p>- GV: từ những ý kiến HS đã thảo luận trong nhóm yêu cầu HS trả lời tóm tắt 2 câu hỏi trên. Gọi bổ sung và rút ra kết luận.</p>	<p>* HS đọc thông tin mục <input type="checkbox"/> kết hợp hợp quan sát hình 8.1 SGK trang 27.</p> <p>- Trao đổi nhóm, thảo luận ghi lại ý kiến sau khi đã thống nhất ra giấy.</p> <p>+ Là sự tăng dần về khối lượng và kích thước tế bào.</p> <p>+ Do TB không ngừng trao đổi chất với môi trường.</p> <p>- Từ dẫn dắt của GV học sinh phải thấy được vách tế bào lớn lên, chất tế bào nhiều lên, không bào to ra.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>

Tiểu kết:

- Tế bào con có kích thước nhỏ, lớn dần lên thành tế bào trưởng thành nhờ quá trình trao đổi chất với môi trường.

Hoạt động 2: Tìm hiểu sự phân chia của tế bào

Mục tiêu: HS nắm được quá trình phân chia của tế bào, tế bào mô phân sinh mới phân chia.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK theo nhóm.</p> <p>* GV viết sơ đồ trình bày mối quan hệ giữa sự lớn lên và phân chia của tế bào.</p> <p>- Tế bào non lớn dần thành tế bào trưởng thành phân chia thành tế bào non mới.</p> <p>- GV: yêu cầu thảo luận nhóm theo 3 câu hỏi ở mục ▽.</p> <p>- <i>Hãy mô tả diễn biến quá trình phân chia của tế bào thực vật?</i></p> <p>- <i>Kết quả của quá trình phân chia là gì?</i></p>	<p>* HS đọc thông tin mục □ SGK trang 28 kết hợp quan sát hình vẽ 8.2 SGK trang 28, nắm được quá trình phân chia của tế bào.</p> <p>* HS theo dõi sơ đồ trên bảng và phân trình bày của GV.</p> <p>* HS thảo luận và ghi vào giấy.</p> <p>+ Quá trình phân chia: SGK trang 28</p> <p>* HS trả lời: <i>phân chia nhân – phân chia chất tế bào – phân chia màng rồi đến vách tế bào.</i></p> <p>- KQ: <i>từ 1 TB thành 2 TB giống hệt</i></p>

<p>- Điều đó dẫn đến hệ quả tất nhiên sẽ xảy ra là gì?</p> <p>- Các tế bào ở bộ phận nào có khả năng phân chia?</p> <p>- Các cơ quan của TV (...) lớn lên bằng cách nào? (Hãy thử giải thích?)</p> <p>* GV gợi ý: sự lớn lên của các cơ quan của thực vật do 2 quá trình:</p> <p>+ Phân chia tế bào.</p> <p>+ Sự lớn lên của tế bào.</p> <p>- Đây là quá trình sinh lí phức tạp ở thực vật. GV tổng kết toàn bộ nội dung theo 3 câu hỏi thảo luận của HS để cả lớp cùng hiểu rõ.</p> <p>* GV đưa ra câu hỏi: Sự lớn lên và phân chia của tế bào có ý nghĩa gì đối với thực vật?</p>	<p>nhau.</p> <p>- HQ: số lượng TB tăng lên</p> <p>- Tế bào ở mô phân sinh có khả năng phân chia.</p> <p>- Các cơ quan của thực vật lớn lên nhờ tế bào phân chia.</p> <p>- Các cơ quan của thực vật lớn lên nhờ tế bào phân chia.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>* HS phải nêu được: sự lớn lên và phân chia của tế bào giúp thực vật lớn lên (sinh trưởng và phát triển).</p> <p>- Học sinh tự rút ra kết luận ghi nhớ theo yêu cầu của thầy.</p>
---	---

V. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời 2 câu hỏi cuối bài.
- HS làm bài tập trắc nghiệm:

Hãy khoanh tròn vào đầu câu trả lời đúng nhất:

Bài tập 1: Các tế bào ở mô nào có khả năng phân chia trong các mô sau:

- a. Mô che chở
- b. Mô nâng đỡ
- c. Mô phân sinh (Đáp án c).

Bài tập 2: Trong các tế bào sau đây tế bào nào có khả năng phân chia:

- a. Tế bào non
- b. Tế bào trưởng thành
- c. Tế bào già (Đáp án b)

Bài tập 3: Điền từ hoặc cụm từ vào chỗ trống:

“ Quá trình phân bào: đầu tiên hình thành sau đó chất tế bào, vách tế bào hình thành tế bào cũ thành tế bào non”.

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
 - Chuẩn bị một số cây rửa sạch như: Cây rau cải, cây cam, cây nhãn, cây rau dền, cây hành, cây cỏ.
-

Tuần 4

Ngày soạn : 14/09/2011

Ngày giảng 6A1: 16/09/2011 6A2: 16/09/2011 6A3: 16/9/2011

Tiết 8 - Bài 9: CÁC LOẠI RỄ, CÁC MIỀN CỦA RỄ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nhận biết và phân biệt được 2 loại rễ chính rễ cọc và rễ chùm.
- Phân biệt được cấu tạo và chức năng các miền của rễ.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát so sánh, kỹ năng hoạt động nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- GV: Một số cây có rễ: cây rau cải, cây nhãn, cây rau dền, cây hành...

Tranh phóng to hình 9.1; 9.2; 9.3 SGK trang 29.

Miếng bìa ghi sẵn các miền của rễ, các chức năng của rễ, phiếu học tập mẫu.

Bài tập	Nhóm	A	B
1	Tên cây		
2	Đặc điểm chung của rễ		
3	Đặt tên rễ		

- HS: Chuẩn bị cây có rễ: cây cải, cây mít, cây hành, củ dại, đậu.

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Hoạt động nhóm, quan sát tìm tòi-nghiên cứu

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Kiểm tra bài cũ

- Quá trình phân bào diễn ra như thế nào?
- Sự lớn lên và sự phân chia của tế bào có ý nghĩa gì đối với thực vật?

2. Bài mới

* **Giới thiệu** Tiết 9 – Bài 9

Hoạt động 1: Tìm hiểu các loại rễ

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>+ Vấn đề 1: Tìm hiểu các loại rễ và phân loại rễ.</p> <p>* GV yêu cầu HS kẻ phiếu học tập vào vở (vở bài tập) hoạt động theo nhóm.</p> <p>- Yêu cầu HS chia rễ cây thành 2 nhóm, hoàn thành bài tập 1 trong phiếu học tập.</p> <p>* GV lưu ý giúp đỡ HS trung bình và yếu.</p> <p>* GV hướng dẫn chữa bài.</p>	<p>* HS đặt tất cả cây có rễ của nhóm lên bàn.</p> <p>- Kiểm tra quan sát thật kỹ tìm những rễ giống nhau đặt vào 1 nhóm.</p>

<p>* GV tiếp tục yêu cầu HS làm bài tập 2, đồng thời GV treo tranh câm hình 9.1 SGK trang 29 để HS quan sát.</p> <p>* GV chữa bài tập 2, sau khi nghe phần phát biểu và bổ sung của các nhóm, GV chọn 1 nhóm hoàn thành phiếu tốt nhất nhắc lại cho cả lớp cùng nghe.</p> <p>* GV cho các nhóm đối chiếu các đặc điểm của rễ với tên cây trong nhóm A, B của bài tập 1 đã phù hợp chưa, nếu chưa thì chuyển các cây của nhóm cho đúng.</p> <p>* GV gợi ý bài tập 3 dựa vào đặc điểm rễ có thể gọi tên rễ.</p> <p>- Nếu HS gọi nhóm A là rễ thẳng thì GV chỉnh lại là rễ cọc.</p> <p>? Đặc điểm của rễ cọc và rễ chùm?</p> <p>* GV yêu cầu HS làm nhanh bài tập ▽ số 2 SGK trang 29.</p> <p>+ Vấn đề 2: Nhận biết các loại rễ cọc và rễ chùm qua tranh, mẫu...</p> <p>* GV cho HS cả lớp xem rễ cây rau</p>	<p>- Trao đổi trong nhóm, thống nhất ý kiến ghi vào phiếu học tập ở bài tập 1.</p> <p>Bài tập 2: HS quan sát kỹ rễ của các cây ở nhóm A chú ý kích thước các rễ, các mọc trong đất, kết hợp với tranh (có rễ to, nhiều rễ nhỏ), ghi vào phiếu tương tự với rễ cây nhóm B.</p> <p>* HS đại diện của 1 nhóm trình bày, các nhóm khác nghe và nhận xét, bổ sung.</p> <p>* HS đối chiếu với kết quả đúng để sửa chữa nếu cần.</p> <p>* HS làm bài tập 3 từng nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, thống nhất tên rễ cây ở 2 nhóm là Rễ cọc và Rễ chùm.</p> <p>* HS nhìn vào phiếu đã chữa của nhóm đọc to kết quả cho cả lớp cùng nghe.</p> <p>* HS chọn nhanh và 1- 2 em trả lời, các em khác nhận xét, bổ sung.</p>
--	--

dền và cây nhãn, hoàn thành 2 câu hỏi. * GV cho HS theo dõi Phiếu chuẩn kiến thức, sửa chỗ sai. * GV đánh giá điểm cho nhóm làm tốt.	* HS hoạt động cá nhân quan sát rễ cây của GV kết hợp với hình 9.2 SGK trang 30, hoàn thành 2 câu hỏi ở dưới hình. * HS tự đánh giá câu trả lời của mình. Quan sát phiếu chuẩn kiến thức để sửa chữa nếu cần.
--	--

Tiểu kết:

Phiếu chuẩn kiến thức

BT	Nhóm	A	B
1	- Tên cây	- Cây rau cải, cây mít, cây đậu.	- Cây hành, củ dại, ngô.
2	- Đặc điểm chung của rễ	- Có một rễ cái to khoẻ đâm thẳng, nhiều rễ con mọc xiên, từ rễ con mọc nhiều rễ nhỏ hơn.	- Gồm nhiều rễ to dài gần bằng nhau, mọc toả từ gốc thân thành chùm.
3	- Đặt tên rễ	- Rễ cọc	- Rễ chùm

⇒ Vậy có 2 loại rễ chính : **Rễ cọc** và **rễ chùm**.

(HS ghi nhớ và kết luận)

Hoạt động 2: Tìm hiểu các miền của rễ

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
--------------------------------	--------------------------------

<p>- GV: cho HS tự nghiên cứu SGK trang 30.</p> <p>+ Vấn đề 1: Xác định các miền của rễ</p> <p>* GV treo tranh câm các miền của rễ đặt các miếng bìa ghi sẵn các miền của rễ trên bàn, HS chọn và gắn vào tranh.</p> <p>? Rễ có mấy miền? Kể tên các miền?</p> <p>+ Vấn đề 2: Tìm hiểu chức năng các miền của rễ.</p> <p>? Chức năng chính của các miền của rễ?</p>	<p>* HS làm việc độc lập: đọc nội dung trong khung kết hợp với quan sát tranh và chú thích, ghi nhớ kiến thức.</p> <p>- 1 HS lên bảng gắn các tấm bìa viết sẵn để xác định được vá miền.</p> <p>* HS khác theo dõi, nhận xét, sửa lỗi nếu cần.</p> <p>* HS trả lời câu hỏi, cả lớp ghi nhớ 4 miền của rễ.</p> <p>- Tương tự 1 HS lên gắn các miếng bìa viết sẵn chức năng vào các miền cho phù hợp.</p> <p>* HS theo dõi, nhận xét.</p> <p>- Trả lời câu hỏi của GV về chức năng các miền của rễ.</p>
--	---

Tiểu kết:

- Rễ có 4 miền chính
- + Miền chóp rễ
- + Miền sinh trưởng
- + Miền hút
- + Miền trưởng thành

V. CÙNG CÓ

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS kể tên 10 cây rễ cọc, 10 cây rễ chùm.

* HS làm bài tập trắc nghiệm

Khoanh tròn vào đầu câu đúng:

- Trong các miền sau đây của rễ, miền nào có chức năng dẫn truyền?

a. Miền trưởng thành

b. Miền hút

c. Miền sinh trưởng

d. Miền chóp rễ

- Theo em miền nào của rễ có chức năng quan trọng nhất? Vì sao?

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi 1, 2 SGK.

- Đọc mục “Em có biết”

Duyệt ngày : tháng năm 2011

Tuần 5

Ngày soạn : 14/09/2011

Ngày giảng 6A1: 16/09/2011 6A2: 16/09/2011 6A3: 16/9/2011

CHƯƠNG II - RỄ

Tiết 9 - Bài 10: CẤU TẠO MIỀN HÚT CỦA RỄ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nắm được cấu tạo và chức năng các bộ phận miền hút của rễ.
- Bằng quan sát nhận xét thấy được đặc điểm cấu tạo của các bộ phận phù hợp với chức năng của chúng.
- Biết sử dụng kiến thức đã học giải thích một số hiện tượng thực tế có liên quan đến rễ cây.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát tranh, mẫu khả năng tư duy tích cực và sáng tạo.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- GV: Tranh phóng to hình 10.1; 10.2; 7.4 SGK, bảng cấu tạo chức năng miền hút của rễ và các mảnh bìa ghi sẵn.
- HS: Ôn lại kiến thức về cấu tạo, chức năng các miền của rễ, lông hút, biểu bì, thịt vỏ,...

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Quan sát .
- Thảo luận
- Vấn đáp
- Trực quan

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Kiểm tra bài cũ

- Nêu chức năng các miền hút của rễ?

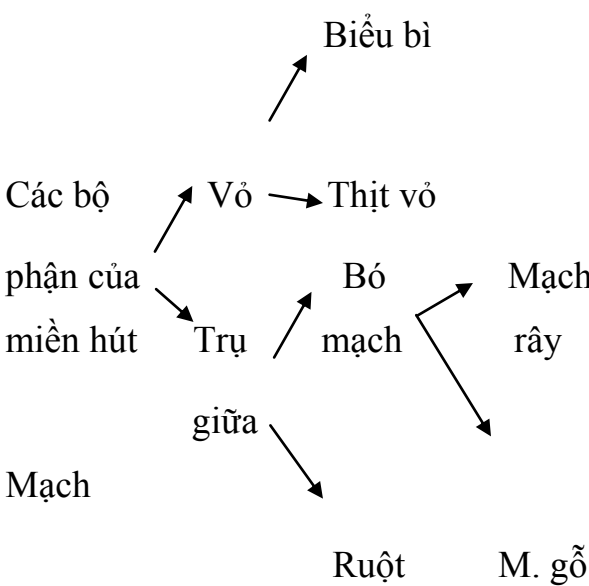
2. Bài mới

VB: GV cho HS nhắc lại cấu tạo và chức năng các miền của rễ? Tại sao miền hút lại quan trọng nhất?

Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo miền hút của rễ

Mục tiêu: HS thấy được cấu tạo miền hút của rễ gồm 2 phần: vỏ và trụ giữa

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV treo tranh phóng to hình 10.2 và 10.2 SGK.</p> <p>+ Lát cắt ngang qua miền hút và tế bào lông hút.</p> <p>+ Miền hút gồm 2 phần vỏ và trụ giữa (chỉ giới hạn các phần trên tranh).</p>	<p>* HS theo dõi tranh trên bảng ghi nhớ được 2 phần vỏ và trụ giữa.</p> <p>* HS xem chú thích của hình 10.1 SGK trang 32, ghi ra giấy các bộ phận của phần vỏ và trụ giữa, HS khác nhận</p>

<p>* GV kiểm tra bằng cách gọi HS nhắc lại.</p> <p>* GV ghi sơ đồ lên bảng, cho HS điền tiếp các bộ phận</p> <p>Các bộ phận của miền hút:</p>  <pre>graph TD; A[Các bộ phận của miền hút] --> B[Vỏ]; A --> C[Trụ giữa]; B --> D[Biểu bì]; B --> E[Thịt vỏ]; C --> F[Bó mạch]; C --> G[Ruột]; F --> H[Mạch rây]; F --> I[M. gỗ];</pre> <p>* GV cho HS nghiên cứu SGK trang 32.</p> <p>* GV yêu cầu HS quan sát lại hình 10.2 trên bảng trao đổi trả lời câu hỏi:</p> <p>? Vì sao mỗi lông hút là 1 tế bào?</p> <p>* GV nhận xét và cho điểm HS trả lời đúng.</p>	<p>xét, bổ sung.</p> <p>- HS lên bảng điền nốt vào sơ đồ của GV, HS khác bổ sung.</p> <p>* HS đọc nội dung ở cột 2 của bảng “Cấu tạo chức năng của miền hút”, ghi nhớ nội dung chi tiết cấu tạo của biểu bì, thịt vỏ, mạch rây, mạch gỗ, ruột.</p> <p>- 1 HS đọc lại nội dung trên để cả lớp cùng nghe.</p> <p>* HS chú ý cấu tạo của lông hút có vách tế bào, màng tế bào... để trả lời lông hút là tế bào.</p>
--	--

Tiểu kết:

- Miền hút của rễ gồm 2 phần: vỏ và trụ giữa.
- + Vỏ cấu tạo gồm biểu bì và thịt vỏ.

+ Trụ giữa gồm bó mạch (có 2 loại bó mạch là mạch rây và mạch gỗ) và ruột.

Hoạt động 2: Tìm hiểu chức năng của miền hút

Mục tiêu: HS thấy được từng bộ phận của miền hút phù hợp với chức năng.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV ch HS nghiên cứu SGK trang 32 bảng “Cấu tạo và chức năng của miền hút”, quan sát hình 7.4.</p> <p>- Cho HS thảo luận theo 3 vấn đề:</p> <p>? Cấu tạo miền hút phù hợp với chức năng thể hiện như thế nào?</p> <p>? Lông hút có tồn tại mãi không?</p> <p>? Tìm sự giống nhau và khác nhau giữa tế bào thực vật với tế bào động vật?</p> <p>* GV gợi ý: Tế bào lông hút có không bào lớn, kéo dài để tìm nguồn thức ăn.</p> <p>* GV nghe, nhận xét phần trả lời của HS, đánh giá điểm để động viên những nhóm hoạt động tốt.</p>	<p>* HS đọc cột 3 trong bảng kết hợp với hình vẽ 10.1 và cột 2 để ghi nhớ nội dung.</p> <p>- Thảo luận đưa ra được ý kiến</p> <p>+ Phù hợp cấu tạo chức năng biểu bì: các tế bào xếp sát nhau, bảo vệ. Lông hút là tế bào biểu bì kéo dài...</p> <p>+ Lông hút không tồn tại mãi, khi miền hút trưởng thành các TB lông hút sẽ già và rụng.</p> <p>+ Tế bào lông hút không mang diệp lục.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>

<p>? Trên thực tế bộ rễ thường ăn sâu, lan rộng, nhiều rễ con, hãy giải thích?</p> <p>* GV củng cố bài bằng cách như sách hướng dẫn.</p>	<p>* HS dựa vào cấu tạo miền hút, chức năng của lông hút trả lời.</p>
--	---

Tiểu kết:

*Miền hút của rễ có cấu tạo gồm:

- Phần vỏ: có các tế bào biểu bì kéo dài thành lông hút có chức năng hút nước và muối khoáng nuôi cây.
- Phần trụ giữa có các bó mạch gỗ và bó mạch rây xếp xen kẽ nhau có nhiệm vụ dẫn truyền các chất tới các phần khác của cây. Trong cùng là ruột chứa chất dự trữ.

=> **Đây là phần quan trọng nhất của rễ.**

V. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

*GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2, 3 GSK.

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
 - Đọc mục “Em có biết”
-

Tuần 5

Ngày soạn : 21/09/2011

Ngày giảng 6A1: 23/09/2011 6A2: 23/09/2011 6A3: 23/9/2011

Tiết 10 - Bài 11: SỰ HÚT NƯỚC VÀ MUỐI KHOÁNG CỦA RỄ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh biết quan sát, nghiên cứu kết quả thí nghiệm để tự xác định được vai trò của nước và 1 số loại muối khoáng chính đối với cây.
- Xác định được con đường rễ cây hút nước và muối khoáng hoà tan.
- Hiểu được nhu cầu nước và muối khoáng của cây phụ thuộc vào những điều kiện nào?
- Tập thiết kế thí nghiệm đơn giản nhằm chứng minh cho mục đích nghiên cứu của SGK đề ra.
- Học sinh trình bày được con đường mà nước và muối khoáng sẽ tiếp tục được vận chuyển sau khi đã được hút vào rễ cây và mối quan hệ giữa hai quá trình hút nước và muối khoáng.
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến hai quá trình hút nước và muối khoáng của rễ cây, từ đó giải thích các hiện tượng cần lưu ý trong thực tiễn trồng trọt.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng thao tác, bước tiến hành thí nghiệm. Biết vận dụng kiến thức đã học để bước đầu giải thích một số hiện tượng trong thiên nhiên. Rèn kỹ năng quan sát tranh, mẫu.

3. Thái độ

- Giáo dục lòng yêu thích môn học, ý thức bảo vệ thực vật, biết chăm sóc, tưới tiêu nước và muối khoáng cho cây trồng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- GV: tranh hình 11.1; 11.2 SGK.
- HS: Kết quả của các mẫu thí nghiệm ở nhà.

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Quan sát .
- Thảo luận
- Vấn đáp
- Trực quan

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra 15 phút

I - Trắc nghiệm

Khoanh tròn một chữ cái A hoặc B , C , D đứng trước phương án trả lời đúng :

1 . Trong những nhóm cây sau nhóm cây nào gồm toàn cây một năm?

- | | |
|-----------------------------------|--|
| A. Cây xoài, cây bưởi , cây lạc ; | C. Cây táo, cây mít, cây rau cải ; |
| B. Cây lúa, cây ngô, cây bí xanh | D. Cây cà chua, cây dưa chuột, cây xoài. |

2. Điểm khác nhau cơ bản giữa thực vật với sinh vật khác là :
- A. Thực vật rất đa dạng phong phú
 - B. Thực vật sống ở khắp nơi trên trái đất
 - C. Thực vật có khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ, ít có khả năng di chuyển , phản ứng chậm với các kích thích.
 - D. Thực vật có khả năng vận động , lớn lên , sinh sản
3. Rễ cây gồm mấy miền ?
- A. 2; B. 3; C. 4; D. 5
4. Miền hút là phần quan trọng nhất của rễ vì ?
- A. Gồm 2 phần: vỏ và trụ giữa .
 - B. Có mạch gỗ , mạch rây vận chuyển các chất.
 - C. Có nhiều lông hút giữ chức năng hút nước và muối khoáng hòa tan .
 - D. Có ruột chứa chất dự trữ .
5. Tế bào được cấu tạo bởi các phần:
- A. Vách tế bào
 - B. Màng sinh chất và chất tế bào
 - C. Vách tế bào và nhân
 - D. Vách tế bào, màng sinh chất, chất tế bào, nhân và không bào .

II - Tự luận

Nêu chức năng miền hút của rễ?

Đáp án - Biểu điểm

I - Trắc nghiệm

Mỗi ý đúng 1 điểm

Ý	1	2	3	4	5
Đáp án	B	C	C	C	D

II - Tự luận

- Phần vỏ: có các tế bào biểu bì kéo dài thành lông hút có chức năng hút nước và muối khoáng nuôi cây. (2 điểm)

- Phần trụ giữa có các bó mạch gỗ và bó mạch rây xếp xen kẽ nhau có nhiệm vụ dẫn truyền các chất tới các phần khác của cây. Trong cùng là ruột chứa chất dự trữ.

=> Đây là phần quan trọng nhất của rễ.(3 điểm)

3. Bài mới

Mở bài như SGK.

Hoạt động 1: Tìm hiểu nhu cầu nước của cây

Mục tiêu: HS thấy được nước rất cần cho cây nhưng tùy từng loại cây và giai đoạn phát triển.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
+ Thí nghiệm 1:	* HS hoạt động nhóm. - Từng cá nhân trong nhóm đọc thí

<p>* GV cho HS nghiên cứu SGK, thảo luận theo 2 câu hỏi mục ▽ thứ nhất.</p> <p>* GV bao quát lớp, nhắc nhở các nhóm, hướng dẫn động viên nhóm HS yếu.</p> <p>- Sau khi HS đã trình bày kết quả, GV thông báo kết quả của nhóm nếu cần.</p> <p>+ Thí nghiệm 2</p> <p>* GV cho các nhóm báo cáo kết quả thí nghiệm cân rau ở nhà.</p> <p>* GV cho HS nghiên cứu SGK.</p> <p>* GV lưu ý khi HS kể tên cây cần nhiều nước và ít nước tránh nhầm cây ở nước cần nhiều nước, cây ở cạn cần ít nước.</p> <p>- Yêu cầu HS rút ra kết luận.</p>	<p>thí nghiệm SGK chú ý tới: điều kiện thí nghiệm, tiến hành thí nghiệm.</p> <p>- Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, ghi lại nội dung cần đạt được: đó là cây cần nước như thế nào và dự đoán cây chậu B sẽ héo dần vì thiếu nước.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Các nhóm báo cáo đưa ra nhận xét chung về khối lượng rau quả sau khi phơi khô là bị giảm.</p> <p>* HS đọc mục □ SGK trang 35, thảo luận theo 2 câu hỏi ở mục ▽ thứ 2 SGK trang 35, đưa ra ý kiến thống nhất.</p> <p>* HS đưa được ý kiến: nước cần cho cây, từng loại cây, từng giai đoạn cây cần lượng nước khác nhau.</p> <p>* HS trình bày ý kiến, các HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
---	---

Tiểu kết:

- Như mục □ SGK trang 35.

Hoạt động 2: Tìm hiểu nhu cầu muối khoáng của cây

Mục tiêu: HS thấy được cây rất cần 3 loại muối khoáng chính: đạm, lân, kali.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>+ Thí nghiệm 3:</p> <p>* GV treo tranh hình 11.1, cho HS đọc thí nghiệm 3 SGK trang 35.</p> <p>* GV hướng dẫn HS thiết kế thí nghiệm theo nhóm: thí nghiệm gồm các bước</p> <p>+ Mục đích thí nghiệm</p> <p>+ Đối tượng thí nghiệm</p> <p>+ Tiến hành: điều kiện và kết quả.</p> <p>* GV nhận xét, bổ sung cho các nhóm vì đây là thí nghiệm đầu tiên các em tập thiết kế.</p> <p>* GV cho HS đọc SGK trả lời câu hỏi mục ▽.</p> <p>* GV nhận xét, đánh giá điểm cho HS.</p>	<p>* HS đọc SGK kết hợp quan sát tranh và bảng số liệu ở SGK trang 36, trả lời câu hỏi sau thí nghiệm 3.</p> <p>+ Mục đích thí nghiệm: xem nhu cầu muối đạm của cây.</p> <p>* HS trong nhóm sẽ thiết kế thí nghiệm của mình theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- 1 hoặc 2 HS trình bày thí nghiệm.</p> <p>* HS đọc mục □ trả lời câu hỏi, ghi vào vở (vở bài tập).</p> <p>- 1 vài HS đọc lại câu trả lời.</p>

Tiểu kết:

- Rễ cây chỉ hấp thụ muối khoáng hoà tan trong đất, cây cần 3 loại muối khoáng chính là: đạm, lân, kali.

Hoạt động 3: Tìm hiểu con đường rễ cây hút nước và muối khoáng

Mục tiêu: HS thấy được rễ cây hút nước và muối khoáng nhờ lông hút.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV cho HS nghiên cứu SGK làm bài tập mục ▽ SGK trang 37.</p> <p>* GV viết nhanh 2 bài tập lên bảng, treo tranh phóng to hình 11.2 SGK.</p> <p>- Sau khi HS đã điền và nhận xét, GV hoàn thiện để HS nào chưa đúng thì sửa.</p> <p>- Gọi HS đọc bài tập đã chữa đúng lên bảng.</p> <p>* GV củng cố bằng cách chỉ lại trên tranh để HS theo dõi.</p> <p>* GV cho HS nghiên cứu SGK trả lời → câu hỏi: ? Bộ phận nào của rễ chủ yếu làm nhiệm vụ hút nước và muối khoáng hoà tan?</p>	<p>* HS quan sát kĩ hình 11.2 chú ý đường đi của → màu vàng và đọc phần chú thích.</p> <p>* HS chọn từ điền vào chỗ trống sau đó đọc lại cả câu xem đã phù hợp chưa.</p> <p>- 1 HS lên chữa bài tập trên bảng → cả lớp theo dõi để nhận xét.</p> <p>* HS đọc mục □ SGK. kết hợp với bài tập trước trả lời được 2 ý: + Lông hút là bộ phận chủ yếu của rễ</p>

<p>? Tại sao sự hút nước và muối khoáng của rễ không thể tách rời nhau?</p> <p>* GV có thể gọi đối tượng HS trung bình trước nếu trả lời được GV khen, đánh giá điểm.</p>	<p>hút nước và muối khoáng hoà tan.</p> <p>+ Vì rễ cây chỉ hút được muối khoáng hoà tan.</p>
---	--

Tiểu kết:

- Rễ cây hút nước và muối khoáng hoà tan nhờ lông hút. Sau khi được hút vào, nước và MK theo các bó mạch gỗ chuyển lên các phần trên của cây.

Hoạt động 4: Tìm hiểu những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng của cây.

Mục tiêu: HS biết được các điều kiện như: đất, khí hậu, thời tiết ảnh hưởng đến sự hút muối khoáng.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV thông báo những điều kiện ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng của cây: Đất trồng, thời tiết, khí hậu...</p> <p>a- Các loại đất trồng khác nhau</p> <p>- Yêu cầu HS nghiên cứu SGK → trả lời câu hỏi: Đất trồng đã ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng như thế</p>	<p>* HS đọc mục □ SGK tr.38 trả lời câu hỏi của GV có 3 loại đất:</p> <p>+ Đất đá ong: Nước và muối khoáng</p>

<p>nào? VD cụ thể?</p> <p>- Em hãy cho biết địa phương em(Hà nội, Thanh hoá...) có đất trồng thuộc loại nào?</p> <p>b- Thời tiết khí hậu</p> <p>* GV yêu cầu học sinh nghiên cứu SGK. Trả lời câu hỏi thời tiết, khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến sự hút nước và muối khoáng của cây?</p> <p>* GV gợi ý: khi nhiệt độ xuống dưới 0°C nước đóng băng, muối khoáng không hoà tan, rễ cây không hút được.</p> <p>- Để củng cố phần này GV cho HS đọc và trả lời câu hỏi mục ▽.</p> <p>* GV dùng tranh câm hình 11.2 SGK, tr.37 để học sinh điền mũi tên và chú thích hình.</p> <p>- Nếu đúng GV đánh giá điểm</p>	<p>trong đất ít → sự hút của rễ khó khăn.</p> <p>+ Đất phù sa: Nước và muối khoáng nhiều → sự hút của rễ thuận lợi.</p> <p>+ Đất đỏ bazan.</p> <p>* HS đọc thông tin □ SGK tr.38 trao đổi nhanh trong nhóm về ảnh hưởng của băng giá, khi ngập úng lâu ngày sự hút nước và muối khoáng bị ngừng hay mất.</p> <p>- 1 đến 2 HS trả lời → HS khác nhận xét bổ sung.</p> <p>* HS đưa ra các điều kiện ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng cũng là kết luận của mục này.</p>
---	--

Tiểu kết:

- Đất trồng, thời tiết, khí hậu ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng của cây. Khả năng hút nước và muối khoáng cũng tùy thuộc vào tong giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây.

- Trong trồng trọt cần chú ý cung cấp đủ nước và các loại muối khoáng để cây trồng có thể phát triển tốt.

V. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

*GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 SGK.

* HS trả lời câu hỏi SGK.

- Trả lời một số câu hỏi thực tế HS đúng, GV đánh giá điểm.

? Vì sao cần bón đủ phân, đúng loại, đúng lúc?

? Tại sao khi trời nắng, nhiệt độ cao cần tưới nhiều nước cho cây?

? Cày, cuốc, xới đất có lợi gì?

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi 2, 3 SGK trang 39.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Giải ô chữ SGK trang 39.

- Chuẩn bị mẫu theo nhóm: củ sắn, củ cà rốt, cành trầu không, vụn niên thanh, cây tầm gửi (nếu có), dây tơ hồng, tranh các loại cây: bụi mọc, cây mấm, cây đước (có nhiều rễ trên mặt đất).

Duyệt ngày : tháng năm 2011

Tuần 6

Ngày soạn : 25/09/2011

Ngày giảng 6A1: 27/09/2011 6A2: 27/09/2011 6A3: 27/9/2011

Tiết 11- -Bài 12: BIẾN DẠNG CỦA RỄ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh phân biệt 4 loại biến dạng: rễ củ, rễ móc, rễ thở, giác mút. Hiểu được đặc điểm của từng loại rễ biến dạng phù hợp với chức năng của chúng.

- Nhận dạng được một số rễ biến dạng đơn giản thường gặp.

* HS giải thích được vì sao phải thu hoạch các cây có rễ củ trước khi cây ra hoa.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh, phân tích mẫu, tranh.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- GV: Kẻ sẵn bảng đặc điểm các loại rễ biến dạng SGK trang 40.

Tranh mẫu một số loại rễ biến dạng, rễ đặc biệt.

- HS: Mỗi nhóm chuẩn bị; củ sắn, củ cà rốt, cành trầu không, tranh cây bần, cây bụt mọc... và kẻ bảng trang 40 vào vở (vở bài tập).

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Hoạt động nhóm, quan sát tìm tòi-nghiên cứu

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

- Bộ phận nào của rễ có chức năng chủ yếu hấp thụ nước và muối khoáng? Các yếu tố bên ngoài nào ảnh hưởng đến quá trình hút nước và muối khoáng của cây?

3. Bài mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm hình thái của rễ biến dạng

Mục tiêu: HS thấy được các hình thái cuat rễ biến dạng.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm. Đặt mẫu lên bàn quan sát, phân chia rễ thành nhóm.</p> <p>* GV gợi ý: có thể xem rễ đó ở dưới đất hay trên cây.</p>	<p>* HS trong nhóm đặt tất cả mẫu và tranh lên bàn, cùng quan sát.</p> <p>- Dựa vào hình thái, màu sắc và cách mọc để phân chia rễ vào từng nhóm nhỏ.</p>

<p>* GV củng cố thêm môi trường sống của cây bần, mắm, cây bụt mọc là ở nơi ngập mặn, hay gần ao, hồ...</p> <p>* GV không chữa nội dung đúng hay sai chỉ nhận xét hoạt động của các nhóm, HS sẽ tự sửa ở mục sau.</p>	<p>* HS có thể phân chia: rễ dưới mặt đất, rễ mọc trên thân cây hay rễ bám vào tường, rễ mọc ngược lên mặt đất.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung</p>
---	---

Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm cấu tạo và chức năng của rễ biến dạng

Mục tiêu: HS thấy được các dạng chức năng của rễ biến dạng.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân.</p> <p>* GV treo bảng mẫu để HS tự sửa lỗi (nếu có).</p> <p>- Tiếp tục cho HS làm nhanh bài tập SGK trang 41.</p> <p>* GV đưa một số câu hỏi củng cố bài.</p> <p>? Có mấy loại rễ biến dạng?</p> <p>? Chức năng của rễ biến dạng đối với cây là gì?</p> <p>* GV có thể cho HS tự kiểm tra nhau bằng cách gọi 2 HS đứng lên, 1 HS hỏi và 1 HS trả lời nhanh.</p> <p>- Thay nhau trả lời, nếu trả lời đúng</p>	<p>* HS hoàn thành bảng trang 40 ở vở.</p> <p>* HS so sánh với phần nội dung ở mục 1 để sửa chữa những chỗ chưa đúng về các loại rễ, tên cây...</p> <p>- 1 đến 2 HS đọc kết quả của mình, HS khác bổ sung.</p> <p>- 1 HS đọc luôn phần trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần).</p>

nhiều thì GV đánh giá điểm.	
-----------------------------	--

Tiểu kết:

- Như nội dung bảng SGK trang 40 (HS hoàn thành và ghi nhớ vào vở (vở bài tập) bài tập).

V. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi SGK.

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Sưu tầm cho bài sau một số loại cảnh cây: râm bụt, hoa hồng, rau đay, ngọn bí đỏ.

- Làm trước TN_o về sự dài ra của thân cây.

Tuần 6

Ngày soạn : 28/09/2011

Ngày giảng 6A1: 30/09/2011 6A2: 30/09/2011 6A3: 30/9/2011

Tiết 12 - THỰC HÀNH NHẬN BIẾT VÀ PHÂN LOẠI RỄ

MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hs phân biệt được 4 loại rễ biến dạng: rễ củ, rễ móc, rễ thở, rễ giác mút .
- Hiểu được đ.đ từng loại rễ biến dạng phù hợp với chức năng của chúng. Nhận dạng được 1 số loại rễ biến dạng.
- Giải thích được tại sao phải thu hoạch cây rễ củ trước khi ra hoa.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh, phân tích.

3. Thái độ:

- Giáo dục hs bảo vệ những TV có ích.

II. CHUẨN BỊ

- Gv: -Vật mẫu : Các loại rễ, Phiếu học tập, Máy chiếu
- Hs: Chuẩn bị mẫu vật ở bài 12.

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Hoạt động nhóm, quan sát tìm tòi-nghiên cứu.

IV. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số HS

2. Kiểm tra bài cũ:

H: Trình bày con đường hút nước và muối khoáng của rễ ?

H: Những đ.k nào ảnh hưởng đến sự hút nước & muối khoáng?

3. Bài mới:

Vào bài: GV: Chức năng chính của rễ là gì ?

HS: Hút nước và muối khoáng nuôi cây.

GV: Trong thực tế, rễ không chỉ có khả năng hút nước và muối khoáng hoà tan, mà ở một số cây rễ còn có những chức năng khác nên hình dạng, cấu tạo của rễ thay đổi, làm rễ biến dạng. Có những loại rễ biến dạng nào? Chúng có chức năng gì?

GV: Ghi tên bài lên bảng

Các hoạt động thực hành

Hoạt động 1: Hướng dẫn ban đầu .

-GV: Nêu mục tiêu bài thực hành

-Gv: Yêu cầu hs kẻ bảng bài tập trang 42 . Thảo luận: và ghi nội dung vào bảng

-Hs: Viết mẫu báo cáo theo nội dung bảng .

-GV: Phân nhóm và vị trí làm việc

Hoạt động 2: hoạt động thực hành.

-Gv: theo dõi các nhóm thực hành

-Hs: Thực hành theo tổ.

-Gv: Yêu cầu hs thảo luận nhóm làm b.t ở bảng .

-Hs: Hoạt động nhóm làm b.t, lên bảng điền vào bảng phụ:

Hoạt động 3: Đánh giá kết quả hoạt động

-HS nộp kết quả thực hành

-GV: nhận xét kết quả thực hành, giải đáp những thắc mắc

Tt	Tên cây	Loại rễ biến dạng	Chức năng	Công dụng

1	Củ đậu	rễ củ	Chứa chất dự trữ cho cây khi ra hoa, quả.	thức ăn
2	Vạn niên thanh	Rễ móc	Giúp cây leo lên	Làm cảnh
3	Dây tơ hồng	Rễ giác mút	Lấy thức ăn từ cây chủ.	Có hại cho con người
4	Cải củ	Rễ củ	Chứa chất dự trữ cho cây khi ra hoa, quả.	
5	Đước	Rễ thở	Lấy ôxi cung cấp cho các phần rễ dưới đất.	chống gió bão ở vùng ven biển

4. KẾT THÚC

- Gv: Nhận xét sự chuẩn bị của các nhóm và thao tác trong thực hành.
- +Lấy điểm các nhóm thực hành tốt
- +Phê bình nhóm không chuẩn bị , thực hành không đúng yêu cầu.
- +Cho hs dọn vệ sinh lớp học.

5. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Tiếp tục hoàn thành bảng.
- Chuẩn bị bài mới.

Duyệt ngày : tháng năm 2011

Tuần 7

Ngày soạn : 2/10/2011

Ngày giảng 6A1: 4/10/2011 6A2: 4/10/2011 6A3: 4/10/2011

CHƯƠNG III- THÂN

Tiết 13 - Bài 13: CẤU TẠO NGOÀI CỦA THÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nắm được các bộ phận cấu tạo ngoài của thân gồm: thân chính, cành, chồi ngọn và chồi nách.
- Phân biệt được 2 loại chồi nách: chồi lá và chồi hoa.
- Nhận biết, phân biệt được các loại thân: thân đứng, thân leo, thân bò.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh, phân tích mẫu, tranh.

3. Thái độ

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- GV: Tranh phóng to hình 13.1; 13.2; 13.3 SGK trang 43, 44.

Ngọn bí đỏ, ngồng cải.

Bảng phân loại thân cây.

- HS: Cành cây: râm bụt, hoa hồng, rau đay, ngọn bí đỏ, rau má, cây cỏ, kính lúp cầm tay, tranh 1 số loại cây.

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Quan sát
- Thảo luận
- Vấn đáp
- Gợi mở .

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

- Kể tên các loại rễ biến dạng và chức năng của chúng?

3. Bài mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo ngoài của thân

Mục tiêu: HS xác định được thân gồm: chồi ngọn, chồi nách.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<i>a. Xác định các bộ phận ngoài của thân, vị trí chồi ngọn, chồi nách.</i> * GV yêu cầu: + HS đặt mẫu trên bàn	 - Đặt cây, cành lên bàn quan sát đối

<p>+ Hoạt động cá nhân</p> <p>+ Quan sát than cành từ trên xuống trả lời câu hỏi SGK.</p> <p>* GV kiểm tra bằng cách gọi HS trình bày trước lớp.</p> <p>* GV gợi ý HS đặt 1 cành gần 1 cây nhỏ để tìm đặc điểm giống nhau.</p> <p>- Câu hỏi thứ 5 có thể HS trả lời không đúng, GV gợi ý: vị trí của chồi ở đâu thì nó phát triển thành bộ phận đó.</p> <p>* GV dùng tranh 13.1 nhắc lại các bộ phận của thân, hay chỉ ngay trên mẫu để HS ghi nhớ.</p> <p>b. Quan sát cấu tạo của chồi hoa và chồi lá</p> <p>* GV nhấn mạnh: chồi nách gồm 2 loại: chồi lá, chồi hoa. Chồi hoa, chồi lá nằm ở kẽ lá.</p> <p>* GV yêu cầu: HS hoạt động nhóm.</p> <p>* GV cho HS quan sát chồi lá (bí ngô) chồi hoa (hoa hồng), GV có thể tách vảy nhỏ cho HS quan sát.</p> <p>* GV hỏi: Những vảy nhỏ tách ra được là bộ phận nào của chồi hoa và chồi lá?</p>	<p>chiều với hình 13.1 SGK trang 43 trả lời 5 câu hỏi SGK.</p> <p>* HS mang cành của mình đã quan sát lên trước lớp chỉ các bộ phận của thân, HS khác bổ sung.</p> <p>* HS tiếp tục trả lời câu hỏi, yêu cầu nêu được:</p> <p>+ Thân, cành đều có những bộ phận giống nhau: đó là có chồi, lá...</p> <p>+ Chồi ngọn: đầu thân, chồi nách, nách lá.</p> <p>* HS nghiên cứu mục thông tin □ SGK trang 43 ghi nhớ kiến thức về 2 loại chồi lá và chồi hoa.</p> <p>* HS quan sát thao tác và mẫu của GV kết hợp hình 13.2 SGK trang 43, ghi nhớ kiến thức cấu tạo của chồi lá, chồi hoa.</p> <p>* HS xác định được các vảy nhỏ mà GV đũ tách là mầm lá.</p> <p>* HS trao đổi nhóm trả lời 2 câu hỏi</p>
--	---

<p>* GV treo tranh hình 13.2 SGK trang 43.</p> <p>* GV cho HS nhắc lại các bộ phận của thân.</p>	<p>SGK.</p> <p>- Yêu cầu nêu được:</p> <p>+ Giống nhau: có mầm lá bao bọc.</p> <p>+ Khác nhau: Mô phân sinh ngọn là mầm hoa.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>
--	---

Tiểu kết:

- Thân cây có cây tạo gồm các phần : Thân chính, chồi ngọn, chồi nách và cành mang lá.
- Những cành cây trưởng thành sẽ mang toàn bộ các đặc điểm của thân cây.

Hoạt động 2: Phân biệt các loại thân

Mục tiêu: HS biết cách phân loại thân theo vị trí của thân trên mặt đất theo độ cứng mềm của thân.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>- Yêu cầu HS hoạt động cá nhân.</p> <p>* GV treo tranh hình 13.3 SGK trang 44, yêu cầu HS đặt mẫu tranh lên bàn, quan sát và chia nhóm.</p> <p>* GV gợi ý một số vấn đề khi phân chia:</p> <p>+ Vị trí của thân trên mặt đất.</p>	<p>* HS quan sát tranh, mẫu đối chiếu với tranh của GV để chia nhóm cây kết hợp với những gợi ý của GV rồi đọc thông tin □ SGK trang 44 để hoàn thành bảng trang 45 SGK.</p>

<p>+ Độ cứng mềm của thân</p> <p>+ Sự phân cành</p> <p>+ Thân tự đứng hay phải leo, bám.</p> <p>* GV gọi 1 HS lên điền tiếp vào bảng phụ đã chuẩn bị sẵn.</p> <p>* GV chữa ở bảng phụ để HS theo dõi và sửa lỗi trong bảng của mình.</p> <p>? Có mấy loại thân? cho VD?</p> <p>(GV yêu cầu HS nêu các đặc điểm phân biệt).</p>	<p>- 1 HS lên điền vào bảng phụ. Các SH còn lại nhận xét, bổ sung.</p>
--	--

Tiểu kết:

- Có 3 loại thân: thân đứng, thân leo, thân bò.
- + Thân đứng gỗ: Thân gỗ, thân cột và thân cỏ.
- + Thân leo gồm: Leo bằng tua cuốn và leo bằng tay quấn.

V. CÙNG CỐ

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS làm bài tập 1 và 2 ở SGK, GV photo sẵn dưới dạng phiếu học tập.

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc trước và làm thí nghiệm rồi ghi lại kết quả ở bài 14.

Tuần 7

Ngày soạn : 5/10/2011

Ngày giảng 6A1: 7/10/2011 6A2: 7/10/2011 6A3: 7/10/2011

Tiết 14 - Bài 15: CẤU TẠO TRONG CỦA THÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nắm được đặc điểm cấu tạo trong của thân non, so sánh với cấu tạo trong của rễ (miền hút)
- Nêu được những đặc điểm cấu tạo của vỏ, trụ giữa phù hợp với chức năng của chúng.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh.

3. Thái độ

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- GV: Tranh phóng to hình 15.1; 10.1 SGK.

Bảng phụ: “Cấu tạo trong thân non”

- HS: Ôn lại bài cấu tạo miền hút của rễ, kẻ bảng cấu tạo trong và chức năng của thân non vào vở (vở bài tập).

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Quan sát
- Thảo luận
- Vấn đáp
- Gọi mở .

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Kiểm tra bài cũ

- Cây dài ra do bộ phận nào?

2. Bài mới

VB: GV giới thiệu thân non của tất cả các loại cây là phần ngọn ở thân và cành. Thân non thường có màu xanh lục.

Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo trong của thân non

Mục tiêu: HS thấy được thân non gồm 2 phần: vỏ và trụ giữa.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>+ Vấn đề 1: Xác định các bộ phận của thân non.</p> <p>* GV cho HS quan sát hình 15.1 SGK, hoạt động cá nhân (GV treo tranh phóng to hình 15.1)</p> <p>* GV gọi HS lên bảng chỉ tranh và trình bày cấu tạo của thân non.</p>	<p>* HS quan sát hình 15.1 đọc phần chú thích xác định cấu tạo chi tiết 1 phần của thân non.</p> <p>- Cả lớp theo dõi phần trình bày của bạn, nhận xét và bổ sung.</p> <p>- yêu cầu nêu được thân được chia thành 2 phần: Vỏ (biểu bì và thịt vỏ) và trụ</p>

<p>* GV nhận xét và chuyển sang vấn đề 2</p> <p>+ Vấn đề 2: Tìm hiểu cấu tạo phù hợp với chức năng của các bộ phận thân non.</p> <p>* GV treo tranh, bảng phụ, yêu cầu HS hoạt động theo nhóm, hoàn thành bảng.</p> <p>* GV đưa đáp án đúng:</p> <p>+ Biểu bì có tác dụng bảo vệ bộ phận bên trong.</p> <p>+ Thịt vỏ, dự trữ và tham gia quang hợp.</p> <p>+ Bó mạch: Mạch rây: vận chuyển chất hữu cơ. Mạch gỗ: vận chuyển muối khoáng và nước.</p> <p>+ Ruột: chứa chất dự trữ.</p>	<p>giữa (mạch và ruột non)</p> <p>- Các nhóm trao đổi thống nhất ý kiến để hoàn thành bảng SGK trang 49. Chú ý cấu tạo phù hợp với chức năng của từng bộ phận.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung 1-2 nhóm lên viết vào bảng phụ trình bày kết quả.</p> <p>- Nhóm khác theo dõi rồi bổ sung.</p> <p>* HS sửa lại bài làm của mình nếu cần.</p> <p>* HS đọc to toàn bộ cấu tạo và chức năng các bộ phận của thân non.</p>
---	---

Tiểu kết:

- Nội dung bảng đã hoàn thành (Yêu cầu HS sử dụng đó là kết luận và ghi nhớ).

Hoạt động 2: So sánh cấu tạo trong của thân non và miền hút của rễ

Mục tiêu: HS thấy đặc điểm khác nhau và giống nhau giữa thân non và miền hút

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV treo tranh hình 15.1 và 10.1 phóng to lần lượt gọi 2 HS lên chỉ các bộ phận cấu tạo thân non và rễ.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài tập ∇ SGK trang 50.</p> <p>* GV gợi ý: thân và rễ được cấu tạo bằng gì? Có những bộ phận nào? vị trí của bó mạch?...</p> <p>* GV lưu ý: dù đúng hay sai thì ý kiến của nhóm vẫn được trình bày hết, sau đó sẽ bổ sung, tìm ra phần trả lời đúng nhất chứ không được cắt ngang ý kiến của nhóm).</p> <p>* GV cho HS xem bảng so sánh kẻ sẵn (SGV) để đối chiếu phần vừa trình bày. GV có thể đánh giá điểm cho nhóm làm tốt.</p>	<p>- Nhóm thảo luận 2 nội dung:</p> <p>+ Tìm đặc điểm giống nhau đều có các bộ phận.</p> <p>+ Tìm đặc điểm khác nhau: vị trí bó mạch.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>

Tiểu kết:

- Giống như miền hút của rễ, cấu tạo trong của thân non cũng có 2 lớp; bên ngoài là lớp vỏ, bên trong là trụ giữa. Tuy nhiên ở thân non, các bó mạch rây và mạch gỗ sắp xếp thành vòng riêng biệt.

V. CÙNG CÓ

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi SGK

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Học thuộc mục “Điều em nên biết”
- Mỗi nhóm chuẩn bị 2 thớt gỗ.

Duyệt ngày : tháng năm 2011

Tuần 8

Ngày soạn : 9/10/2011

Ngày giảng 6A1: 12/10/2011 6A2: 12/10/2011 6A3: 12/10/2011

Tiết 15 - THÂN DÀI RA DO ĐÂU? THÂN TO RA DO ĐÂU?

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Qua thí nghiệm HS tự phát hiện: thân dài ra do phần ngọn.
- Biết vận dụng cơ sở khoa học của bấm ngọn, tỉa cành để giải thích một số hiện tượng trong thực tế sản xuất.
- Học sinh trả lời câu hỏi: *thân cây to ra do đâu?*
- Phân biệt được dác và ròng : tập xác định tuổi của cây qua việc đếm vòng gỗ hàng năm.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng tiến hành thí nghiệm, quan sát, so sánh nhận biết kiến thức khả năng làm việc độc lập, sáng tạo.

3. Thái độ

- Giáo dục lòng yêu thích thực vật, bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- GV: Tranh phóng to hình 14.1; 13.1; HS: Báo cáo kết quả thí nghiệm.

Đoạn thân gỗ già của ngang (thót gỗ tròn)

Tranh phóng to hình 15.1; 16.1; 16.2

- HS: Chuẩn bị thót, 1 cành cây bằng lạng... dao nhỏ, giấy lau.

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Quan sát
- Thảo luận
- Vấn đáp

- Gọi mở .

- Trực quan.

IV. TIỀN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Ôn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

- Các nhóm báo cáo kết quả đã làm từ tuần trước.

3. Bài mới

VB: Trong thực tế; khi trồng rau ngọt, thỉnh thoảng người ta cắt ngang thân, làm như vậy có tác dụng gì?

Hoạt động 1: Tìm hiểu sự dài ra của thân

Mục tiêu: Qua thí nghiệm HS biết được thân dài ra do phần ngọn.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV cho HS báo cáo kết quả thí nghiệm</p> <p>* GV ghi nhanh kết quả lên bảng.</p> <p>* GV cho HS thảo luận nhóm</p> <p>- Gọi 1 HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Đối với câu hỏi * GV gợi ý: ở ngọn cây có mô phân sinh ngọn, treo tranh 13.1 GV giải thích thêm.</p> <p>+ Khi bấm ngọn, cây không cao thêm</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Nhóm thảo luận theo 3 câu hỏi SGK trang 46 đưa ra được nhận xét:</p> <p>Cây bị bấm ngọn thấp hơn cây không bấm ngọn, thân dài ra do phần ngọn.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>* HS đọc thông tin □ SGK trang 47 rồi chú ý nghe GV giải thích ý nghĩa</p>

được, chất dinh dưỡng tập trung cho chồi lá và chồi hoa phát triển. + Chồi tia cành bị sâu, cành xấu với cây lấy gỗ, sợi mà không bấm ngọn vì cần thân, sợi dài. - Cho HS rút ra kết luận.	của bấm ngọn, tia cành.
--	-------------------------

Tiểu kết:

- Thân dài ra do phân ngọn (mô phân sinh ngọn). Chính các tế bào thuộc mô phân sinh ngọn liên tục phân chia đã làm cho thân cây dài ra.

Hoạt động 2: Giải thích những hiện tượng thực tế

Mục tiêu: HS giải thích được tại sao đôi với 1 số cây người ta bấm ngọn còn 1 số cây tia cành.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
* GV yêu cầu HS hoạt động nhóm. * GV nghe phần trả lời, bổ sung của cá nhân ? Những loại cây nào người ta thường bấm ngọn, những cây nào thì tia cành? - Sau khi học sinh trả lời xong GV hỏi: Vậy hiện tượng cắt thân cây rau ngót ở đầu giờ nêu ra nhằm mục đích gì? * GV nhận xét giờ học, giải đáp thắc	- Nhóm thảo luận 2 câu hỏi GSK trang 47 dựa trên phần giải thích của GV ở mục 1. - Yêu cầu đưa ra được nhận xét: cây đậu, bông, cà phê là cây lấy quả, cần nhiều cành nên người ta cắt ngọn. - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

mắc của HS.

Tiểu kết:

- Bấm ngọn những loại cây lấy quả, hạt.
- Áp dụng các biện pháp tỉa cành với những cây lấy gỗ, lấy sợi.

Hoạt động 3: Xác định tầng phát sinh

Mục tiêu: HS phân biệt được tầng sinh vỏ và sinh trụ.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV treo tranh hình 15.1 và 16.1 trả lời câu hỏi: cấu tạo trong của thân non như thế nào?</p> <p>* GV lưu ý: vì ở hình 16.1 không có phần biểu bì, nếu HS cho đó là đặc điểm khác thì GV phải giải thích.</p> <p>* GV hướng dẫn HS xác định vị trí 2 tầng phát sinh như SGK.</p> <p>* GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, thảo luận theo nhóm 3 câu hỏi.</p>	<p>* HS quan sát tranh trên bảng, trao đổi nhóm và ghi nhận xét vào giấy.</p> <p>- Yêu cầu: Phát hiện được tầng sinh vỏ và sinh trụ)</p> <p>- 1 HS lên bảng trả lời chỉ trên tranh điểm khác nhau cơ bản giữa thân non và thân trưởng thành.</p> <p>* HS các nhóm tập làm theo GV, tìm tầng sinh vỏ và sinh trụ.</p> <p>* HS đọc mục thông tin SGK trang 51, trao đổi nhóm thống nhất ý kiến, ghi ra giấy.</p> <p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Tầng sinh vỏ → sinh ra vỏ.</p> <p>+ Tầng sinh trụ → sinh ra lớp mạch rây</p>

<ul style="list-style-type: none">* GV gọi đại diện nhóm lên chữa bài.* GV nhận xét phần trao đổi của SH các nhóm, yêu cầu HS rút ra kết luận cuối cùng của hoạt động.	<p>và mạch gỗ.</p> <ul style="list-style-type: none">* HS của nhóm mang mẫu của nhóm lên chỉ vị trí của tầng phát sinh và nội dung trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung.
---	--

Tiểu kết:

- Thân cây to ra nhờ tầng sinh vỏ và tầng sinh trụ.

Các TB mô phân sinh thuộc 2 tầng này phân chia liên tục tạo ra các vòng mạch rây và mạch gỗ đã làm thân cây to ra về bề ngang.

Hoạt động 4: Nhận biết vòng gỗ hàng năm, tập xác định tuổi cây

Mục tiêu: HS biết đếm vòng của cây gỗ, xác định tuổi cây.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<ul style="list-style-type: none">* GV cho HS đọc SGK, quan sát hình, tập đếm vòng gỗ, thảo luận theo 2 câu hỏi.? Vòng gỗ hàng năm là gì? tại sao có vòng gỗ sẫm và vòng gỗ sáng màu?? Làm thế nào để đếm được tuổi cây?* GV gọi đại diện 1-2 nhóm mang miếng gỗ lên trước lớp rồi đếm số vòng gỗ và xác định tuổi cây.* GV nhận xét và đánh giá điểm cho	<ul style="list-style-type: none">* HS đọc thông tin mục □ SGK trang 51 mục “Em có biết” (trang 53), quan sát hình 16.3 trao đổi nhóm.- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- Các nhóm đếm số vòng gỗ trên miếng gỗ củamình rồi trình bày trước lớp, nhóm khác bổ sung.- <i>Căn cứ vào số vòng gỗ ở lát cắt</i>

nhóm có kết quả đúng.	<i>ngang thân cây, ta có thể xác định được tuổi của cây.</i>
-----------------------	--

Hoạt động 5: Tìm hiểu khái niệm dác và ròng

Mục tiêu: HS phân biệt được dác và ròng.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV yêu cầu HS hoạt động độc lập và trả lời câu hỏi:</p> <p>? Thế nào là dác? Thế nào là ròng?</p> <p>? Tìm sự khác nhau giữa dác và ròng?</p> <p>* GV nhận xét phần trả lời của HS, có thể mở rộng: Người ta chặt cây gỗ xoan rồi ngâm xuống ao, sau một thời gian vớt lên, có hiện tượng phần bên ngoài của thân bong ra nhiều lớp mỏng, còn phần trong cứng chắc, Em hãy giải thích?</p> <p>? Khi làm cột nhà, làm trụ cầu, thành tà vẹt (đường ray tàu hoả) người ta sẽ sử dụng phần nào của gỗ?</p> <p>* GV chú ý giáo dục ý thức bảo vệ cây rừng.</p>	<p>* HS đọc thông tin □ quan sát hình 16.2 SGK trng 52 và trả lời 2 câu hỏi.</p> <p>* HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>* HS dựa vào vị trí của dác và ròng để trả lời câu hỏi (phần bong ra là dác, phần cứng chắc là ròng).</p> <p>- Dựa vào tính chất của dác và ròng để trả lời (người ta dùng phần ròng để làm).</p>

Tiểu kết:

- Thân cây gỗ già có dác và ròng.

- + Dác là phần gỗ sáng màu ở ngoài
- + Ròng là phần có màu nâu sẫm, ở bên trong, rất cứng chắc.

V. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

* GV photo 2 bài tập vào giấy:

Bài tập 1: Hãy khoanh tròn vào những cây được sử dụng biện pháp bấm ngọn:

- | | | |
|--------------|-------------|----------|
| a. Rau muống | b. Rau cải | c. Đu đủ |
| d. Ổi | e. Hoa hồng | f. Mướp |

Đáp án: a, e, g

Bài tập 2: Khoanh tròn vào những cây không sử dụng biện pháp ngắt ngọn:

- | | |
|-------------|--------------|
| a. Mây | b. Xà cừ |
| c. Mồng tơi | d. Bàng lẵng |
| e. Bí ngô | f. Mía |

Đáp án: a, b, d, g.

- Gọi HS lên bảng chỉ trên tranh vị trí của tầng phát sinh, trả lời câu hỏi: thân cây to ra do đâu?
- Xác định tuổi gỗ bằng cách nào? Xác định tuổi gỗ của miếng gỗ của nhóm hay nhóm khác.

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK, chuẩn bị thí nghiệm theo nhóm cho bài sau SGK trang 54.
 - Ôn lại phần cấu tạo và chức năng của bó mạch, đọc trước bài 17, làm thí nghiệm.
-

Tuần 8

Ngày soạn : 13/10/2011

Ngày giảng 6A1: 15/10/2011 6A2: 15/10/2011 6A3: 15/10/2011

Tiết 16 - Bài 17: VẬN CHUYỂN CÁC CHẤT TRONG THÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh biết tự tiến hành thí nghiệm để chứng minh: nước và muối khoáng từ rễ lên thân, nhờ mạch gỗ, các chất hữu cơ trong cây được vận chuyển nhờ mạch rây.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng thao tác thực hành.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- GV: Làm thí nghiệm trên nhiều loại hoa: hồng, cúc, huệ, loa kèn trắng, cành lá dâu, dâm bụt...

Kính hiển vi, dao sắc, giấy thấm, 1 cành chiết ổi, hồng xiêm (nếu có điều kiện).

- HS: làm thí nghiệm theo nhóm ghi lại kết quả, quan sát chỗ thân cây bị buộc dây thép (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐẠO

- Hoạt động nhóm, quan sát tìm tòi-nghiên cứu.

IV. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ

- Thân to ra do đâu?

- Tìm sự khác nhau cơ bản giữa dác và ròng?

3. Bài mới

Kiểm tra sự chuẩn bị của HS (các nhóm báo cáo).

Ôn lại kiến thức bằng 2 câu hỏi:

? Mạch gỗ có cấu tạo và chức năng gì?

? Mạch rây có cấu tạo và chức năng gì?

Hoạt động 1: Tìm hiểu sự vận chuyển nước và muối khoáng hoà tan

Mục tiêu: HS biết được nước và muối khoáng được vận chuyển qua mạch gỗ.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
* GV yêu cầu nhóm trình bày thí nghiệm ở nhà.	- Đại diện nhóm trình bày các bước tiến hành thí nghiệm, cho cả lớp

<p>* GV quan sát kết quả của các nhóm, so sánh SGK, GV thông báo nhóm nào có kết quả tốt.</p> <p>* GV cho cả lớp xem thí nghiệm của mình trên cành mang hoa (cành hoa huệ) cành mang lá (cành dâu) để nhằm mục đích chứng minh sự vận chuyển các chất trong thân lên hoa và lá.</p> <p>* GV hướng dẫn HS cắt lát mỏng qua cành của nhóm, quan sát bằng kính hiển vi.</p> <p>* GV phát một số cành đã chuẩn bị hướng dẫn HS bóc vỏ cành.</p> <p>* GV cho 1 vài HS quan sát mẫu trên kính hiển vi, xác định chỗ nhuộm màu, có thể trình bày hay vẽ lên bảng cho cả lớp theo dõi.</p> <p>* GV nhận xét, đánh giá cho điểm nhóm làm tốt.</p>	<p>quan sát kết quả của nhóm mình, nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Quan sát ghi lại kết quả.</p> <p>* HS nhẹ tay bóc vỏ nhìn bằng mắt thường chỗ có bắt màu, quan sát màu của gân lá.</p> <p>- Các nhóm thảo luận: chỗ bị nhuộm màu đó là bộ phận nào của thân? Nước và muối khoáng được vận chuyển qua phần nào của thân?</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>
--	---

Tiểu kết:

- Nước và muối khoáng hòa tan được vận chuyển từ rễ lên thân và các phần trên của cây nhờ mạch gỗ.

- Nhờ hiện tượng này, các phần ở phía trên của cây luôn nhận được đầy đủ nước và muối khoáng.

Hoạt động 2: Tìm hiểu sự vận chuyển chất hữu cơ

Mục tiêu: HS biết được chất hữu cơ được vận chuyển qua mạch rây.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân sau đó thảo luận nhóm.</p> <p>* GV lưu ý khi bóc vỏ, bóc luôn cả mạch nào?</p> <p>* GV có thể mở rộng: chất hữu cơ do lá chế toạ sẽ mang đi nuôi thân, cành, rễ...</p> <p>* GV nhận xét và giải thích nhân dân lợi dụng hiện tượng này để chiết cành.</p> <p>* GV hỏi: Khi bị cắt vỏ, làm đứt mạch rây ở thân thì cây có sống được không? tại sao?</p> <p>- Giáo dục ý thức bảo vệ cây, tránh tước vỏ cây để chơi đùa, chằng buộc dây thép vào thân cây.</p>	<p>* HS đọc thí nghiệm và quan sát hình 17.2 SGK trang 55.</p> <p>- Thảo luận nhóm theo 3 câu hỏi SGK trang 55.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>

Tiểu kết:

- Chất hữu cơ được vận chuyển từ lá xuống các bộ phận bên dưới nhờ mạch rây.
- Hiện tượng này có ý nghĩa cung cấp đầy đủ các chất hữu cơ cho các phần ở phía dưới của cây.

V. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

VI. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Cho HS trả lời câu hỏi 1, 2 SGK, làm bài tập cuối bài tại lớp.

VII. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Chuẩn bị: củ khoai tây có mầm, củ su hào, gừng, củ dong ta, 1 đoạn xương rồng, que nhọn, giấy thấm.

Duyệt ngày : tháng năm 2011

Tuần 9

Ngày soạn : 16/10/2011

Ngày giảng 6A1: 18/10/2011 6A2: 18/10/2011 6A3: 18/10/2011

Tiết 17 - Bài 18: BIẾN DẠNG CỦA THÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nhận biết được những đặc điểm chủ yếu về hình thái phù hợp với chức năng của một số thân biến dạng qua quan sát mẫu và tranh ảnh.
- Nhận dạng được một số thân biến dạng trong thiên nhiên.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát mẫu vật, nhận biết kiến thức qua quan sát, so sánh.

3. Thái độ

- Giáo dục lòng yêu thích môn học, yêu thiên nhiên và bảo vệ thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

1 Thầy: Tranh phóng to hình 18.1 và 18.2 SGK.

Một số mẫu vật. Phiếu học tập.

2 Trò : Chuẩn bị một số củ đã dặn ở bài trước, que nhọn, giấy thấm, kẻ bảng ở SGK trang 59 vào vở (vở bài tập).

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát .
- Thảo luận
- Vấn đáp

- Trực quan

III. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- Mô tả thí nghiệm chứng minh mạch gỗ của thân vận chuyển nước và muối khoáng?
- Chức năng của mạch rây?

3. Bài mới

VB như SGK.

Hoạt động 1: Quan sát một số thân biến dạng

Mục tiêu: HS quan sát được hình dạng và bước đầu phân nhóm các loại thân biến dạng, thấy được chức năng đối với cây.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>a. Quan sát các loại củ, tìm đặc điểm chứng tỏ chúng là thân</p> <p>* GV yêu cầu HS quan sát các loại củ xem chúng có đặc điểm chứng tỏ chúng là thân.</p> <p>* GV lưu ý tìm củ su hào có chồi nách và gừng đã có chồi để học sinh quan</p>	<p>* HS đặt mẫu lên bàn quan sát tìm xem có chồi, lá không?</p> <p>* HS quan sát tranh ảnh và gợi ý của GV để chia các củ mang đến thành</p>

<p>sát thêm.</p> <p>* GV cho HS phân chia các loại củ thành nhóm dựa trên vị trí của nó so với mặt đất và hình dạng củ, chức năng.</p> <p>* GV yêu cầu HS tìm những đặc điểm giống và khác nhau giữa các loại củ này.</p> <p>* GV lưu ý HS bóc vỏ của củ dong, tìm dọc củ có những mắt nhỏ đó là chồi nách, còn các vỏ (hình vẩy) là lá.</p> <p>* GV cho HS trình bày và tự bổ sung cho nhau.</p> <p>* GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK trả lời 4 câu hỏi trang 58.</p> <p>* GV nhận xét và tổng kết: một số loại thân biến dạng làm chức năng khác là dự trữ chất khi ra hoa kết quả.</p> <p>b. Quan sát thân cây xương rồng</p> <p>* GV cho HS quan sát thân cây xương rồng, thảo luận theo câu hỏi:</p> <p>? Thân xương rồng chứa nhiều nước</p>	<p>nhiều nhóm.</p> <p>- Yêu cầu HS nêu được:</p> <p>+ Đặc điểm giống nhau: có chồi, lá → là thân.</p> <p>+ Điều hình to → chứa chất dự trữ.</p> <p>---> Đặc điểm khác nhau: dạng rễ; củ gừng, dong (có hình rễ), dưới mặt đất gọi là thân rễ.</p> <p>Củ su hào, khoai tây (dạng tròn to) thân củ.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung,</p> <p>* HS đọc mục □ SGK trang 58, trao đổi nhóm theo 4 câu hỏi SGK.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>* HS quan sát thân, gai, chồi ngọn của</p>
---	--

<p>có tác dụng gì?</p> <p>? Sống trong điều kiện nào lá biến thành gai?</p> <p>? Cây xương rồng thường sống ở đâu?</p> <p>? Kể tên một số cây mọng nước?</p> <p>* GV cho HS nghiên cứu SGK rồi rút ra kết luận chung cho hoạt động 1.</p>	<p>cây xương rồng. Dùng que nhọn chọc vào thân, quan sát hiện tượng, trả lời các câu hỏi.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>* HS đọc mục □ SGK trang 58 để sửa chữa kết quả.</p>
---	--

Tiểu kết:

- Thân biến dạng để chứa chất dự trữ hay dự trữ nước cho cây.
- Các biến dạng thường gặp của thân cây: thân củ, thân rễ, thân mọng nước.

Hoạt động 2: Đặc điểm của một số loại thân biến dạng

Mục tiêu: HS ghi lại những đặc điểm và chức năng của thân biến dạng → gọi tên các loại thân biến dạng.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV cho HS hoạt động độc lập theo yêu cầu của SGK trang 59.</p> <p>* GV treo bảng đã hoàn thành kiến thức để HS theo dõi và sửa bài cho nhau.</p>	<p>* HS hoàn thành bảng ở vở bài tập.</p> <p>* HS đổi vở bài tập cho bạn cùng bàn, theo dõi bảng của giáo viên, chữa chéo cho nhau.</p> <p>- 1 HS đọc to toàn bộ nội dung trong</p>

* GV tìm hiểu số bài đúng và chưa đúng bằng cách gọi cho HS giơ tay, GV sẽ biết được tỉ lệ HS nắm được bài.	bảng của GV cho cả lớp nghe để ghi nhớ kiến thức.
---	---

Kết luận: HS trình bày rõ ràng các đặc điểm của một số loại thân biến dạng

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- GV cho HS làm bài tập tại lớp, GV thu 15 bài chấm ngay tại lớp.
- Tiến hành kiểm tra bằng những câu hỏi như SGK.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục “Em có biết”
- Chuẩn bị bài sau: Chuẩn bị các kiến thức cho tiết sau ôn tập.

Tuần 9

Ngày soạn : 17/10/2011

Ngày giảng 6A1: 21/10/2011 6A2: 21/10/2011 6A3: 21/10/2011

Tiết 18 - THỰC HÀNH
NHẬN BIẾT - PHÂN LOẠI THÂN
THÍ NGHIỆM - VẬN CHUYỂN NƯỚC VÀ MUỐI KHOÁNG HÒA TAN

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

Nhận biết và phân loại được các loại thân.

Tự làm được thí nghiệm để chứng minh: Nước và muối khoáng từ rễ đến thân nhờ mạch gỗ, CHC nhờ mạch rây.

2. Kỹ năng:

Quan sát, phân tích tổng hợp.

Làm thí nghiệm

3. Thái độ:

Giáo dục ý thức bảo vệ cây .

II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:

1. Giáo viên :

Chuẩn bị nội dung thí nghiệm

2. Học sinh :

Chuẩn bị cho giờ thực hành: Lấy mẫu các loại thân

3. Phương pháp chủ đạo

- Hoạt động nhóm, quan sát tìm tòi-nghiên cứu .

III. Tiến trình lên lớp:

1. Ôn định tổ chức:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

Nêu cấu tạo mạch rây? Mạch gỗ làm thí nghiệm để chứng minh?

3. Dạy học bài mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung kiến thức thực
<p>HD1. Giáo viên cho học sinh quan sát mẫu vật các loại thân.</p> <p>GV: Yêu cầu học sinh nhận dạng và phân loại các loại thân vừa quan sát được</p> <p>HS: Tiến hành quan sát và nhận xét</p> <p>GV: nhận xét bổ sung</p> <p>HD2. Thí nghiệm V/c nước và muối khoáng:</p> <p>GV: Yêu cầu trình bày TN - kết quả</p>	<p><u>I. nhận biết và phân loại thân</u></p> <p>- Có 3 loại thân: thân đứng, thân leo, thân bò.</p> <p>+ Thân đứng gồm: Thân gỗ, thân cột và thân cỏ.</p> <p>+ Thân leo gồm: Leo bằng tua cuốn và leo bằng tay quấn.</p> <p>- Thân biến dạng: thân củ, thân rễ, thân mọng nước.</p> <p><u>II. Vận chuyển nước và muối khoáng hoà tan:</u></p> <p>- Nước và muối khoáng từ gỗ → thân nhờ mạch gỗ</p>

<p>HS: Trình bày - bổ sung.</p> <p>GV: Cộn nhóm có kết quả đẹp nhất hướng dẫn học sinh:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cắt khoang tròn quan sát kính lúp- Bỏ vỏ để thấy rõ ở mạch gỗ. <p>H: Qua thí nghiệm nhận xét nước và muối khoáng được vận chuyển theo phần nào?</p> <p><u>HD3.</u> Vận chuyển chất hữu cơ:</p> <p>GV: Yêu cầu HS Quan sát H17.2 sau đó thảo luận trả lời Δ.</p> <p>HS: Trả lời theo nhóm</p> <p>GV: Mở rộng: Thắt dây phơi quần áo làm tổn hại đến cây.</p> <p>HS: Vậy các em lưu ý điều gì?</p>	<p><u>III. Vận chuyển chất hữu cơ:</u></p> <p>-Chất hữu cơ vận chuyển từ lá → rễ nhờ mạch rây.</p>
--	---

IV. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

1. Mô tả TN chứng minh mạch gỗ vận chuyển nước và muối khoáng?
2. Mạch rây có chức năng gì?

V. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

Ôn tập chương I,II,III.

.....
Duyệt ngày : tháng năm 2011

Tuần 10

Ngày soạn : 22/10/2011

Ngày giảng 6A1: 25/10/2011 6A2: 25/10/2011 6A3: 25/10/2011

Tiết 19 - ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh củng cố được các kiến thức đã học từ chương I đến chương III.
- Nhận biết rõ các đặc điểm có trên các tranh vẽ.
- Hiểu được chức năng phù hợp với cấu tạo.

2. Kỹ năng

- Có kỹ năng quan sát kính hiển vi thành thạo.

3. Thái độ

- Có thái độ yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

1. Giáo viên: Tranh vẽ các hình cơ trong nội dung đã học.

Kính lúp, kính hiển vi.

2. Học sinh: Chuẩn bị theo nội dung đã dặn.

3. Phương pháp chủ đạo

- Thảo luận
- Vấn đáp
- Trực quan

III. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Ôn định tổ chức:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

- Giáo viên tiến hành trong các hoạt động dạy học

3. Bài mới

* GV hướng dẫn HS ôn tập theo từng chương.

* GV gợi ý bằng các câu hỏi để HS đưa ra nội dung:

a. Chương I: Tế bào thực vật

- Kính lúp, kính hiển vi:

+ Đặc điểm cấu tạo.

+ Cách sử dụng.

- Quan sát tế bào thực vật:

+ Làm tiêu bản (phương pháp)

+ Cách quan sát và vẽ hình.

- Cấu tạo tế bào thực vật:

+ Tìm được các bộ phận của tế bào (trên tranh câm)

+ Biết cách quan sát.

- Sự lớn lên và phân chia của tế bào:

+ Tế bào lớn lên do đâu?

+ Sự phân chia tế bào do đâu?

Yêu cầu HS: Theo em nội dung cơ bản và quan trọng nhất mà các em đã tiếp thu sau khi đã tìm hiểu và ôn tập ở chương I là gì?

b. Chương II: Rễ

- Các loại rễ, các miền của rễ:

+ 2 loại rễ chính: rễ cọc, rễ chùm

+ Lấy VD

+ Cấu tạo và chức năng miền hút của rễ

- Sự hút nước và muối khoáng của rễ:

- + Sự cần nước và các loại muối khoáng
- + Sự hút nước và muối khoáng của rễ do mạch gỗ
- + Biện pháp bảo vệ cây

- Biến dạng của rễ:

- + 4 loại rễ biến dạng: rễ củ, rễ móc, rễ thở, giác mút
- + Đặc điểm của từng loại rễ phù hợp với chức năng.

Yêu cầu HS: *Hãy tóm lược lại nội dung cơ bản của chương II!*

c. Chương III: Thân

- Cấu tạo ngoài của thân

+ Các bộ phận cấu tạo ngoài của thân: thân chính, cành, chồi ngọn và chồi nách.

+ Các loại thân: đứng, leo, bò.

- Thân dài ra do:

+ Phần ngọn

+ Vận dụng vào thực tế: bấm ngọn, tỉa cành.

- Cấu tạo trong của thân non:

+ Đặc điểm cấu tạo (so sánh với cấu tạo trong của rễ)

+ Đặc điểm cấu tạo của vỏ, trụ giữa phù hợp với chức năng.

- Thân to ra do:

- + Tầng sinh vỏ và sinh trụ
- + Dác và ròng
- + Xác định tuổi cây qua việc đếm số vòng gỗ

- Vận chuyển các chất trong thân:

- + Nước và muối khoáng: mạch gỗ
- + Chất hữu cơ: mạch rây

- Biến dạng của thân:

- + Thân củ, thân rễ, thân mọng nước.
- + Chức năng

* GV yêu cầu HS lần lượt trình bày các nội dung.

* GV nhận xét.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh xem lại toàn bộ nội dung kiến thức đã ôn tập ?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

* GV củng cố nội dung bài và đánh giá giờ học.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- HS học bài, ôn tập lại bài
- Chuẩn bị tiết sau kiểm tra 45 phút.

.....

Tuần 10

Ngày soạn : 26/10/2011

Ngày giảng 6A1: 28/10/2011 6A2: 28/10/2011 6A3: 28/10/2011

Tiết 20 - KIỂM TRA 1 TIẾT

I. Mục tiêu :

1. Kiến thức:

- HS trình bày được những phần kiến thức cơ bản theo yêu cầu của đề bài.
- Tự đánh giá được mức độ nắm kiến thức của bản thân. Giáo viên đánh giá mức độ nắm kiến thức của HS để điều chỉnh phương pháp dạy .

2. Kỹ năng:

- Làm bài, kỹ năng trình bày.

3. Giáo dục:

- Rèn đức tính thật thà, trung thực trong kiểm tra thi cử

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: Đề , đáp án - biểu điểm. Rút tại ngân hàng đề của trường.

2. Học sinh: Ôn bài.

III. Tiến trình bài giảng:

1. Ổn định: Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra:

(Theo ngân hàng đề của nhà trường)

Lớp	Số bài	Điểm

		Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém
6A1						
6A2						
6A3						
Tổng						

3. Nhận xét.

.....
.....
.....
.....

4.Hướng dẫn về nhà

- Tiết sau chuẩn bị: - Đọc trước bài:

- Chuẩn bị cho bài sau:

Mẫu vật: lá hoa hồng, lá cây đậu, dứa cạo, dây huỳnh, sen, lá lốt, kinh giới, rau muống...

- Đọc trước bài: Đặc điểm bên ngoài của lá.

Duyệt ngày : tháng năm 2011

CHƯƠNG IV- LÁ

Tuần 11

Ngày soạn : 30/10/2011

Ngày giảng 6A1: 1/11/2011 6A2: 1/11/2011 6A3: 1/11/2011

Tiết 21 - Bài 19: ĐẶC ĐIỂM BÊN NGOÀI CỦA LÁ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nắm được những đặc điểm bên ngoài của lá và cách sắp xếp lá trên cây phù hợp với chức năng thu nhận ánh sáng, cần thiết cho việc chế tạo chất hữu cơ.
- Phân biệt được 3 kiểu gân lá, phân biệt được lá đơn, lá kép.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh nhận biết.
- Kỹ năng hoạt động nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

- 1. Giáo viên:** Suu tầm lá, cành có đủ chồi nách, cành có kiểu mọc lá.

2. Học sinh: Chú ý nếu có điều kiện trọng nhóm nên có đủ loại lá, cành như yêu cầu bài trước.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát .

- Vấn đáp

- Trực quan

III. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Ổn định: Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- Câu hỏi SGK.

3. Bài mới

VB: Cho biết tên các bộ phận của lá? Chức năng của lá?

Hoạt động 1: Đặc điểm bên ngoài của lá

Mục tiêu: HS biết được phiến lá đa dạng là bản rộng dẹt và có 3 loại gân lá.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
a. Phiến lá * GV cho HS quan sát phiến lá, thảo luận 3 vấn đề SGK trang 61, 62. * GV quan sát các nhóm hoạt động,	* HS đặt tất cả lá lên bàn quan sát thảo luận theo 3 câu hỏi SGK, ghi chép ý kiến thống nhất của nhóm.

<p>giúp đỡ nhóm yếu.</p> <p>* GV yêu cầu HS trả lời, bổ sung cho nhau.</p> <p>* GV đưa đáp án (như SGK), nhóm nào còn sai sót tự sửa chữa.</p> <p>b. Gân lá</p> <p>* GV cho HS quan sát lá, nghiên cứu SGK.</p> <p>* GV kiểm tra từng nhóm theo mục bài tập của phần b.</p> <p>? Ngoài những lá mang đi còn những lá nào có kiểu gân như thế (nếu HS không trả lời được cũng không sao)</p> <p>c. Phân biệt lá đơn, lá kép</p> <p>* GV yêu cầu HS quan sát mẫu, nghiên cứu SGK và phân biệt được lá đơn, lá kép.</p> <p>* GV đưa câu hỏi, HS trao đổi nhóm.</p> <p>? Vì sao lá mỏng toại thuộc loại lá đơn, lá hoa hồng thuộc loại hoa kép?</p> <p>* GV cho các nhóm chọn những lá đơn và lá kép trong những lá đã chuẩn bị.</p>	<p>- Yêu cầu: Phiến lá có nhiều hình dạng, bản dẹt... thu nhận ánh sáng.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>* HS đọc mục □ SGK, quan sát mặt dưới của lá, phân biệt đủ 3 loại gân lá.</p> <p>- Đại diện 1-3 nhóm mang lá có đủ 3 loại gân lá lên trình bày trước lớp, nhóm khác nhận xét.</p> <p>* HS quan sát cành mỏng toại, cành hoa hồng kết hợp với đọc mục □ SGK để hoàn thành yêu cầu của GV.</p> <p>Chú ý vào vị trí của trời nách.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung của 1-2 nhóm mang cành mỏng toại và cành hoa hồng trả lời trước lớp, nhóm khác nhận xét.</p> <p>- Các nhóm chọn lá đơn lá kép, trao đổi nhau giữa các nhóm ở gần.</p>
--	--

* GV gọi 1 HS lên chọn ra lá đơn và lá kép trong số những lá của GV trên bàn, cho cả lớp quan sát. * GV cho HS rút ra kết luận.	* HS rút ra kết luận.
--	-----------------------

Tiểu kết:

- Phiến lá là bản dẹt có màu sắc hình dạng, kích thước khác nhau thường có màu xanh lục.
- Có 3 loại gân lá: gân hình mạng, gân hình cung và gân song song.
- Có 2 loại lá: đơn và lá kép.

Hoạt động 2: Các kiểu xếp lá trên thân và cành

Mục tiêu: HS phân biệt được kiểu xếp lá và hiểu ý nghĩa sinh học của nó.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
* Quan sát cách mọc lá * GV cho HS quan sát 3 cành mang đến lớp, xác định cách xếp lá. * Làm bài tập tại lớp * Tìm hiểu ý nghĩa sinh học của cách	* HS trong nhóm quan sát 3 cành của nhóm mình đối chiếu hình 19.5 SGK trang 63, xác định 3 cách xếp lá là: mọc cách, mọc đối, mọc vòng. - Mỗi HS kẻ bảng SGK trang 63 hoàn thành vào vở (vở bài tập) bài tập. * HS tự chữa cho nhau kết quả điền bảng.

xếp lá. * GV cho HS nghiên cứu SGK tự quan sát hoặc là GV hướng dẫn như trong SGK. * GV yêu cầu HS thảo luận nhóm theo 2 câu hỏi SGK trang 64. * GV nhận xét và đưa ra đáp án đúng, HS rút ra kết luận.	* HS quan sát 3 cành kết hợp với hướng dẫn ở SGK trang 63. * HS thảo luận đưa ra ý kiến: kiểu xếp lá sẽ giúp lá nhận được nhiều ánh sáng. * HS trình bày kết quả trước lớp.
--	---

Tiểu kết:

- Có 3 kiểu xếp lá trên cây: mọc cách, mọc đối và mọc vòng.
- Các tầng lá trên cành xếp so le với nhau vì vậy các lá có thể nhận được nhiều ánh sáng.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- * GV sử dụng câu hỏi cuối bài để kiểm tra, HS trả lời đúng, GV đánh giá.

Bài tập trắc nghiệm - ***Khoanh tròn vào câu trả lời đúng***

1. Trong các lá sau đây nhóm những lá nào có gân song song
 - a. Lá hành, lá nhãn, lá bưởi
 - b. Lá rau muống, lá cải
 - c. Lá lúa, lá mồng tơi, lá bí đỏ
 - d. Lá tre, lá lúa, lá cỏ.

Đáp án: d.

2. Trong các lá sau đây, những nhóm lá nào thuộc lá đơn

- a. Lá dâm bụt, lá phượng, lá dâu
- b. Lá trúc đào, lá hoa hồng, lá lốt
- c. Lá ổi, lá dâu, lá trúc nhật
- d. Lá hoa hồng, lá phượng, lá khế.

Đáp án: c.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục “Em có biết”

Tuần 11

Ngày soạn : 2/11/2011

Ngày giảng 6A1: 4/11/2011 6A2: 4/11/2011 6A3: 4/11/2011

Tiết 22 - Bài 20: CẤU TẠO TRONG CỦA PHIẾN LÁ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nắm được cấu tạo bên trong phù hợp với chức năng của phiến lá.
- Giải thích được đặc điểm màu sắc của 2 mặt phiến lá.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, nhận biết.

3. Thái độ

- Giáo dục lòng yêu thích say mê môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC

1. **Giáo viên:**- Chuẩn bị phiếu học tập cho các nhóm hoặc HS .

2. **Học sinh:**- Tranh phóng to hình các SGK.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát .
- Vấn đáp
- Trực quan
- Thảo luận

III. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. **Ổn định:** Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- Đặc điểm cấu tạo ngoài của lá?
- Lá sắp xếp như thế nào để nhận được nhiều ánh sáng?

3. Bài mới

Mở bài như SGK.

Hoạt động 1: Biểu bì

Mục tiêu: HS nắm được cấu tạo của biểu bì, chức năng bảo vệ và trao đổi khí.

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
-------------------------	-------------------------

<p>* GV cho HS trong nhóm nghiên cứu SGK trả lời 2 câu hỏi SGK trang 65.</p> <p>* GV yêu cầu HS thảo luận toàn lớp.</p> <p>* GV chốt lại kiến thức đúng.</p> <p>* GV có thể giải thích thêm về hoạt động đóng mở lỗ khí khi trời nắng và khi râm.</p> <p>? Tại sao lỗ khí thường tập trung nhiều ở mặt dưới của lá?</p>	<p>* HS đọc thông tin mục □ SGK, quan sát hình 20.2 và 20.3 trao đổi theo 2 câu hỏi SGK.</p> <p>- Yêu cầu HS phải nêu được:</p> <p>Biểu bì có tác dụng bảo vệ: tế bào phải xếp sát nhau.</p> <p>Lỗ khí đóng mở giúp thoát hơi nước.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>
---	--

Tiểu kết:

- Lớp tế bào biểu bì có vách ngoài dày có chức năng bảo vệ; trên đó có nhiều lỗ khí làm nhiệm vụ trao đổi khí và thoát hơi nước.

Hoạt động 2: Thịt lá

Mục tiêu: HS phân biệt được đặc điểm các lớp tế bào thịt lá phù hợp với chức năng chính của chúng.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV giới thiệu và cho HS quan sát mô hình, hình 20.4 SGK, nghiên cứu SGK.</p> <p>* GV gợi ý khi so sánh, chú ý ở những đặc điểm: hình dạng tế bào, cách xếp của tế bào, số lượng lục lạp...</p> <p>* GV cho HS thảo luận nhóm sau khi đã tự trả lời.</p> <p>* GV ghi lại ý kiến của nhóm lên bảng để nhóm khác theo dõi nhận xét, bổ sung.</p> <p>* GV nhận xét phần trả lời của các nhóm, GV chốt lại kiến thức như SGK, cho HS rút ra kết luận.</p> <p>? Tại sao ở rất nhiều loại lá mặt trên có màu sẫm hơn mặt dưới?</p>	<p>* HS nghe và quan sát mô hình trên bảng, đọc mục □ và quan sát hình 20.4 SGK trang 66.</p> <p>* HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi mục ▽, ghi ra giấy.</p> <p>* HS trao đổi nhóm theo những gợi ý của GV và thống nhất ý kiến.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Sau đó rút ra kết luận và ghi nhớ.</p>

Tiểu kết:

- Các tế bào thịt lá chứa nhiều lục lạp, trong đó có các hạt diệp lục để chế tạo chất hữu cơ nuôi cây.

Hoạt động 3: Gân lá

Mục tiêu: HS nắm được chức năng của gân lá.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK trang 66 và trả lời câu hỏi:</p> <p>* GV kiểm tra 1-3 HS, cho HS rút ra kết luận.</p> <p>? Qua bài học em biết được những điều gì?</p> <p>* GV treo tranh phóng to hình 20.4 giới thiệu toàn bộ cấu tạo của phiến lá.</p>	<p>* HS đọc mục □ SGK trang 66 quan sát hình 20.4 kết hợp với kiến thức về chức năng của bó mạch ở rễ và thân, trả lời câu hỏi SGK.</p> <p>* HS trả lời trước lớp, HS khác bổ sung nếu cần.</p>

Tiểu kết:

- Gân lá gồm các bó mạch (giống như ở thân và rễ) có chức năng vận chuyển các chất từ lá tới các phần khác của cây và ngược lại.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

* GV phát tờ photo bài tập cho HS (nội dung như SGK).

- Trao đổi nhóm cho HS chấm bài cho nhau.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Ôn lại kiến thức ở tiểu học: Chức năng của lá, chất khí nào duy trì sự cháy.

Duyệt ngày : tháng năm 2011

Tuần 12

Ngày soạn : 6/11/2011

Ngày giảng 6A1: 8/11/2011 6A2: 8/11/2011 6A3: 8/11/2011

Tiết 23 - Bài 21: QUANG HỢP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh tìm hiểu và phân tích thí nghiệm để tự rút ra kết luận: khi có ánh sáng lá có thể chế tạo được tinh bột và nhả khí oxi.
- Giải thích được 1 vài hiện tượng thực tế như: vì sao nên trồng cây ở nơi có nhiều ánh sáng, vì sao nên thả rong vào bể nuôi cá cảnh.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng phân tích thí nghiệm, quan sát hiện tượng rút ra kết luận.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật, chăm sóc cây.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy: - Dung dịch iôt, lá khoai lang, ống nhỏ. Kết quả của thí nghiệm: 1 vài lá đã thử dung dịch iôt... tranh phóng to hình 21.1; 21.2 SGK.

2. Trò:- Ôn lại kiến thức tiểu học về chức năng của lá.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát .
- Thảo luận
- Vấn đáp
- Trực quan

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- Cấu tạo trong của phiến lá gồm những phần nào? chức năng?

3. Tiến trình bài học

Vào bài: Như SGK trang 68: GV cắt ngang củ khoai nhỏ iôt vào, HS quan sát và ghi nhớ kiến thức.

Hoạt động 1: Xác định chất mà lá cây chế tạo được khi có ánh sáng

Mục tiêu: HS thông qua thí nghiệm xác định được chất tinh bột lá cây đã tạo được ngoài ánh sáng.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<ul style="list-style-type: none">* GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, nghiên cứu SGK trang 68, 69.* GV cho HS thảo luận nhóm trao đổi để trả lời 3 câu hỏi.* GV cho các nhóm thảo luận kết quả của nhóm (như SGK).* GV nghe, bổ sung, sửa chữa và nêu ý kiến đúng, cho HS quan sát kết quả thí nghiệm của GV để khẳng định kết luận của thí nghiệm.* GV cho HS rút ra kết luận.* GV treo tranh yêu cầu 1 HS nhắc lại thí nghiệm và kết luận của hoạt động này.* GV mở rộng: Từ tinh bột và các muối khoáng hoà tan khác lá sẽ tạo ra các chất hữu cơ cần thiết cho cây.	<ul style="list-style-type: none">* HS đọc mục □, kết hợp với hình 21.1 SGK trang 68, 69.* HS trả lời 3 câu hỏi ở mục ▽.* HS mang phần tự trả lời của mình thảo luận trong nhóm, thống nhất ý kiến.- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.* HS quan sát kết quả thí nghiệm của GV đối chiếu với SGK.

Tiểu kết:

- Lá chế tạo được tinh bột khi có ánh sáng.

Hoạt động 2: Xác định chất khí thải ra trong quá trình lá chế tạo tinh bột

Mục tiêu: HS phân tích thí nghiệm để rút ra kết luận về chất khí mà lá cây nhả ra trong khi chế tạo tinh bột là khí oxi.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV cho HS thảo luận nhóm, nghiên cứu SGK trang 69.</p> <p>* GV gợi ý: HS dựa vào kết quả của thí nghiệm 1 và chú ý quan sát ở đáy 2 ống nghiệm.</p> <p>* GV quan sát lớp, chú ý nhóm HS yếu để hướng dẫn thêm (chất khí duy trì sự cháy).</p> <p>* GV cho các nhóm thảo luận kết quả tìm ý kiến đúng.</p> <p>* GV nhận xét và đưa đáp án đúng, cho HS rút ra kết luận.</p> <p>? Tại sao về mùa hè khi trời nắng nóng đứng dưới bóng cây to lại thấy mát và dễ thở?</p> <p>* GV cho HS nhắc lại 2 kết luận nhỏ của 2 hoạt động.</p>	<p>* HS đọc mục □, quan sát hình 21.2, trao đổi nhóm trả lời 3 câu hỏi mục ▽, thống nhất ý kiến.</p> <p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Dựa vào kết quả của thí nghiệm 1, xác định cành rong ở cốc B chế tạo được tinh bột.</p> <p>+ Chất khí ở cốc B là khí oxi.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung nhóm lên trình bày kết quả, cả lớp thảo luận và bổ sung.</p> <p>* HS suy nghĩ và trả lời.</p> <p>- Các nhóm nghe và tự sửa nếu cần.</p>

Tiểu kết:

- Lá nhả ra khí oxi trong quá trình chế tạo tinh bột.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- * GV yêu cầu HS trả lời 2 câu hỏi SGK trang 70, đánh giá điểm 1-2 HS.
- * GV gọi HS nhắc lại 2 thí nghiệm và rút ra kết luận, cho điểm 1-2 HS trả lời đúng.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
 - Ôn lại kiến thức về chức năng của rễ.
-

Tuần 12

Ngày soạn : 6/11/2011

Ngày giảng 6A1: 11/11/2011 6A2: 12/11/2011 6A3: 11/11/2011

Tiết 24 - Bài 21: QUANG HỢP (Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng phân tích thí nghiệm để biết được những chất lá cần sử dụng để chế tạo tinh bột.
- Phát biểu được khái niệm đơn giản về quang hợp.
- Viết sơ đồ tóm tắt về hiện tượng quang hợp.
- Học sinh nắm được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến quang hợp.
- Vận dụng kiến thức, giải thích được ý nghĩa của một vài biện pháp kỹ thuật trong trồng trọt.
- Tìm được các VD thực tế chứng tỏ ý nghĩa quan trọng của quang hợp.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh phân tích thí nghiệm, khái quát.
- Rèn kỹ năng khai thác thông tin, nắm bắt thông tin

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật, yêu thích môn học.
- Giáo dục ý thức tham gia bảo vệ, phát triển cây xanh ở địa phương.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy: Thực hiện trước thí nghiệm, mang lá ở thí nghiệm đến lớp để thử kết quả với dung dịch iốt.

Sưu tầm tranh ảnh về một số cây ưa sáng và ưa bóng. Tìm tranh ảnh về vai trò của quang hợp với đời sống động vật và con người.

2. Trò: Ôn lại kiến thức về cấu tạo của lá, sự vận chuyển nước của rễ, ôn lại bài quang hợp của tiết trước.

Ôn tập kiến thức ở tiểu học về các chất khí cần thiết cho động vật và thực vật.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát .
- Thảo luận
- Vấn đáp
- Trực quan

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- Nêu nội dung thí nghiệm lá cây chế tạo tinh bột khi có ánh sáng?

3. Tiến trình bài học

Cho HS nhắc lại kết luận chung của bài trước,

? Vậy lá cây cần chất gì để chế tạo tinh bột?

Hoạt động 1: Cây cần những chất gì để chế tạo tinh bột?

Mục tiêu: Thông qua thí nghiệm biết cây cần: nước, khí cacbonic, ánh sáng, diệp lục để chế tạo tinh bột.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV yêu cầu: HS nghiên cứu độc lập SGK trang 70, 71, thảo luận nhóm trả lời 2 câu hỏi SGK.</p> <p>* GV gợi ý:</p> <p>? Sử dụng kết quả của tiết trước để xác định lá ở chuông nào có tinh bột và lá ở chuông nào không có tinh bột?</p> <p>+ Cây ở chuông A sống trong điều kiện không khí không có cacbonic.</p> <p>+ Cây ở chuông B sống trong điều kiện không khí có cacbonic.</p> <p>- Cho HS các nhóm thảo luận kết quả.</p> <p>* GV lưu ý HS: chú ý vào điều kiện của thí nghiệm và chính điều kiện sẽ làm thay đổi</p>	<p>- Mỗi HS đọc kĩ thông tin mục □ và các thao tác thí nghiệm ở mục ▽.</p> <p>* HS tóm tắt thí nghiệm cho cả lớp cùng nghe.</p> <p>* HS thảo luận nhóm tìm câu trả lời đúng, ghi vào giấy.</p> <p>- Yêu cầu nêu được:</p> <p>+ Chuông A có thêm cốc chứa nước vôi trong.</p> <p>+ Lá trong chuông A không chế tạo được tinh bột.</p>

<p>kết quả của thí nghiệm.</p> <p>- Sau khi HS thảo luận GV cho HS rút ra kết luận nhỏ cho hoạt động này.</p> <p>? Tại sao ở xung quanh nhà và những nơi công cộng cần trồng nhiều cây xanh?</p>	<p>+ Lá cây ở chuông B chế tạo được tinh bột.</p> <p>* HS thảo luận kết quả ý kiến của nhóm và bổ sung.</p>
--	---

Tiểu kết:

- Lá cây cần khí cacboníc và hơi nước để chế tạo tinh bột khi có ánh sáng.

Hoạt động 2: Khái niệm về quang hợp

Mục tiêu: HS nắm được khái niệm quang hợp, viết sơ đồ quang hợp.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV yêu cầu HS hoạt động độc lập, nghiên cứu SGK.</p> <p>* GV gọi 2 HS viết lại sơ đồ quang hợp lên bảng.</p> <p>* GV cho HS nhận xét 2 sơ đồ trên bảng, bổ sung và thảo luận khái niệm quang hợp.</p> <p>* GV cho HS quan sát lại sơ đồ quang hợp ở SGK trang 72 và trả lời câu hỏi: ? Lá cây sử dụng những nguyên liệu</p>	<p>* HS tự đọc mục □ và trả lời yêu cầu SGK trang 72.</p> <p>* HS viết sơ đồ quang hợp, trao đổi trong nhóm về khái niệm quang hợp.</p> <p>* HS trình bày kết quả của nhóm, bổ sung sơ đồ quang hợp (nếu cần).</p>

<p>nào để chế tạo tinh bột? Nguyên liệu đó lấy từ đâu?</p> <p>? Lá cây chế tạo tinh bột trong điều kiện nào?</p> <p>* GV cho HS đọc thông tin <input type="checkbox"/> trả lời câu hỏi: Ngoài tinh bột lá cây còn tạo ra những sản phẩm hữu cơ nào khác?</p>	<p>* HS trả lời câu hỏi và rút ra kết luận.</p>
--	---

Tiểu kết:

- Quang hợp là quá trình lá cây chế tạo tinh bột ngoài ánh sáng nhờ nước, khí cacbonic và diệp lục.

Hoạt động 3: Những điều kiện bên ngoài nào ảnh hưởng đến quang hợp?

Mục tiêu: HS xác định được các điều kiện bên ngoài như: nước, khí cacbonic, ánh sáng đã ảnh hưởng đến quá trình quang hợp.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, nghiên cứu SGK.</p> <p>* GV quan sát, giúp đỡ những nhóm còn lúng túng.</p> <p>* GV có thể gợi ý cho các câu hỏi thảo luận: chú ý vào điều kiện ảnh hưởng đến quang hợp.</p>	<p>* HS tự đọc thông tin <input type="checkbox"/> SGK trang 75, suy nghĩ trả lời câu hỏi mục ▽.</p> <p>- Trao đổi nhóm, thống nhất ý kiến trả lời.</p> <p>- Yêu cầu nêu được kiến thức:</p> <p>+ Các điều kiện ảnh hưởng đến quang hợp: khí CO₂, nước, ánh sáng, nhiệt độ.</p> <p>+ Trồng cây dây dẫn tới thiếu ánh</p>

<p>* GV nhận xét phần trao đổi nhóm của HS, GV đưa đáp án đúng để các nhóm có thể sửa hay bổ sung vào phần trả lời của mình.</p> <p>* GV cho HS quan sát tranh: bụi lá lót ở dưới gốc cây hồng xiêm, tranh khóm chuối cần ở gần nhiều lò gạch để thấy được ảnh hưởng của ánh sáng và lượng khí CO₂.</p> <p>- Yêu cầu HS rút ra kết luận.</p>	<p>sáng.</p> <p>- Các nhóm thảo luận kết quả và tìm ra câu trả lời đúng.</p>
---	--

Tiểu kết:

- Các điều kiện: ánh sáng, nhiệt độ, hàm lượng khí cacbonic (CO₂), nước đã ảnh hưởng đến quang hợp.
- Mỗi loài cây, nhóm cây khác nhau có nhu cầu không giống nhau về các yếu tố nêu trên.

Hoạt động 4: Tìm hiểu ý nghĩa của quang hợp ở cây xanh

Mục tiêu: HS hiểu được sự quang hợp ở cây xanh đã tạo ra thức ăn và khí oxi cho tất cả các sinh vật.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV cho HS thảo luận nhóm theo câu hỏi mục ▽ SGK trang 75.</p>	<p>- Mỗi HS tự suy nghĩ và trả lời câu hỏi.</p>

<p>* GV lưu ý các nhóm: khẳng định được tầm quan trọng của các chất hữu cơ và khí oxi do quang hợp của cây xanh tạo ra.</p> <p>* GV nghe và giúp đỡ HS hoàn thành đáp án về ý nghĩa của quang hợp như SGK.</p> <p>* GV chú ý thắc mắc của HS, có những giải đáp hợp lí và kịp thời để khắc sâu kiến thức để HS hiểu và ghi nhớ</p> <p>? Qua bài này giúp em hiểu được những điều gì?</p> <p>- Từ phần thảo luận trên lớp, HS rút ra kết luận.</p>	<p>- Trao đổi trong nhóm về ý kiến của cá nhân, thống nhất câu trả lời của nhóm.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>
---	---

Tiểu kết:

- Nhờ quá trình quang hợp cây xanh đã
- + Tạo ra khí oxi cho sự hô hấp của mọi sinh vật và con người.
- + Tạo ra các chất hữu cơ cần sống của các sinh vật và đời sống con người.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- * GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm quang hợp, trả lời câu hỏi 3 SGK trang 72.
- Làm bài tập trắc nghiệm:

Khoanh tròn vào câu trả lời đúng:

Câu 1: Trong các bộ phận sau đây của lá, bộ phận nào là nơi xảy ra quá trình quang hợp:

- a. Lỗ khí b. Gân lá c. Diệp lục

Câu 2: Lá cây cần khí nào trong các chất khí sau để chế tạo tinh bột:

- a. Khí oxi b. Khí cacbonic c. Khí nitơ

Đáp án: 1c; 2b.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục “Em có biết”.

Duyệt ngày : tháng năm 2011

Tuần 13

Ngày soạn : 13/11/2011

Ngày giảng 6A1: 17/11/2011 6A2: 15/11/2011 6A3: 8/11/2011

Tiết 25 - Bài 23: CÂY CÓ HÔ HẤP KHÔNG?

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh phân tích thí nghiệm và tham gia thiết kế 1 thí nghiệm đơn giản HS phát hiện được có hiện tượng hô hấp ở cây.
- Nhớ được khái niệm đơn giản về hiện tượng hô hấp và hiểu được ý nghĩa hô hấp đối với đời sống của cây.
- Giải thích vài ứng dụng trong trồng trọt liên quan đến hiện tượng hô hấp ở cây.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát thí nghiệm, tìm kiến thức.
- Tập thiết kế thí nghiệm.

3. Thái độ

- Giáo dục lòng say mê môn học.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy : Có điều kiện làm thí nghiệm 1 trước 1 giờ.

Các dụng cụ để làm thí nghiệm 2 như SGK.

2. Trò: Ôn lại bài quang hợp, kiến thức tiểu học về vai trò của khí oxi.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát .
- Thảo luận
- Vấn đáp

- Trực quan

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- Nêu khái niệm quang hợp?
- Không khí thiếu oxi có duy trì sự cháy được không?

3. Tiến trình bài học

MB: Như SGK trang 77.

Hoạt động 1: Các thí nghiệm chứng minh hiện tượng hô hấp ở cây?

Mục tiêu: HS nắm được các bước tiến hành thí nghiệm, tập thiết kế thí nghiệm để rút ra kết luận.

Các bước tiến hành:

a. Thí nghiệm 1: Nhóm Lan và Hải

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
* GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK trang 77, nắm cách tiến hành, kết quả của thí nghiệm.	* HS đọc thí nghiệm quan sát hình 23.1 ghi lại tóm tắt thí nghiệm gồm: chuẩn bị, tiến hành, kết quả.
* GV cho 1 HS trình bày lại thí nghiệm trước lớp.	* HS đọc thông tin □ SGK trang 77, thảo luận nhóm theo 3 câu hỏi SGK trang 77.
* GV lưu ý HS phải giải thích lớp vầng trắng đục ở cốc A dày hơn là do có	- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

<p>nhiều khí cacbonic thì GV nên hỏi thêm: Vậy ở chuông A do đâu mà lượng khí cacbonic nhiều lên?</p> <p>* GV giúp HS hoàn thiện đáp án và rút ra kết luận.</p>	<p>- Yêu cầu HS nêu được lượng khí CO₂ trong chuông A tăng lên chỉ có thể do cây thải ra.</p>
---	--

Tiểu kết:

- Khi không có ánh sáng cây đã thải ra nhiều khí cacbonic.

b. Thí nghiệm 2: Thí nghiệm của An và Dũng

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV yêu cầu HS thiết kế được thí nghiệm dựa trên những dụng cụ có sẵn và kết quả của thí nghiệm 1.</p> <p>* GV cho HS nghiên cứu SGK, trả lời câu hỏi: Các bạn An và Dũng làm thí nghiệm nhằm mục đích gì?</p> <p>* GV yêu cầu nhóm thiết kế thí nghiệm, GV đi tới các nhóm quan sát, hướng dẫn, gợi ý cách bố trí thí nghiệm.</p> <p>* GV lưu ý: nếu HS trong lớp có học lực trung bình thì các em có thể không biết bố trí thí nghiệm, GV phải hướng dẫn tỉ mỉ từng bước.</p>	<p>* HS đọc thông tin □ SGK, quan sát hình 23.2 trang 78 và trả lời câu hỏi.</p> <p>* HS trong nhóm cùng tiến</p>

<p>* GV nhận xét giúp HS hoàn thiện thí nghiệm và giải thích rõ: khi đặt cây vào cốc thủy tinh rồi đặt miếng kính lên, lúc đầu trong cốc vẫn còn O₂ của không khí, đến khi khế dịch tấm kính để đưa que đóm đang cháy vào, đóm tắt ngay chứng tỏ trong cốc không còn khí O₂ và cây đã nhả CO₂.</p> <p>* GV thử kết quả thí nghiệm đã chuẩn bị cho cả lớp quan sát, chốt lại kiến thức cho cả 2 thí nghiệm, HS nhắc lại.</p>	<p>hành thảo luận từng bước của thí nghiệm.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>* HS nghe và bổ sung vào bài của mình những chỗ chưa đúng.</p>
--	--

Tiểu kết:

- Cây nhả khí cacbonic và hút khí oxi.

Hoạt động 2: Hô hấp ở cây

Mục tiêu: HS hiểu được khái niệm hô hấp và ý nghĩa của hô hấp.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV yêu cầu HS hoạt động độc lập với SGK, trả lời câu hỏi:</p> <p>? Hô hấp là gì? Hô hấp có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của cây?</p>	<p>* HS đọc thông tin □ SGK trang 78, 79 suy nghĩ trả lời 4 câu hỏi.</p> <p>- Yêu cầu nêu được:</p>

<p>? Những cơ quan nào của cây tham gia hô hấp và trao đổi khí trực tiếp với môi trường ngoài?</p> <p>? Cây hô hấp vào thời gian nào?</p> <p>? Người ta đã dùng biện pháp nào để giúp rễ và hạt mới gieo hô hấp?</p> <p>* GV gọi 2 HS trả lời 4 câu hỏi SGK, HS khác bổ sung.</p> <p>* GV chốt lại kiến thức và chú ý nếu HS trả lời: ban đêm cây mới hô hấp thì GV giải thích.</p> <p>* GV yêu cầu HS trả lời mục ▽ SGK trang 79.</p> <p>* GV giải thích các biện pháp kỹ thuật cho cả lớp nghe cho HS rút ra kết luận.</p> <p>? Tại sao khi ngủ đêm trong rừng ta thấy khó thở, còn ban ngày thì mát và dễ thở?</p>	<p>+ Viết được sơ đồ sự hô hấp.</p> <p>+ Mô tả các cơ quan của cây đều hô hấp.</p> <p>+ Biện pháp làm tối xới đất...</p> <p>- Một HS trả lời các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>* HS đọc yêu cầu, trao đổi nhanh trong nhóm đưa ra biện pháp như: cuốc, tháo nước khi ngập.</p>
---	--

Tiểu kết:

- Cây hô hấp suốt ngày đêm, tất cả các cơ quan đều tham gia. Nhờ sự hô hấp liên tục nên các bộ phận của cây mới có đủ năng lượng để thực hiện các hoạt động sinh lí bình thường.
- Trong trồng trọt, cần phải tiến hành các biện pháp canh tác thích hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho sự hô hấp của cây.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

* HS trả lời câu hỏi 1, 2 SGK.

- Yêu cầu HS giải thích: Một hòn đất nỏ bằng 1 giỏ phân.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Ôn lại bài: Cấu tạo trong của phiến lá.

Tuần 13

Ngày soạn : 13/11/2011

Ngày giảng 6A1: 18/11/2011 6A2: 19/11/2011 6A3: 18/11/2011

Tiết 26 - Bài 24: PHẦN LỚN NƯỚC VÀO CÂY ĐI ĐÂU?

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh lựa chọn cách thiết kế 1 thí nghiệm chứng minh cho kết luận: phần lớn nước do rễ hút vào cây đã được lá thải ra ngoài bằng sự thoát hơi nước.
- Nêu được ý nghĩa quan trọng của sự thoát hơi nước qua lá.

- Nắm được ý nghĩa quan trọng của sự thoát hơi nước qua lá.
- Giải thích ý nghĩa của một số biện pháp kỹ thuật trong trồng trọt.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, nhận biết so sánh kết quả thí nghiệm tìm ra kiến thức.

3. Thái độ

- Giáo dục lòng say mê môn học, ham hiểu biết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. **Thầy** : Tranh vẽ phóng to hình 24.3 SGK

2. **Trò**: Xem lại bài: “Cấu tạo trong của phiến lá”.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát .
- Thảo luận
- Vấn đáp
- Trực quan

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- Hô hấp là gì? ý nghĩa của hô hấp đối với cây? các bộ phận nào của cây thực hiện quá trình hô hấp?

3. Tiến trình bài học

MB: Như SGK.

Hoạt động 1: Thí nghiệm xác định phần lớn nước vào cây di đậu?

Mục tiêu: HS biết nhận xét kết quả thí nghiệm, so sánh thí nghiệm, lựa chọn thí nghiệm chứng minh đúng nhất.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV cho HS nghiên cứu độc lập SGK trả lời 2 câu hỏi.</p> <p>+ Một số HS đã dự đoán điều gì?</p> <p>+ Để chứng minh cho dự đoán đó họ đã làm gì?</p> <p>* GV yêu cầu HS hoạt động nhóm để lựa chọn thí nghiệm.</p> <p>* GV tìm hiểu số nhóm chọn thí nghiệm 1 hoặc thí nghiệm 2 (ghi vào góc bảng).</p> <p>* GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày tên thí nghiệm và giải thích lí do chọn của nhóm mình.</p> <p>* GV lưu ý tạo điều kiện cho các nhóm trình bày ý kiến nếu có nhiều ý kiến chưa thống nhất thì cho tranh luận</p>	<p>* HS đọc mục thông tin □ SGK trả lời câu hỏi của giáo viên.</p> <p>* HS trong nhóm tự nghiên cứu 2 thí nghiệm quan sát hình 24.3 trả lời câu hỏi mục ∇ SGK trang 81, sau đó thảo luận nhóm để thống nhất câu trả lời.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>* HS phải biết trong lớp nhóm nào lựa chọn thí nghiệm của Dũng, Tú và nhóm nào chọn thí nghiệm của Tuấn, Hải.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung nhóm giải thích sự lựa chọn của nhóm mình theo gợi ý của giáo viên.</p>

<p>nhưng theo gợi ý của GV. VD: cho HS nhắc lại dự đoán ban đầu sau đó xem lại thí nghiệm của nhóm Dũng và Tú đã chứng minh được điều nào của dự đoán, còn nội dung nào chưa chứng minh được? Thí nghiệm của nhóm Tuấn, Hải chứng minh được nội dung nào? giải thích?</p> <p>- Sau khi đã thảo luận xong GV hỏi: Sự lựa chọn nào là đúng.</p> <p>* GV chốt lại đáp án đúng như trong sách giáo viên cho HS rút ra kết luận.</p> <p>* GV cho HS nghiên cứu SGK hình 24.3 SGK trang 81.</p>	
---	--

Tiểu kết:

- Phần lớn nước do rễ hút vào cây đã được thải ra ngoài bằng sự thoát hơi nước qua lá (các lỗ khí ở lá).

→ HS quan sát hình 24.3 SGK trang 81 chú ý chiều mũi tên màu đỏ để biết và ghi nhớ con đường mà nước thoát ra ngoài qua lá.

Hoạt động 2: Ý nghĩa của sự thoát hơi nước qua lá

Mục tiêu: HS biết được ý nghĩa của sự thoát hơi nước qua lá

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV cho HS đọc SGK trả lời câu hỏi: ? Vì sao sự thoát hơi nước qua lá có ý nghĩa rất quan trọng đối với đời sống của cây?</p> <p>* GV tổng kết lại ý kiến của HS, cho HS rút ra kết luận.</p>	<p>* HS hoạt động độc lập đọc thông tin <input type="checkbox"/> SGK để trả lời câu hỏi của GV.</p> <p>- Yêu cầu nêu được:</p> <p>+ Tạo sức hút để vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên lá.</p> <p>+ Làm dịu mát cho lá.</p> <p>* HS trình bày ý kiến và HS khác bổ sung.</p>

Tiểu kết:

- Hiện tượng thoát hơi nước qua lá giúp cho việc vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên lá, giữ cho lá khỏi bị khô ; đồng thời sự thoát hơi nước cũng tạo động lực để rễ cây hút nước và muối khoáng dễ dàng hơn.

Hoạt động 3: Những điều kiện bên ngoài nào ảnh hưởng

đến sự thoát hơi nước qua lá?

Mục tiêu: HS biết được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến sự thoát hơi nước qua lá.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
---------------------------	--------------------------

<p>* GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK, trả lời 2 câu hỏi SGK trang 82.</p> <p>* GV gợi ý HS sử dụng kết luận ở hoạt động 2 và những câu hỏi nhỏ sau để trả lời:</p> <p>? Khi nào lá cây thoát hơi nước nhiều?</p> <p>? Nếu cây thiếu nước sẽ xảy ra hiện tượng gì?</p> <p>* GV cho HS nhận xét bổ sung ý kiến cho nhau, rút ra kết luận.</p> <p>? Qua bài học em hiểu được những gì?</p> <p>*GV giảng giải, liên hệ và khắc sâu thêm những kiến thức yêu cầu HS kết luận và ghi nhớ.</p>	<p>* HS đọc thông tin mục □ SGK và trả lời 2 câu hỏi mục ▽ SGK trang 82.</p> <p>- Đại diện 1 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
--	---

Tiểu kết:

- Các điều kiện bên ngoài như: ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, không khí ảnh hưởng đến sự thoát hơi nước của lá.
- Trong trồng trọt cần chú ý tưới nước đầy đủ cho cây vào những thời điểm phù hợp.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- * HS trả lời câu hỏi 1, 2 SGK trang 82.

* GV gợi ý cho HS trả lời câu hỏi 3 như SGK

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục: “Em có biết”.
- Chuẩn bị đoạn xương rồng có gai, củ dong, củ hành, cành mây, tranh ảnh lá biến dạng khác.
- Kẻ sẵn bảng SGK trang 85 vào vở (vở bài tập).

Tuần 14

Ngày soạn : 20/11/2011

Ngày giảng 6A1: 24/11/2011 6A2: 22/11/2011 6A3: 22/11/2011

Tiết 27 - BÀI 25: BIẾN DẠNG CỦA LÁ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nắm được đặc điểm hình thái và chức năng của một số lá biến dạng, từ đó hiểu được ý nghĩa biến dạng của lá.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, nhận biết kiến thức từ mẫu.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy: Mẫu cây mây, cây đậu Hà Lan, cây hành còn lá xanh, củ dong ta, cành xương rồng.

Tranh cây nắp ấm, cây bèo đất.

Chuẩn bị trò chơi như SGK.

2. Trò: Suu tầm mẫu theo nhóm đã phân công

Kẻ bảng SGK trang 85 vào vở (vở bài tập).

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát .

- Thảo luận
- Vấn đáp
- Trực quan

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- Nêu chức năng của lá?

3. Tiến trình bài học

GV treo tranh cây nắp ấm giới thiệu lá của cây cho HS so sánh với một lá bình thường để suy ra lá biến dạng nhằm thực hiện chức năng khác.

Hoạt động 1: Tìm hiểu về một số loại lá biến dạng

Mục tiêu: nắm được đặc điểm hình thái và chức năng của một số lá biến dạng

Cách tiến hành

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
* GV yêu cầu HS hoạt động nhóm: Quan sát hình và trả lời câu hỏi SGK trang 83. * GV quan sát các nhóm, có thể giúp đỡ động viên nhóm yếu, nhóm học khá thì yêu cầu có kết quả nhanh và đúng.	* HS hoạt động nhóm cùng quan sát mẫu kết hợp với các hình 25.1....25.7 SGK trang 84 * HS tự đọc mục □ và trả lời các câu hỏi mục ▽ SGK trang 83. - Trong nhóm thống nhất ý kiến, cá nhân

<p>* GV cho các nhóm trao đổi kết quả.</p> <p>* GV chữa bằng cách cho chơi trò chơi “Thi điền bảng liệt kê”</p> <p>+ GV treo bảng liệt kê lên bảng, gọi 7 nhóm tham gia, bốc thăm xác định tên mẫu vật nhóm cần điền.</p> <p>+ Yêu cầu mỗi nhóm thật các mảnh bìa có ghi sẵn đặc điểm, hình thái, chức năng.... gài vào ô cho phù hợp.</p> <p>+ GV thông báo luật chơi: thành viên của nhóm chọn và gài vào phần của nhóm mình.</p> <p>* GV nhận xét kết quả và cho điểm nhóm làm tốt.</p> <p>* GV thông báo đáp án đúng để HS điều chỉnh.</p> <p>* GV yêu cầu HS đọc mục “Em có biết” để biết thêm 1 loại lá biến dạng nữa (lá của cây hạt bí).</p>	<p>hoàn thành bảng SGK trang 85 vào vở (vở bài tập).</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Sau khi HS bốc thăm tên mẫu cứ 3 người lên chọn mảnh bìa để gài vào vị trí.</p> <p>Chú ý: Trước khi lên bảng HS nên quan sát lại mẫu hoặc tranh để gài bìa cho phù hợp.</p> <p>- Các nhóm theo dõi nhận xét, bổ sung.</p> <p>* HS nhắc lại các loại lá biến dạng, đặc điểm hình thái và chức năng chủ yếu của nó.</p>
--	--

Tiểu kết:

STT	Tên vật mẫu	Đặc điểm hình thái của lá biến dạng	Chức năng của lá biến dạng	Tên lá biến dạng
1	Xương rồng	- Dạng gai nhọn	- Làm giảm sự thoát hơi nước	- Lá biến thành gai

2	Đậu Hà Lan	- Lá nhọn có dạng tua cuốn	- Giúp cây leo cao	- Tua cuốn
3	Lá cây mây	- Lá nhọn có dạng tay móc	- Giúp cây leo cao	- Tay móc
4	Củ giềng	- Lá phủ trên thân rễ, vảy mỏng, nâu nhạt	- Che chở và bảo vệ cho chồi của thân rễ	- Lá vảy
5	Củ hành	- Bẹ lá phình to thành vảy, màu trắng	- Chứa chất dự trữ	- Lá dự trữ
6	Cây bèo đất	- Trên lá có rất nhiều lông, tuyến tiết chất dính, thu hút và tiêu hóa mồi.	- Bắt và tiêu hóa mồi	- Lá bắt mồi
7	Cây nắp ấm	- Gân lá phát triển thành cái bình có nắp đậy. Có tuyến tiết chất dịch thu hút và tiêu hóa mồi.	- Bắt và tiêu hóa sâu bọ khi chúng chui vào bình.	- Lá bắt mồi.

Hoạt động 2: Tìm hiểu ý nghĩa biến dạng của lá

Mục tiêu: So sánh đặc điểm hình thái chức năng chủ yếu của lá biến dạng so với lá bình thường để khái quát về ý nghĩa biến dạng của lá.

Cách tiến hành

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
* GV yêu cầu HS xem lại bảng ở hoạt động 1, nêu ý nghĩa biến dạng của lá? * GV gợi ý:	* HS xem lại đặc điểm hình thái và chức năng chủ yếu của lá biến dạng ở hoạt động 1 kết hợp với gợi ý của GV để thấy

<p>? Nhận xét gì về đặc điểm hình thái của các lá biến dạng so với lá thường?</p> <p>? Những đặc điểm biến dạng đó có tác dụng gì đối với cây?</p>	<p>được ý nghĩa biến dạng của lá.</p> <p>- Đại diện 1 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
--	--

Tiểu kết:

- Lá của một số loại cây biến đổi hình thái, cấu tạo phù hợp với chức năng ở những điều kiện sống khác nhau.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

* HS trả lời câu hỏi 1, 2 SGK.

- Tìm hiểu ở địa phương hay qua các tài liệu về lá biến dạng.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Chuẩn bị theo nhóm các mẫu: đoạn rau má, củ khoai lang có mầm, củ gừng, nghệ có mầm, lá cây thuốc bỏng.

Tuần 14

Ngày soạn : 20/11/2011

Ngày giảng 6A1: 25/11/2011 6A2: 26/11/2011 6A3: 25/11/2011

Tiết 28 - THỰC HÀNH CHỨNG MINH SỰ QUANG HỢP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh làm được thí nghiệm chứng minh về sự quang hợp của cây.
- Hiểu ý nghĩa của sự quang hợp.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng làm thí nghiệm quan sát, so sánh, phân tích mẫu.

3. Thái độ

- Giáo dục tính cẩn thận lòng say mê nghiên cứu khoa học.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Dung dịch iôt, lá khoai lang, ống nhỏ. Kết quả của thí nghiệm: 1 vài lá đã thử dung dịch iôt... tranh phóng to hình 21.1; 21.2 SGK.-SGK,SGV.Bảng phụ.Phiếu học tập

2. Trò:

- Ôn lại kiến thức tiểu học về chức năng của lá.

3. Phương pháp chủ đạo

- Hoạt động nhóm, quan sát tìm tòi-nghiên cứu.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

3. Tiến trình bài học

Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh làm các thí nghiệm chứng minh sự quang hợp

HS thông qua thí nghiệm xác định được chất tích bột lá cây đã tạo được ngoài ánh sáng.

Các bước tiến hành:

Thí nghiệm 1.

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<ul style="list-style-type: none">* GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, nghiên cứu cách tiến hành thí nghiệm. trang 68, 69.* GV cho HS thảo luận nhóm trao đổi để cùng nhau làm thí nghiệm* GV cho các nhóm thảo luận kết quả của nhóm* GV nghe, bổ sung, sửa chữa và nêu ý kiến đúng, cho HS quan sát kết quả thí nghiệm của GV để khẳng định kết luận của thí nghiệm.* GV cho HS rút ra kết luận.* GV treo tranh yêu cầu 1 HS nhắc lại thí	<ul style="list-style-type: none">* HS đọc mục □, kết hợp với hình 21.1 SGK trang 68, 69.* HS trả làm thí nghiệm.* HS mang phần tự trả lời của mình thảo luận trong nhóm, thống nhất ý kiến. - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.* HS quan sát kết quả thí nghiệm của GV đối chiếu với

nghiệm và kết luận của hoạt động này. * GV mở rộng: Từ tinh bột và các muối khoáng hoà tan khác lá sẽ tạo ra các chất hữu cơ cần thiết cho cây.	SGK.
--	------

Thí nghiệm 2: Xác định chất khí thải ra trong quá trình lá chế tạo tinh bột

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV cho HS thảo luận nhóm, nghiên cứu SGK trang 69.</p> <p>GV: Yêu cầu học sinh làm thí nghiệm</p> <p>* GV gợi ý: HS dựa vào kết quả của thí nghiệm 1 và chú ý quan sát ở đáy 2 ống nghiệm.</p> <p>* GV quan sát lớp, chú ý nhóm HS yếu để hướng dẫn thêm (chất khí duy trì sự cháy).</p> <p>* GV cho các nhóm thảo luận kết quả tìm ý kiến đúng.</p> <p>* GV nhận xét và đưa đáp án đúng, cho HS rút ra kết luận.</p> <p>? Tại sao về mùa hè khi trời nắng nóng đúng</p>	<p>* HS đọc mục □, quan sát hình 21.2, trao đổi nhóm trả lời 3 câu hỏi mục ▽, thống nhất ý kiến.</p> <p>- Học sinh làm thí nghiệm</p> <p>+ Dựa vào kết quả của thí nghiệm 1, xác định cành rong ở cốc B chế tạo được tinh bột.</p> <p>+ Chất khí ở cốc B là khí oxi.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung nhóm lên trình bày kết quả, cả lớp thảo luận và bổ sung.</p> <p>* HS suy nghĩ và trả lời.</p> <p>- Các nhóm nghe và tự sửa nếu</p>

dưới bóng vây to lại thấy mát và dễ thở? * GV cho HS nhắc lại 2 kết luận nhỏ của 2 hoạt động.	cần.
--	------

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh nhắc lại cách tiến hành thí nghiệm

V. Tường trình

Cho học sinh viết tường trình và báo cáo kết quả

VI. Hướng dẫn về nhà

- Học bài và chuẩn bị bài mới

.....

Duyệt ngày : tháng năm 2011

.....

Tuần 15

Ngày soạn : 27/11/2011

Ngày giảng 6A1: 1/12/2011 6A2: 29/11/2011 6A3: 29/11/2011

Tiết 29

BÀI TẬP SO SÁNH QUANG HỢP VÀ HÔ HẤP

I- Mục tiêu:

1. Kiến thức :

- Cũng cố thêm kiến thức cấu tạo , chức năng của phiến lá quang hợp chế tạo chất hữu cơ nuôi cây ,
- Cấu tạo của phiến lá rất phù hợp với chức năng quan trọng của lá .
- í nghĩa quang hợp của lá đối với đời sống con người .
- Vận dụng giải thích một số hiện tượng trong sản xuất trồng trọt.

2. Kỹ năng :

- Rèn luyện kỹ năng nhận biết các bộ phận của lá , các loại lá , cách mọc của lá
- Kỹ năng tìm hiểu và xử lý thông tin
- Kỹ năng trình bày suy nghĩ ý tưởng trong thảo luận
- Kỹ năng tự tin và quản lý thời gian khi thuyết trình kết quả thảo luận nhóm

3. Thái độ :

- Giáo dục học sinh ý tự giác học tập , tự tìm tòi suy nghĩ giải quyết vấn đề .

II- Chuẩn bị tài liệu thiết bị dạy học:

1. Thầy:

Bài tập , bảng nhóm ghi bài tập

Phiếu học tập

2.Trũ:

Ôn lại các phần của chương lá

3. Phương pháp chủ đạo

-Hoạt động nhóm, quan sát tằm tũi-nghiền cứu.

III- Tiến trình lên lớp :

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số

6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

Kiểm tra 15 phỳt

3. Tiến trình bài học

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Nội dung kiến thức</i>
<p>- Gv: Treo bảng phụ , học sinh hoạt động nhóm điền từ vào bài .</p> <p>-GV: Học sinh chọn đúng các từ :</p> <p>a, Gân lá , mạch rây , mạch gỗ (bó mạch)</p> <p>b, Tinh bột., nớc , muối khoáng , chất hữu cơ , chất diệp lục .</p> <p>c, Ôxi , khí cac bo nic , chất hữu cơ , năng lượng , khí cac bo nic , hơi nước .</p>	<p>1. <u>Bài tập 1</u>: Hoạt động nhóm</p> <p>Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống các câu sau :</p> <p>a,nằm giữa các phần thịt lá bao gồm.....</p> <p>có chức năng vận chuyển các chất .</p> <p>b, Từcùng vớihoà tan ,lá cây còn chế tạo đợc những khác cần thiết cho cây . Cây thực hiện quang hợp nhờ lá có.....</p> <p>c, Cây cũng lấy khívà thải khí..... nh ngời , động vật. Cây lấy khí ôxi để phân</p>

<p>-GV: ? Nhắc lại quang hợp là gì ? Hô hấp là gì</p> <p> ? Viết sơ đồ quang hợp , hô hấp ?</p> <p> ?Nhận xét 2 sơ đồ trên ?</p> <p>-GV: Q/hợp , hô hấp 2 q/ trình trái ngược nhau cùng xảy ra 1 lúc cần cho sự sống của thực vật.</p> <p>Vậy 2 q/ trình đó khác nhau nh thế nào ?</p> <p>-GV: Treo bảng phụ hoạt động cá nhân .</p> <p>-Gọi h/sinh trả lời .Hoàn thành bài tập 2.</p>	<p>giải.....tạo ra.....cung cấp cho hoạt động sống của cây, đồng thời thải ra khí và..... .Hiện tượng đó là.....</p> <p>- H/sinh trả lời câu hỏi . Viết sơ đồ 2 q/ trình.</p> <p>2 Bài tập 2: Hoạt động nhóm .So sánh q/ trình quang hợp và hô hấp theo bảng sau :</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Đặc điểm</th> <th>Quang hợp</th> <th>Hô hấp</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>t xảy ra</td> <td>Ban ngày.....</td> <td>Cả ngày</td> </tr> <tr> <td>Nơi xảy ra</td> <td>ở lá , thân non</td> <td>t/cả các b/ph</td> </tr> <tr> <td>Ng/liệu</td> <td>CO₂ , nước</td> <td>ch/h/cơ , ôxi</td> </tr> <tr> <td>Sản phẩm</td> <td>tinh bột, ôxi</td> <td>N/l, CO₂ ,nc</td> </tr> <tr> <td>ý nghĩa đ/với cây</td> <td>Chế tạo chất hữu cơ</td> <td>phân giải chất hữu cơ</td> </tr> </tbody> </table> <p>3 . Bài tập 3 :</p> <p>-GV treo hình vẽ h/sinh quan sát</p>	Đặc điểm	Quang hợp	Hô hấp	t xảy ra	Ban ngày.....	Cả ngày	Nơi xảy ra	ở lá , thân non	t/cả các b/ph	Ng/liệu	CO ₂ , nước	ch/h/cơ , ôxi	Sản phẩm	tinh bột, ôxi	N/l, CO ₂ ,nc	ý nghĩa đ/với cây	Chế tạo chất hữu cơ	phân giải chất hữu cơ
Đặc điểm	Quang hợp	Hô hấp																	
t xảy ra	Ban ngày.....	Cả ngày																	
Nơi xảy ra	ở lá , thân non	t/cả các b/ph																	
Ng/liệu	CO ₂ , nước	ch/h/cơ , ôxi																	
Sản phẩm	tinh bột, ôxi	N/l, CO ₂ ,nc																	
ý nghĩa đ/với cây	Chế tạo chất hữu cơ	phân giải chất hữu cơ																	

-GV: H/dẫn h/sinh làm bài tập 3
.

-Phiến lá là nơi xảy ra quang hợp . Q/sát hình vẽ chú thích các bộ phận của lá .

-GV: Lá cây quang hợp ngoài ý nghĩa đối với cây còn có vai trò quan trọng đối với đời sống của con nời , mọi sinh vật --> Điều quan trọng đó nh thế nào ?

-GV: Treo tranh vẽ ? Chú thích vào hình vẽ A lá cây q/ hợp , B nhà máy đường ? So sánh 2 hình vẽ đó theo bảng sau ?

-GV: Thực tế hiện nay do h/ động sống của con người , nhà máy ... thải vào k/ khí 1 lượng khí cacbo nic lớn làm ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đ/sống con người , mọi sinh vật.

? chúng ta cần làm gì hạn chế tác hại đó ?

-GV: Cây xanh rất quan trọng--> ? Vì sao nói: "không có cây xanh o/ có sự sống trên trái đất "

chú thích các bộ phận của lá .

4. **Bài tập 4** :- Hoạt động cá nhân

-Chú thích HA:
H. B

1. năng lượng : a/ sáng

-Xăng , dầu

2.Ng/liệu: Nước , khíCO₂ -
Nước , mía

3.Khí thải : ôxi

-Khí CO₂

4.Chất tạo ra: Tinh bột

- Đường

- Dựa vào 2 hình vẽ so sánh theo bảng sau:

	Lá cây q/ hợp	Nhà máy đ- òng
K/thải	ôxi	cácbo nic
C/tạo ra	tinh bột	Đường
ýnghĩa với m/truog	Làm trong sạch m/trường	Làm ô nhiễm môi trường

-H/sinh trả lời câu hỏi.

- Tích cực trồng cây , bảo vệ rừng

-> Vậy người dân nuôi trồng có câu : "Dừa không đụng lá , cá không đụng vi " ? hiểu câu nói đó nh thế nào ?

-GV: Một số lá cây biến dạng ngoài chức năng q/ hợp còn có những chức năng khác.

- Làm bài tập 5.

--> Vì cây xanh q/ hợp nhả ra khí ôxi , chế tạo chất hữu cơ cần cho sự sống của mọi s/vật kể cả con người .

5. **Bài tập 5**: Hoạt động cá nhân.

Em hãy lựa chọn TT chức năng ở cột 2 phù hợp tên lá biến dạng cột 1.

TT	tên lá b/dạng (cột 1)	TT	Chức năng lá biến dạng(cột 2)
a	lá--> gai	1	giúp cây leo lên cao
b	lá tay móc	2	giảm sự thoát h/nước
c	lá vây	3	chứa chất dự trữ
d	lá dự trữ	4	Bắt, tiêu hoá mồi

	e	lá bắt mỗi	5	b/vệ chồi của th/rễ
--	---	---------------	---	------------------------

4. Củng cố luyện tập:

1. Q/sát h/vẽ so sánh cây tầm gửi và cây phong lan theo bảng sau :

Đặc điểm	Cây tầm gửi	cây phong lan
Cách bám vào cây chủ	Bám chặt vào cây chủ	Bám nhờ vào cây chủ
Sử dụng nớc , muối khoáng	Lấy nớc m/ khoáng của cây chủ	o/hút của cây chủ, rễ hút nước trong không khí
Tạo chất hữu cơ	-một phần lấy của cây chủ, 1 phần lá cây tầm gửi tạo ra	lá cây q/hợp tự tạo ra

2, Q/sát hình vẽ cây khoai lang , khoai tây so sánh theo bảng sau :

Đặc điểm	Cây khoai lang	Cây khoai tây
Thuộc loại thân, rễ b/ dạng	rễ củ	thân củ
nơi sinh ra củ	Rễ phụ phình to	Cành gần gốc bị vùi dới đất tạnên
Chức năng	Chứa chất dự trữ	dùng cho cây khi ra hoa tạo quả

---> Qua các bài tập trên ta thấy chức năng chính của cơ quan sinh dưỡng: nuôi dưỡng cây .

IV. CỨNG CỐ

- Yêu cầu học sinh đọc lại kiến thức

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài cũ. Tìm hiểu thêm về thực tế.
- Nghiên cứu trước bài : Sinh sản sinh dưỡng tự nhiên
- Tìm hiểu các hình thức sinh sản sinh dưỡng tự nhiên

Tuần 15

Ngày soạn : 27/11/2011

Ngày giảng 6A1: 2/12/2011 6A2: 3/12/2011 6A3: 2/12/2011

Tiết 30 - SINH SẢN SINH DƯỠNG TỰ NHIÊN

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nắm được khái niệm đơn giản về sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.
- Tìm được ví dụ về sinh sản, sinh dưỡng tự nhiên.

2. Kỹ năng:

Phân tích mẫu vật

3. Thái độ:

Các biện pháp tiêu diệt cỏ dại hại cây trồng và giải thích các biện pháp đó

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1 Thầy: Tranh vẽ hình 16.4 SGK, kẻ bảng SGK trang 88 vào bảng phụ.

Mẫu: Rau má, sài đất, củ gừng, củ nghệ có mầm, củ gừng, củ khoai lang có chồi, lá bông, lá hoa đá có mầm.

2. Trò: Chuẩn bị 4 mẫu như hình 26.4 SGK theo nhóm, ôn lại kiến thức của bài biến dạng của thân rễ, kẻ bảng SGK trang 88 vào vở (vở bài tập).

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát .
- Thảo luận
- Vấn đáp
- Trực quan

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

3. Tiến trình bài học

Hoạt động 1:

Tìm hiểu: Khả năng tạo thành cây mới từ rễ, thân, lá ở một số cây có hoa

Mục tiêu: HS thấy được cơ quan sinh dưỡng của một số cây có khả năng mọc chồi, tạo thành cây mới.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
----------------------------------	---------------------------------

<p>* GV yêu cầu HS quan sát hình 26.1 đến 26.4, yêu cầu HS bỏ vật mẫu đã mang đi, đặt lên bàn quan sát.</p> <p>* GV yêu cầu HS hoạt động nhóm: thực hiện yêu cầu mục ▽ SGK trang 87.</p> <p>* GV cho HS các nhóm trao đổi kết quả.</p> <p>- Yêu cầu HS hoàn thành bảng trong vở bài tập.</p> <p>* GV chữa bài bằng cách gọi HS lên tự điền vào từng mục ở bảng GV đã chuẩn bị sẵn.</p> <p>* GV theo dõi bảng, công bố kết quả đúng.</p>	<p>* HS quan sát tranh, mẫu.</p> <p>- Hoạt động nhóm thống nhất ý kiến trả lời.</p> <p>- Trao đổi phiếu.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Cá nhân nhớ lại kiến thức về các loại rễ thân biến dạng, kết hợp với câu trả lời của nhóm, hoàn thành bảng ở vở bài tập.</p> <p>- Một số HS lên bảng điền vào từng mục, HS khác bổ sung nếu cần.</p>
---	---

Tiểu kết:

- Một số cây trong điều kiện đất ẩm có khả năng tạo được cây mới từ cơ quan sinh dưỡng.

Hoạt động 2: Sinh sản sinh dưỡng tự nhiên của cây

Mục tiêu: HS hiểu được khái niệm sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>- Yêu cầu HS hoạt động độc lập, thực hiện yêu cầu ở mục ▽ trang 88.</p> <p>- Yêu cầu 1 vài HS đứng lên đọc kết quả.</p> <p>- Sau khi chữa bài, GV cho HS hình thành khái niệm sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.</p> <p>? Tìm trong thực tế những cây nào có khả năng sinh sản sinh dưỡng tự nhiên?</p> <p>? Tại sao trong thực tế tiêu diệt cỏ dại rất khó (nhất là cỏ gấu) Vậy cần có biện pháp gì? và dựa trên cơ sở khoa học nào để diệt hết cỏ dại?</p>	<p>* HS xem lại bảng ở vở bài tập hoàn thành yêu cầu mục ▽ SGK trang 88.</p> <p>- Một vài HS đọc kết quả, HS khác theo dõi, bổ sung.</p> <p>+ Cỏ tranh, cỏ gấu, hoa đá, khoai lang...</p> <p>+ Nhặt bỏ toàn phần thân, rễ.</p>

Tiểu kết:

- Khả năng tạo thành cây mới từ các cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá) của cây mẹ gọi là sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- GV củng cố nội dung bài. Yêu cầu HS nhắc lại nội dung sự SSSD tự nhiên.
- GV đánh giá giờ học.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Chuẩn bị theo nhóm: ngâm đoạn rau muống ở vườn nhà cho mọc rễ.
- Đọc trước bài: Sinh sản sinh dưỡng do người.

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 16

Ngày soạn : 4/12/2011

Ngày giảng 6A1: 8/12/2011 6A2: 6/12/2011 6A3: 6/12/2011

Tiết 31 - Bài 27: SINH SẢN SINH DƯỠNG DO NGƯỜI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh hiểu được thế nào là giâm cành, chiết cành, ghép cây, nhân giống vô tính trong ống nghiệm.
- Biết được những ưu việt của hình thức nhân giống vô tính trong ống nghiệm.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh.

3. Thái độ

- Giáo dục lòng yêu thích bộ môn, ham mê tìm hiểu thông tin khoa học.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy: Tranh phóng to hình 27.1 đến 27.4.

Mẫu vật: Cành sắn, cành dâu, ngọn mía, rau muống đã mọc rễ.

2. Trò: Cành rau muống cắm trong bát đất.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát .
- Thảo luận
- Vấn đáp

- Trực quan

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- Sinh sản sinh dưỡng tự nhiên là gì? Cho ví dụ?

3. Tiến trình bài học

Như SGK.

Hoạt động 1: Tìm hiểu giâm cành

Mục tiêu: HS biết được giâm cành là tách 1 đoạn thân, cành cây mẹ cắm xuống đất để cành đó mọc thành cây con.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV yêu cầu HS hoạt động độc lập, quan sát hình 27.1 và mẫu đã mang đi, trả lời các câu hỏi SGK.</p> <p>* GV giới thiệu mắt của cành sản, lưu ý cành giâm phải là cành bánh tẻ.</p> <p>* GV cho HS cả lớp trao đổi kết quả với nhau.</p> <p>- Lưu ý: câu hỏi 3 nếu HS không trả lời được thì GV phải giải thích: cành</p>	<p>* HS hoạt động độc lập, quan sát hình 27.1 và mẫu đã mang đi, trả lời các câu hỏi SGK.</p> <p>- Yêu cầu nêu được:</p> <p>+ Cành sản hút ẩm mọc rễ.</p> <p>+ Cắm cành xuống đất ẩm, ra rễ, mọc thành cây con.</p> <p>- Đại diện 1 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.</p>

<p>của những cây này có khả năng ra rễ phụ rất nhanh. HS rút ra kết luận.</p> <p>? Những loại cây nào thường áp dụng biện pháp này?</p>	
---	--

Tiểu kết:

- Giâm cành là cắt 1 đoạn thân hay cành của cây mẹ cắm xuống đất ẩm cho ra rễ, sau đó cành sẽ phát triển thành cây mới.

Hoạt động 2: Tìm hiểu chiết cành

Mục tiêu: HS biết cách chiết cành và phân biệt được cây có thể chiết cành.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV cho HS hoạt động cá nhân, quan sát hình 27.2 SGK và trả lời câu hỏi mục ▽.</p> <p>* GV nghe và nhận xét phần trao đổi của lớp nhưng GV phải giải thích thêm về kỹ thuật chiết cành cắt 1 đoạn vỏ gồm cả mạch rây để trả lời câu hỏi 2.</p> <p>* GV lưu ý nếu HS không trả lời được câu hỏi 3 thì GV phải giải thích: cây này chậm ra rễ nên phải chiết cành.</p> <p>? Người ta chiết cành với loại cây nào?</p>	<p>* HS quan sát hình 27.2, chú ý các bước tiến hành chiết, kết quả HS trả lời câu hỏi mục ▽ trang 90.</p> <p>* HS vận dụng kiến thức bài vận chuyển các chất trong thân để trả lời câu hỏi 2.</p> <p>* HS cả lớp trao đổi với nhau về đáp án của mình để tìm ra câu trả lời đúng.</p> <p>* HS tiếp thu kiến thức.</p>

Tiểu kết:

- Chiết cành là làm cho cành ra rễ trên cây mẹ sau đó cắt, đem trồng thành cây mới.

Hoạt động 3: Tìm hiểu về ghép cây

Mục tiêu: HS biết các bước ghép mắt ở cây.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
* GV cho HS nghiên cứu SGK thực hiện yêu cầu mục □ SGK trang 90 và trả lời câu hỏi: ? Em hiểu thế nào là ghép cây? có mấy cách ghép cây?	* HS đọc mục □ SGK trang 90, quan sát hình 27.3 và trả lời câu hỏi trang 90. - Đại diện 1 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Tiểu kết:

- Ghép cây là dùng mắt (hoặc chồi, đoạn cành) của một cây gắn vào cây khác cho tiếp tục phát triển.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

Yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi cuối bài

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục “Em có biết”?
- Làm bài tập SGK 92 ở nhà, báo cáo kết quả sau 3 tuần.

- Chuẩn bị: hoa bưởi, hoa râm bụt, hoa loa kèn.

Tuần 16

Ngày soạn : 4/12/2011

Ngày giảng: 6A1: 8/12/2011 6A2: 10/12/2011 6A3: 9/12/2011

CHƯƠNG VI- HOA VÀ SINH SẢN HỮU TÍNH

Tiết 32 - Bài 28: CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA HOA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh phân biệt được các bộ phận chính của hoa, các đặc điểm cấu tạo và chức năng của từng bộ phận.
- Giải thích được vì sao nhị và nhụy là những bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh, phân tích, tách bộ phận của thực vật.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật, hoa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy: Tranh phóng to hình 28.1 đến 27.3.

Mẫu vật: Râm bụt, hoa bưởi, hoa loa kèn, hoa cúc, hoa hồng. Kính lúp.

2. Trò: HS: Một số loại hoa đã dặn.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát .
- Thảo luận
- Vấn đáp
- Trực quan

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- Cách nhân giống nào nhanh nhất và tiết kiệm cây giống nhất? vì sao

3. Tiến trình bài học

GV cho HS quan sát một số loại hoa và hỏi: Hoa thuộc loại cơ quan nào? cấu tạo phù hợp với chức năng như thế nào?

Hoạt động 1: Tìm hiểu các bộ phận của hoa

Mục tiêu: Học sinh nắm được các bộ phận của hoa, phân biệt được các bộ phận chính của hoa, các đặc điểm cấu tạo của từng bộ phận.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
* GV cho HS quan sát hoa thật và xác định các bộ phận của hoa. * GV yêu cầu HS đối chiếu hình 28.1	* HS trong nhóm quan sát hoa bưởi nở, kết hợp với hiểu biết về hoa, xác định các bộ phận của hoa.

<p>SGK trang 94, ghi nhớ kiến thức.</p> <p>* GV cho HS tách hoa để quan sát các đặc điểm về số lượng, màu sắc, nhị, nhụy...</p> <p>* GV đi từng nhóm quan sát các thao tác của HS giúp đỡ nhóm nào còn yếu, lúng túng hay làm chưa đúng, nhắc nhở các nhóm xếp các bộ phận đã tách trên giấy cho gọn gàng và sạch sẽ.</p> <p>* GV có thể cho HS tìm đĩa mật (nếu có).</p> <p>* GV cho HS trao đổi kết quả các nhóm chủ yếu là bộ phận nhị và nhụy.</p> <p>* GV chốt lại kiến thức bằng cách treo tranh giới thiệu hoa, cấu tạo nhị, nhụy.</p> <p>* GV gọi 2 HS lên bàn tách hoa loa kèn và hoa râm bụt còn các nhóm cũng tách 2 loại hoa này. Sau đó 2 HS trình bày các bộ phận của hoa loa kèn và hoa râm bụt, HS khác theo dõi, nhận xét.</p>	<p>- Một vài HS cầm hoa của nhóm mình trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>* HS trong nhóm tách hoa đặt lên giấy: đếm số cánh hoa, xác định màu sắc.</p> <p>+ Quan sát nhị: đếm số nhị, tách riêng 1 nhị dùng dao cắt ngang bao phấn, dầm nhẹ bao phấn, dùng kính lúp quan sát hạt phấn.</p> <p>+ Quan sát nhụy; tách riêng nhụy dùng dao cắt ngang bầu kết hợp hình 28.3 SGK trang 94 xem: nhụy gồm những phần nào? noãn nằm ở đâu?</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>
---	---

Tiểu kết:

- Hoa gồm các bộ phận: đài, tràng, nhị, nhụy. Tất cả các bộ phận này nằm trên cuống và đế hoa.

+ Nhị gồm: chỉ nhị và bao phấn (chứa hạt phấn).

+ Nhụy gồm: đầu, vòi, bầu nhụy, noãn trong bầu nhụy.

Hoạt động 2: Tìm hiểu chức năng các bộ phận của hoa

Mục tiêu: HS xác định được chức năng của từng bộ phận của hoa: đài, tràng, nhị, nhụy.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, nghiên cứu SGK và trả lời 2 câu hỏi SGK trang 95.</p> <p>* GV gợi ý: tế bào sinh dục đực và cái nằm ở đâu? chúng thuộc bộ phận nào của hoa? có còn bộ phận nào của hoa chứa tế bào sinh dục nữa không?</p> <p>* GV cho HS trong lớp trao đổi kết quả với nhau.</p> <p>* GV chốt lại kiến thức như SGK trang 114.</p> <p>* GV giới thiệu thêm về hoa hồng và hoa cúc cho cả lớp quan sát.</p>	<p>* HS đọc mục □ SGK trang 95 quan sát lại bông hoa và trả lời 2 câu hỏi SGK trang 95.</p> <p>- Yêu cầu xác định được:</p> <p>+ Tế bào sinh dục đực trong hạt phấn của nhị.</p> <p>+ Tế bào sinh dục cái trong noãn của nhụy.</p> <p>+ Đài, tràng có tác dụng bảo vệ bộ phận bên trong.</p> <p>* HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.</p>

Tiểu kết:

- Đài tràng có tác dụng bảo vệ bộ phận bên trong.
- Nhị, nhụy có chức năng sinh sản, duy trì nòi giống.
- + Nhị: có nhiều hạt phấn mang tế bào sinh dục đực.
- + Nhụy: có bầu chứa lá noãn mang tế bào sinh dục cái.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

GV cho HS ghép hoa và ghép nhị, nhụy.

a. Ghép hoa:

- Gọi HS lên chọn các bộ phận của hoa rồi gắn vào tấm bìa ghép thành một bông hoa hoàn chỉnh gồm cuống, đài, tràng, bầu, nhị, nhụy.

b. Ghép nhị, nhụy

* GV treo tranh câm nhị nhụy như hình 28.2 và 28.3.

- Yêu cầu HS chọn các mẫu giấy có chữ để gắn vào cho phù hợp.

GV nhận xét, đánh giá điểm.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
 - Làm bài tập SGK 95.
 - Chuẩn bị: Hoa bí, mướp, hoa râm bụt, hoa loa kèn, hoa huệ, tranh ảnh các loại hoa khác nhau.
-

Tuần 17

Ngày soạn : 11/12/2011

Ngày giảng 6A1: 15/12/2011 6A2: 13/12/2011 6A3: 13/12/2011

Tiết 33 - Bài 29: CÁC LOẠI HOA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh phân biệt được 2 loại hoa: đơn tính và hoa lưỡng tính.
- Phân biệt được 2 cách xếp hoa trên cây biết được ý nghĩa sinh học của cách xếp hoa thành cụm.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh, hoạt động nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích thực vật, bảo vệ hoa và thực vật.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy: Mẫu vật: một số mẫu hoa đơn tính và hoa lưỡng tính, hoa mọc đơn độc, hoa mọc thành cụm, tranh ảnh về các loại hoa.

2. Trò: Mang các loại hoa như đã dặn.

Kẻ bảng SGK trang 97 vào vở (vở bài tập).

Xem lại kiến thức về các loại hoa.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- Nêu tên, đặc điểm và chức năng của những bộ phận chính của hoa?

3. Tiến trình bài học

**Hoạt động 1: Phân chia các nhóm hoa căn cứ vào
bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa**

Mục tiêu: - Học sinh phân biệt được 2 loại hoa: đơn tính và hoa lưỡng tính.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<ul style="list-style-type: none">* GV yêu cầu các nhóm đặt hoa lên bàn để quan sát, hoàn thành cột 1, 2, 3 ở vở.* GV yêu cầu HS chia hoa thành 2 nhóm.* GV cho HS cả lớp được thảo luận kết quả.* GV giúp HS sửa bằng cách thống nhất cách phân chia theo bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa.* GV yêu cầu HS làm bài tập dưới bảng SGK.* GV cho HS hoàn thiện nốt bảng liệt	<ul style="list-style-type: none">- Từng HS lần lượt quan sát các hoa của các nhóm, hoàn thành cột 1, 2, 3 trong bảng ở vở bài tập.* HS tự phân chia hoa thành 2 nhóm, viết ra giấy.- Một số HS đọc bài của mình, HS khác chú ý bổ sung.* HS nêu được: Nhóm 1: Có đủ nhị, nhụy. Nhóm 2: có nhị hoặc có nhụy.* HS chọn từ thích hợp hoàn thành bài tập 1 và 2 SGK trang 97.

<p>kê.</p> <p>* GV giúp HS điều chỉnh chỗ còn sai sót.</p> <p>* GV đưa câu hỏi củng cố: dựa vào bộ phận sinh sản chia thành mấy loại hoa? thế nào là hoa đơn tính và hoa lưỡng tính?</p> <p>* GV gọi 2 HS lên bảng nhặt trên bàn để riêng những hoa đơn tính và hoa lưỡng tính.</p>	<p>* HS tự điền nốt vào cột của bảng ở vở.</p> <p>- 1 vài HS đọc kết quả cột 4, HS khác góp ý.</p>
---	--

Tiểu kết:

- Có 2 loại hoa:

+ Hoa đơn tính: chỉ có nhị hoặc nhụy. Những hoa chỉ có nhị gọi là hoa đơn tính đực; những hoa chỉ có nhụy gọi là hoa đơn tính cái.

+ Hoa lưỡng tính: có cả nhị và nhụy.

Hoạt động 2: Phân chia các nhóm hoa dựa vào cách sắp xếp hoa trên cây

Mục tiêu: HS biết có 2 nhóm: hoa mọc đơn độc, hoa mọc thành cụm.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV bổ sung thêm một số VD khác về hoa mọc thành cụm như: hoa ngâu, hoa huệ, hoa phượng.... bằng mẫu thật hay bằng tranh (đối với hoa cúc, GV nên tách hoa nhỏ ra để HS biết).</p>	<p>* HS đọc mục □, quan sát hình 29.2 và tranh ảnh hoa sưu tầm để phân biệt 2 cách xếp hoa và nhận biết qua tranh hoặc mẫu.</p> <p>* HS trình bày trước lớp, HS khác</p>

? Qua bài học em biết được điều gì?	nhận xét, bổ sung.
-------------------------------------	--------------------

Tiểu kết:

- Căn cứ vào cách xếp hoa trên cây, có thể chia ra 2 cách mọc hoa
- + Mọc đơn độc: trên mỗi cuống chỉ mang 1 hoa.
- + Mọc thành cụm: trên mỗi cuống mang nhiều hoa.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- * GV củng cố nội dung bài.
- * GV đánh giá giờ học.
- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi cuối bài.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Ôn các nội dung đã học.
- Chuẩn bị ôn tập tiết 34.

Tuần 17

Ngày soạn : 11/12/2011

Ngày giảng: 6A1: 15/12/2011 6A2: 115/12/2011 6A3: 16/12/2011

Tiết 34 - ÔN TẬP HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh ôn tập, củng cố lại các kiến thức đã học.
- Biết cô đọng các kiến thức chính của nội dung từng bài.
- Hiểu được chức năng phù hợp với cấu tạo.

2. Kỹ năng

- Có kỹ năng quan sát, so sánh, nhận biết kiến thức.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích môn học.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. **Thầy:** Tranh vẽ các hình trong nội dung chương 4, 5, 6.

2. **Trò:** Chuẩn bị theo nội dung đã học.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. **Kiểm tra bài cũ:** (*Không*)

3. Tiến trình bài học

1. Giáo viên hướng dẫn HS ôn tập theo nội dung từng chương:

a. Chương IV: Lá

- Đặc điểm bên ngoài của lá:

+ Nêu cấu tạo, cách xếp lá trên cây.

+ Chức năng

- Cấu tạo trong:

- + Cấu tạo
- + Chức năng
- Quang hợp:
 - + Nêu được thí nghiệm chất mà lá cây chế tạo được khi có ánh sáng.
 - + Xác định được chất khí thải ra trong quá trình lá chế tạo tinh bột.
 - + Xác định được những chất cần thiết để lá chế tạo tinh bột.
 - + Nêu được khái niệm quang hợp.
 - + Nêu được các điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến quang hợp.
 - + Ý nghĩa của quang hợp.
- Hô hấp của cây:
 - + Nêu được các thí nghiệm chứng minh hiện tượng hô hấp ở cây.
 - + Khái niệm
- Sự thoát hơi nước ở lá và ý nghĩa
- Biến dạng của lá:
 - + Các loại lá biến dạng
 - + Ý nghĩa

b. Chương V: Sinh sản sinh dưỡng

- Hình thức sinh sản sinh dưỡng tự nhiên
- Hình thức sinh sản sinh dưỡng do người.

c. Chương VI: Hoa và sinh sản hữu tính

- Cấu tạo và chức năng của hoa:

- + Nêu cấu tạo
- + Nêu chức năng của các bộ phận
- Các loại hoa
 - + Sự phân chia thành: hoa đơn tính, hoa lưỡng tính.
 - + Sự phân chia thành: hoa mọc đơn độc và hoa mọc thành cụm.

* **Lưu ý:** GV dùng tranh ở mỗi bài, chương để HS quan sát. Yêu cầu HS tự nêu các đặc điểm và chức năng.

3. Kiểm tra - Đánh giá

- * GV củng cố nội dung bài.
- Khắc sâu kiến thức cần ghi nhớ.
- * GV nhận xét, đánh giá giờ học.

4. Dặn dò - Hướng dẫn về nhà

- * HS ôn bài.
- Ôn nội dung tiết 34.
- Chuẩn bị kiểm tra học kì I.

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 18

Ngày soạn : 11/12/2011

Ngày giảng 6A1: 15/12/2011 6A2: 15/12/2011 6A3: 15/12/2011

Tiết 35 - KIỂM TRA HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU

- Học sinh thực hiện nội dung đã học, đã ôn tập
- Có thái độ nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử.

II. PHƯƠNG TIỆN

- GV: Nội dung đề bài
- HS: Chuẩn bị theo nội dung đã ôn tập.

III. ĐỀ BÀI(Trường rút trong ngân hàng đề)

VI. HƯỚNG DẪN HỌC BÀI Ở NHÀ

- Đọc trước bài: Thụ phấn

Tuần 18

Ngày soạn : 11/12/2011

Ngày giảng: 6A1: 15/12/2011 6A2: 15/12/2011 6A3: 16/12/2011

Tiết 36 - Bài 30: THỤ PHẤN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh phát biểu được khái niệm thụ phấn.
- Nêu được những đặc điểm chính của hoa tự thụ phấn. Phân biệt hoa tự thụ phấn và hoa giao phấn.
- Nhận biết những đặc điểm chính của hoa thích hợp với lối thụ phấn nhờ sâu bọ.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện và củng cố các kỹ năng: Làm việc nhóm nhỏ, quan sát.
- Sử dụng các thao tác tư duy tích cực, chủ động sáng tạo.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu và bảo vệ thiên nhiên có ý thức bảo vệ các loài hoa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. **Thầy:** Mẫu vật, tranh ảnh: hoa tự thụ phấn, hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.

Tranh vẽ cấu tạo hoa bí đỏ.

2. **Trò:** Mỗi nhóm: 1 loại hoa tự thụ phấn, 1 loại hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

3. Tiến trình bài học

⇒ Giới thiệu Tiết 36/

Hoạt động 1: Tìm hiểu hoa tự thụ phấn và hoa giao phấn

Mục tiêu: HS hiểu rõ đặc điểm hoa tự thụ phấn, phân biệt hoa tự thụ phấn và hoa giao phấn.

Các bước tiến hành:

a. Hoa tự thụ phấn

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>- Hướng dẫn HS quan sát hình 30.1 để trả lời câu hỏi:</p> <p>? Thế nào là hiện tượng thụ phấn?</p> <p>* GV đưa vấn đề: Hoa tự thụ phấn cần những điều kiện nào?</p> <p>* GV chốt lại đặc điểm của hoa tự thụ phấn.</p>	<p>* HS tự quan sát hình 30.1 (chú ý vị trí của nhị và nhụy), suy nghĩ để trả lời câu hỏi.</p> <p>* HS làm ∇ SGK (lựa chọn các đặc điểm ghi vào giấy nháp)</p> <p>+ Trao đổi câu trả lời tìm được và giải thích.</p> <p>+ Các nhóm nhận xét, bổ sung nếu cần. -</p> <p>Đặc điểm hoa tự thụ phấn:</p> <p>+ Hoa lưỡng tính.</p> <p>+ Nhị và nhụy chín đồng thời.</p>

b. Hoa giao phấn

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>* GV yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời 2 câu hỏi mục 1b.</p> <p>- Tổ chức thảo luận giữa các nhóm, trao đổi đáp án 2 câu hỏi.</p>	<p>* HS đọc thông tin trang 99. Thảo luận câu trả lời trong nhóm (gợi ý giao phấn là hiện tượng hạt phấn chuyển đến đầu nhụy hoa khác)</p> <p>* HS tự bổ sung hoàn thiện đáp án.</p>

* GV kết luận + Thụ phấn bằng cách giao phấn nhờ nhiều yếu tố.	- Yêu cầu kiến thức: + Nêu được đặc điểm là hoa đơn tính hoặc hoa lưỡng tính có nhị và nhụy không chín cùng 1 lúc. + Hoa giao phấn thực hiện được nhờ nhiều yếu tố: sâu bọ, gió, người...
---	---

Tiểu kết:

- Thụ phấn là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy.
- Hoa có hạt phấn rơi vào đầu nhụy của chính hoa đó gọi là hoa tự thụ phấn.
- Những hoa có hạt phấn chuyển đến đầu nhụy của hoa khác gọi là hoa giao phấn.

Hoạt động 2: Đặc điểm của hoa thụ phấn nhờ sâu bọ

Mục tiêu: HS biết được đặc điểm của hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
* GV yêu cầu HS bỏ mẫu đã mang đi lên bàn quan sát. * GV treo tranh, giới thiệu thêm về hoa thụ phấn nhờ sâu bọ. - Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi mục ▽ SGK. ? Hoa có những đặc điểm nào để thu hút	* HS quan sát mẫu vật, tranh 9 chú ý các đặc điểm nhị, nhụy, màu hoa. suy nghĩ trả lời 4 câu hỏi SGK. - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

sâu bọ? * GV nhận xét. * GV nhấn mạnh các điểm chính của hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.	* HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.
---	---------------------------------------

Tiểu kết:

- Hoa thụ phấn nhờ sâu bọ có đặc điểm:
- + Có màu sắc sặc sỡ, có mùi thơm.
- + Đĩa mật nằm ở đáy hoa.
- + Hạt phấn và đầu nhụy có chất dính.

IV. CỦNG CỐ

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi cuối bài.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Chuẩn bị: cây ngô có hoa, hoa bí ngô, ... đọc trước bài: thụ phấn (tiếp).

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 20

Ngày soạn : 1/1/2012

Ngày giảng: 6A1: 5/1/2012 6A2: 3/1/2012 6A3: 3/1/2012

Tiết 37 - Bài 30: THỤ PHẦN (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh giải thích được tác dụng của những đặc điểm của hoa thụ phấn nhờ gió, so sánh với thụ phấn nhờ sâu bọ.
- Hiểu hiện tượng giao phấn.
- Biết được vai trò của con người từ thụ phấn cho hoa góp phần nâng cao năng suất và phẩm chất cây trồng.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, thực hành.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ thiên nhiên. Vận dụng kiến thức góp phần thụ phấn cho cây.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- 1. Thầy:**
- Cây ngô có hoa, hoa bí ngô.
 - Dụng cụ thụ phấn cho hoa.

- 2. Trò:** Mỗi nhóm: 1 loại hoa tự thụ phấn nhờ gió.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- Thế nào là hiện tượng thụ phấn?
- Tự thụ phấn khác với giao phấn ở điểm nào?

3. Tiến trình bài học

Ngoài thụ phấn nhờ sâu bọ, hoa còn được thụ phấn nhờ những yếu tố nào?

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm của hoa thụ phấn nhờ gió

Mục tiêu: HS giải thích được tác dụng của những đặc điểm thường có ở hoa thụ phấn nhờ gió.

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
* GV hướng dẫn HS quan sát mẫu vật và hình 30.3, 30.4, trả lời câu hỏi: ? Nhận xét về vị trí của hoa ngô đực và cái? ? Vị trí đó có tác dụng gì trong cách	* HS quan sát mẫu vật và hình SGK để tìm câu trả lời. - Yêu cầu: hoa đực ở trên để tung hạt phấn.

<p>thụ phấn nhờ gió?</p> <p>- Yêu cầu HS đọc thông tin mục 3 và hoàn thành phiếu học tập.</p> <p>* GV chữa phiếu học tập, có thể đánh giá điểm một số nhóm làm tốt.</p> <p>- Yêu cầu các nhóm so sánh hoa thụ phấn nhờ sâu gió và hoa thụ phấn nhờ sâu bọ?</p> <p>* GV chuẩn kiến thức như SGK.</p>	<p>- Các nhóm thảo luận, trao đổi nhóm hoàn thành phiếu học tập.</p> <p>- 1, 2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>
---	---

Tiểu kết:

Đặc điểm hoa thụ phấn nhờ gió: + Hoa tập trung ở đầu ngọn cây.

+ Bao hoa thường tiêu giảm.

+ Chỉ nhị dài, bao phấn treo lủng lẳng.

+ Hạt phấn nhiều, nhỏ, nhẹ.

+ Đầu nhị dài, có nhiều lông.

Hoạt động 2: Ứng dụng kiến thức về thụ phấn

Mục tiêu: HS biết được các ứng dụng về thụ phấn từ đó có các biện pháp giúp hoa thụ phấn nhằm tạo năng suất cao

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>- yêu cầu HS đọc thông tin mục 4 để trả lời câu hỏi cuối mục.</p> <p>- Hãy kể những ứng dụng về sự thụ phấn của con người? GV có thể gợi ý bằng câu hỏi nhỏ.</p> <p>? Khi nào hoa cần thụ phấn bổ sung?</p> <p>? Con người đã làm gì để tạo điều kiện cho hoa thụ phấn?</p> <p>* GV chốt lại các ứng dụng về sự thụ phấn.</p> <p>- Con người chủ động thụ phấn cho hoa nhằm:</p> <p>+ Tăng sản lượng quả và hạt.</p> <p>+ Tạo ra các giống lai mới.</p> <p>* GV đặt câu hỏi củng cố:</p> <p>? Hoa thụ phấn nhờ gió có những đặc điểm gì?</p> <p>? Trong trường hợp nào thụ phấn nhờ người là cần thiết?</p>	<p>* HS tự thu thập thông tin bằng cách đọc mục 4, tự tìm câu trả lời.</p> <p>- Yêu cầu nêu được:</p> <p>+ Khi thụ phấn tự nhiên gặp khó khăn.</p> <p>+ Con người nuôi ong, trực tiếp thụ phấn cho hoa.</p> <p>* HS tự rút ra những ứng dụng về sự thụ phấn của con người.</p>

Tiểu kết:

- Con người có thể chủ động tiến hành các hoạt động thụ phấn cho hoa, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thụ phấn của hoa và thực hiện sự giao phấn bắt buộc cho hoa trong quá trình chọn, tạo giống.

Kết luận chung: SGK/Trang 102.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi cuối bài.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Tích cực quan sát, giải thích các hiện tượng thực tiễn trong các hiện tượng có liên quan đến sự thụ phấn của hoa. Nghiên cứu thông tin bài 31.

Tuần 20

Ngày soạn : 2/1/2012

Ngày giảng: 6A1: 6/1/2012 6A2: 4/1/2012 6A3: 6/1/2012

Tiết 38 - Bài 31: THỤ TINH, KẾT HẠT VÀ TẠO QUẢ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

* HS trình bày được khái niệm, kết quả và ý nghĩa sinh học của ba quá trình: thụ tinh, kết hạt và tạo quả sau sự thụ phấn của hoa.

- Nêu được các giai đoạn trong 3 quá trình trên.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, kỹ năng hoạt động nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, có ý thức bảo vệ thực vật.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Tranh vẽ Hình 31.1, một số mẫu hoa, quả

2. Trò:

- Một số mẫu hoa, quả

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát, thảo luận, vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- Nêu được điểm của hoa thụ phấn nhờ gió?

- Con người đã ứng dụng và vận dụng vào thực tiễn như thế nào khi có những hiểu biết về quá trình thụ phấn của hoa?

3. Tiến trình bài học

- Sau quá trình thụ phấn, các quá trình sinh học nào sẽ tiếp tục xảy ra? Những điều đó có ý nghĩa gì? Hãy cùng nhau nghiên cứu và giải quyết các vấn đề bài học hôm nay.

Hoạt động 1: Hiện tượng nảy mầm của hạt phấn

Mục tiêu: HS biết được thể nào là hiện tượng nảy mầm của hạt phấn

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>- Giáo viên yêu cầu HS nghiên cứu thông tin phần 1, tự ghi nhận và khái quát thông tin kiến thức --> phát biểu trả lời:</p> <p><u>?</u> Sự nảy mầm củ hạt phấn xảy ra ở đâu?</p> <p><u>?</u> Hãy mô tả sự nảy mầm của hạt phấn?</p> <p><u>?</u> Kết quả của sự nảy mầm của hạt phấn?</p> <p><u>?</u> Ống phấn sau khi được hình thành sẽ tiếp tục có những hoạt động gì?</p> <p><u>?</u> Chức năng của ống phấn?</p>	<p>* HS nghiên cứu thông tin, quan sát mẫu vật và hình SGK để tìm câu trả lời.</p> <p>→ Trên đầu nhụy</p> <p>→ Hạt phấn hút chất nhày --> trương lên --> nảy mầm thành ống phấn.</p> <p>→ Ống phấn xuyên dọc bầu nhụy và mang tế bào SD đực đến để tiếp xúc với noãn.</p>

*Yêu cầu học sinh trả lời, nhận xét, bổ sung, rút ra kết luận.	
--	--

Tiểu kết:

- Sau quá trình thụ phấn, trên đầu nhụy, hạt phấn hút chất nhày, trương lên nảy mầm thành ống phấn mang TBSD đực tới tiếp xúc với noãn nằm trong bầu nhụy.

Hoạt động 2: Thụ tinh

Mục tiêu: HS biết được khái niệm, kết quả và ý nghĩa sinh học của quá trình: thụ tinh

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
- Yêu cầu HS đọc thông tin mục 2, quan sát hình 31.1, ghi nhận kiến thức để trả lời câu hỏi. ? Để xảy ra quá trình thụ tinh, phải có những điều kiện gì? ? Mô tả diễn biến quá trình thụ tinh ở thực vật? ? Vậy: Thụ tinh là gì? *Yêu cầu HS trả lời, nhận xét, bổ sung, rút ra những thông tin cần kết luận, ghi nhớ.	* HS tự thu thập thông tin bằng cách đọc mục 2/SGK, tự khái quát thông tin, trả lời câu hỏi. - Yêu cầu nêu được: + Sự thụ phấn, sự nảy mầm củ hạt phấn trên đầu nhụy và sự hình thành ống phấn. + TBSD đực kết hợp với TBSD cái (noãn). * Thụ tinh là sự kết hợp giữa một TBSD đực (có trong hạt phấn) với một TBSD cái (có trong bầu nhụy) để tạo ra một tế bào mới gọi là hợp tử.

Giáo viên tiến hành giảng giải thêm, liên hệ, khắc sâu kiến thức cho học sinh về sự thụ tinh ở cây có hoa trong sự sinh sản hữu tính.	
---	--

Tiểu kết:

- Thụ tinh là sự kết hợp giữa tế bào sinh ♂ với tế bào sinh dục ♀ để tạo thành một tế bào mới gọi là hợp tử.
- Ở thực vật có hoa đó chính là sự kết hợp giữa 1 tinh tử sinh ra từ hạt phấn với tế bào noãn có trong bầu nhụy.

Hoạt động 3: Kết hạt và tạo quả

Mục tiêu: HS biết được sự kết hạt và tạo quả diễn ra như thế nào

Các bước tiến hành:

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
- Giáo viên yêu cầu HS nghiên cứu thông tin phần 3, ghi nhận và khái quát thông tin kiến thức --> phát biểu trả lời: <u>?</u> Hạt do bộ phận nào của hoa biến đổi thành? <u>?</u> Sau quá trình thụ tinh, các bộ phận của noãn biến đổi thành những bộ phận tương ứng nào ở hạt?	* HS nghiên cứu thông tin SGK để tìm câu trả lời. Sau đó rút ra kết luận: + Sau khi được thụ tinh, noãn sẽ phát triển thành hạt. + TB noãn sẽ phát triển thành phôi hạt, vỏ noãn sẽ phát triển thành vỏ hạt...

<p>--> Giáo viên liên hệ, giảng giải, khắc sâu sau các ý kiến trả lời của học sinh.</p> <p>? Quả được hình thành từ bộ phận nào của bầu?</p> <p>*Yêu cầu học sinh, nhận xét, bổ sung, rút ra kết luận. Sau GV tiến hành minh hoạ khắc sâu kiến thức cho học sinh.</p>	<p>--> Chú ý nghe giảng, liên hệ thực tế.</p> <p>+ Sau khi hạt được hình thành, bầu nhụy sẽ phát triển thành quả.</p>
--	--

Kết luận chung: SGK/Trang 104.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi cuối bài.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Tích cực quan sát, giải thích các hiện tượng thực.
- Đọc mục “Em có biết” và nghiên cứu thông tin chương VII/Bài 32.

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 21

Ngày soạn : 8/1/2012

Ngày giảng: 6A1: 12/1/2012 6A2: 10/1/2012 6A3: 10/1/2012

CHƯƠNG VII- QUẢ VÀ HẠT

Tiết 39 - BÀI 32: CÁC LOẠI QUẢ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh nêu được những căn cứ khi tiến hành phân chia các nhóm quả ở thực vật.
- Nêu được đặc điểm của từng loại quả.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, khái quát, các kỹ năng học tập nhóm

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích môn học, có ý thức bảo vệ thực vật.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Mẫu một số loại quả theo hình 32.1; bảng phụ, PHT...

2. Trò:

- Các loại quả

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

- ? Nêu khái niệm thụ tinh? Điều kiện và ý nghĩa sinh học của sự thụ tinh?
? Trình bày các quá trình kết quả và tạo hạt? ý nghĩa sinh học của các quá trình đó?

3. Bài mới:

***Giới thiệu: Tiết 39/Bài 32:**

Hoạt động 1: Căn cứ vào đặc điểm nào để phân chia các loại quả?

Mục tiêu: HS biết được những căn cứ khi tiến hành phân chia các nhóm quả ở thực vật.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>* GV yêu cầu HS sử dụng các mẫu quả mang đến lớp, tiến hành quan sát, đối chiếu Hình 32.1/SGK; sau đó thảo luận nhóm phát biểu ý kiến trả lời các câu hỏi.</p> <p>? Em có nhận xét gì về đặc điểm của quả ở thực vật?</p> <p>? Em có thể phân chia quả của cây thành những nhóm nào? (Giáo viên tổng hợp ý kiến, có định</p>	<p>* Thực hiện theo yêu cầu, hướng dẫn của GV, tiến hành thảo luận sau đó phát biểu ý kiến trả lời các câu hỏi:</p> <p>--> Có rất nhiều loại quả khác nhau (rất đa dạng).</p> <p>--> Học sinh đưa ra một số cách phân chia theo suy nghĩ của mình.</p>

<p>hướng, yêu cầu học sinh nhận xét).</p> <p>? Hãy nêu đặc điểm của từng nhóm quả?</p> <p>(GV giảng giải, giải thích thêm)</p> <p>? Vậy có nhiều cách phân chia các loại quả không? Vì sao?</p>	<p>--> Học sinh tiến hành trả lời, nhận xét, bổ sung, kết luận.</p> <p><i>*KL: Quả ở thực vật rất phong phú và đa dạng, do vậy có rất nhiều cách căn cứ để phân chia các nhóm quả khác nhau.</i></p>
---	---

Hoạt động 2: Các loại quả chính

Mục tiêu: HS biết được đặc điểm của từng loại quả.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK, ghi nhận kiến thức từ phần 2. Sau đó tiến hành thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, phát biểu trả lời:</p> <p>? Người ta thường căn cứ vào đâu để phân chia các loại quả?</p> <p>? Kể tên những nhóm quả khác nhau dựa theo những căn cứ trên? Nêu đặc điểm từng nhóm quả đó?</p> <p>? Lấy một vài ví dụ từ những mẫu quả</p>	<p>*HS thực hiện yêu cầu của thầy ---> Tiến hành thảo luận phát biểu trả lời:</p> <p>→ Căn cứ vào vỏ của quả.</p> <p>→ Có 2 loại quả: Quả kho và quả thịt.</p>

<p>mang đến lớp (vào các nhóm)?</p> <p>? Nêu căn cứ phân chia và cho biết các loại quả khô?</p> <p>? Sự khác nhau cơ bản giữa các loại quả khô?</p> <p>? Lấy thêm các ví dụ về quả khô theo từng loại?</p> <p>? Nêu căn cứ phân chia và cho biết các loại quả thịt? Sự khác nhau cơ bản giữa các loại quả thịt?</p> <p>Lấy thêm các ví dụ về quả thịt theo từng loại?</p>	<p>Quả khô: đỗ, lạc, cải,...</p> <p>Quả thịt: cà chua, đu đủ,...</p> <p>Từ những ý kiến trả lời --> Kết luận:</p> <p>a. Các loại quả khô:</p> <p>--> Căn cứ trạng thái của vỏ quả khi chín.</p> <p>- Quả khô lẻ: Khi chín vỏ quả nứt ra (vd: đỗ, cải, điền thanh, ...)</p> <p>- Quả khô không lẻ: Khi chín vỏ quả không nứt ra (vd: lạc, thìa là, ...)</p> <p>b. Các loại quả thịt:</p> <p>--> HS trả lời --> KL:</p> <p>- Quả hạch: Có hạch cứng bao quanh hạt (vd: mơ, mận, táo, dứa, ...)</p> <p>- Quả mọng: quả chứa toàn thịt bao quanh hạt (bưởi, cam, chanh, đu đủ, ...)</p>
---	---

Kết luận chung: SGK/Tr 106.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Vì sao phải thu hoạch đỗ xanh, đỗ đen trước khi quả chín?

? Người ta có những biện pháp gì để bảo quản các loại quả thịt?

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
 - Đọc mục “ Em có biết”.
 - Nghiên cứu trước Bài 33.
-

Tuần 21

Ngày soạn : 9/1/2012

Ngày giảng: 6A1: 13/1/2012 6A2: 11/1/2012 6A3: 13/1/2012

Tiết 40 - BÀI 33: HẠT VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA HẠT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS trình bày được đặc điểm cấu tạo các phần của hạt; phân biệt hạt cây một lá mầm và cây hai lá mầm.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, khái quát, các kỹ năng học tập nhóm

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích môn học, yêu quý và bảo vệ thực vật.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Hạt ngô + Hạt đậu đen đã ngâm trong nước, kim móc, lúp.
- Bảng phụ (PHT) – T108.

2. Trò:

- Các loại hạt.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

? Quả ở thực vật được chia thành mấy loại? Nêu đặc điểm của mỗi loại quả? Lấy ví dụ minh họa.

3. Bài mới:

*Giới thiệu: Tiết 40/Bài 33

Hoạt động 1: Các bộ phận của hạt.

Mục tiêu: HS biết được đặc điểm cấu tạo các phần của hạt

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
*GV yêu cầu học sinh quan sát mẫu hạt ngô và hạt đậu đã ngâm trong	*HS tiến hành các hoạt động học tập theo yêu cầu, hướng dẫn của thầy.

<p>nước, tách vỏ và các phần của của hạt, sau đó dùng kính lúp quan sát.</p> <p>*Tiếp theo yêu cầu HS đối chiếu việc quan sát mẫu vật với Hình 33.1,2 --> Nhận biết và gọi tên các bộ phận của hạt. Sau đó tiến hành thảo luận nhóm thống nhất ý kiến trả lời vào phiếu hoạt tập (mẫu bảng trang 108).</p> <p>? Hạt của cây có những bộ phận nào?</p> <p>? Mỗi bộ phận của hạt lại gồm những phần cụ thể như thế nào?</p> <p>Từng bộ phận đó có chức năng như thế nào?</p> <p>* GV giảng giải, liên hệ, khắc sâu kiến thức cho học sinh.</p>	<p>Quan sát, nhận biết, gọi tên các bộ phận của hạt.</p> <p>Trên cơ sở đó thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thành PHT, sau đó báo cáo trả lời.</p> <p>*Qua các ý kiến phát biểu trả lời, học sinh tiến hành nhận xét, bổ sung sau đó rút ra kết luận.</p> <ul style="list-style-type: none">• Hạt có cấu tạo gồm các bộ phận:<ul style="list-style-type: none">– Vỏ hạt: có chức năng bao bọc và bảo vệ hạt.– Phôi hạt: gồm các phần lá mầm, chồi mầm, thân mầm và rễ mầm. có chức năng phát triển thành cây con.– Chất dự trữ: dự trữ các chất cho hạt.
---	---

Hoạt động 2: Phân biệt hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm

Mục tiêu: HS biết phân biệt hạt cây một lá mầm và cây hai lá mầm.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* GV yêu cầu HS tiếp tục căn cứ và PHT, tiếp tục thảo luận trả lời các câu hỏi.</p> <p>? Đặc điểm cấu tạo của hạt ngô và hạt đậu đen có gì giống nhau?</p> <p>? Chúng có sự khác nhau như thế nào?</p> <p>GV giảng, định hướng để học sinh suy luận về hạt cây một lá mầm (ngô) và hạt cây hai lá mầm (đậu đen).</p> <p>? Như vậy: Hạt Một lá mầm và Hạt Hai lá mầm có sự khác nhau như thế nào?</p> <p>? Hãy lấy một số ví dụ minh họa về hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm?</p>	<p>*HS nghiên cứu thông tin, sử dụng PHT, tiếp tục thảo luận nhóm --> phát biểu ý kiến trả lời:</p> <p>→ Đều có các phần tương tự nhau</p> <p>→ Sự khác biệt:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hạt đậu: có hai lá mầm, chất dự trữ nằm ở lá mầm.- Hạt ngô: có 1 lá mầm, chất dự trữ nằm ở phôi nhũ. <p>KL:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hạt Một lá mầm có đặc điểm:<ul style="list-style-type: none">+ Phôi chứa một lá mầm, chất dự trữ chứa trong phôi nhũ của hạt.+ Ví dụ: Hạt ngô, hạt thóc, hạt cau, dừa,...- Hạt Hai lá mầm có các đặc điểm:<ul style="list-style-type: none">+ Phôi hạt có hai lá mầm, chất dự trữ nằm trong là mầm của hạt.+ Ví dụ: Hạt lạc, đậu đỗ, bưởi, cam,

	chanh,
--	-------------

Kết luận chung: SGK / Trang 109.

IV. CỦNG CỐ

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1,2,3 /SGK trang 109.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài theo KLC và trả lời câu hỏi + bài tập SGK.
- Xem trước các thông tin bài 34, kê bảng trang 111.

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 22

Ngày soạn : 15/1/2012

Ngày giảng: 6A1: 19/1/2012 6A2: 17/1/2012 6A3: 17/1/2012

Tiết 41 - BÀI 34: PHÁT TÁN CỦA QUẢ VÀ HẠT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu khái niệm phát tán, nhận biết được các hình thức phát tán của quả và hạt.
- Trình bày được đặc điểm của quả và hạt thích nghi với điều kiện sống.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, khái quát, các kỹ năng học tập nhóm

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích môn học, có ý thức bảo vệ thực vật

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy

- Tranh vẽ hình 34.1, bảng phụ (PHT)/ trang 111.
- Mẫu một số mẫu quả và hạt.
- Tư liệu tham khảo (Tư liệu SH 6, SNV,...)

2. Trò:

- Nghiên cứu tài liệu.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

? Hạt có cấu tạo gồm những bộ phận nào? nêu chức năng của từng bộ phận đó?

? Phân biệt hạt của cây một lá mầm với hạt cây hai lá mầm. Lấy ví dụ minh họa?

3. Bài mới:

* Giới thiệu: Thực vật không có khả năng di chuyển như động vật, nhưng chúng ta có thể bắt gặp những cây thuộc cùng một loài ở nhiều nơi khác nhau. Vì sao vậy? Cách thức nào đảm bảo cho điều đó xảy ra? ...

Hoạt động 1: Các cách phát tán của quả và hạt

Mục tiêu: HS biết khái niệm phát tán, nhận biết được các hình thức phát tán của quả và hạt.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
*Yêu cầu HS quan sát mẫu quả và hạt cùng tranh vẽ các quả và hạt (SGK). Sau đó trả lời câu hỏi:	*HS học tập theo yêu cầu và hướng dẫn của thầy hoàn thành bài tập điền bảng, phát biểu trả lời ---> nêu lên các hình thức (cách phát tán của quả và

<p>? Nhận xét cách phát tán của những quả và hạt đó (Đánh dấu vào PHT)</p> <p>? Những quả(hạt) nào phát tán nhờ gió (nhờ động vật, tự phát tán)?</p> <p>? Vậy quả và hạt có những cách phát tán nào?</p> <p>? Hãy lấy một số ví dụ minh họa cho những cách phát tán vừa nắm được?</p> <p>? Theo em quả và hạt có cách phát tán nào khác?</p> <p>=> Yêu cầu HS trả lời, nhận xét, bổ sung, kết luận.</p>	<p>hạt).</p> <p>---> Trình bày được các quả (hạt) có hình thức phát tán tương ứng.</p> <p>*KL: Quả và hạt có các cách phát tán chủ yếu là: Phát tán nhờ gió, phát tán nhờ động vật, tự phát tán.</p> <p>=> Học sinh lấy vd và ghi nhớ.</p> <p>- Ngoài ra, quả và hạt còn có thể phát tán nhờ nước, hay nhờ con người,...</p>
--	---

*** Tiểu kết**

Quả và hạt có các cách phát tán chủ yếu là: Phát tán nhờ gió, phát tán nhờ động vật, tự phát tán.

Hoạt động 2: Đặc điểm thích nghi của các cách phát tán của quả và hạt

Mục tiêu: HS Trình bày được đặc điểm của quả và hạt thích nghi với điều kiện sống.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin	*Ghi nhận thông tin kiến thức, thảo

<p>kiến thức SGK (Trang 111) tìm ra những đặc điểm thích nghi của quả và hạt với cách phát tán nhờ gió, nhờ động vật và tự phát tán. Sau đó trả lời câu hỏi:</p> <p>? Quả và hạt phát tán nhờ gió (nhờ động vật và tự phát tán) có những đặc điểm thích nghi như thế nào?</p> <p>? Hãy giả thích ý nghĩa thích nghi của chúng?</p> <p>*Qua các ý kiến phát biểu trả lời, nhận xét của HS, GV giảng giải, liên hệ khác sâu để HS ghi nhớ.</p> <p>? Con người có thể giúp cho quả và hạt phát tán bằng cách nào?</p>	<p>luận nhóm thống nhất ý kiến, sau đó phát biểu ý kiến trả lời các câu hỏi.</p> <p>*Sau các ý kiến trả lời, nhận xét, bổ sung, rút ra kết luận:</p> <p>- Quả và hạt phát tán nhờ gió: Nhẹ, có cánh, hoặc có nhiều lông tơ.</p> <p>- Quả và hạt phát tán nhờ động vật: Có nhiều lông, gai móc, thường đính lông lẻo trên cành (quả).</p> <p>- Quả và hạt tự phát tán: Khi chín vỏ thường tách ra làm hạt rơi xuống đất.</p> <p>*Chú ý nghe giảng và ghi nhớ</p> <p>- Thông qua các hoạt động sản xuất trồng trọt, con người có thể làm cho thực vật phát tán liên tục từ nơi này đến nơi khác.</p>
--	---

*** Tiểu kết**

- **Quả và hạt phát tán nhờ gió: Nhẹ, có cánh, hoặc có nhiều lông tơ.**
- **Quả và hạt phát tán nhờ động vật: Có nhiều lông, gai móc, thường đính lông lẻo trên cành (quả).**
- **Quả và hạt tự phát tán: Khi chín vỏ thường tách ra làm hạt rơi xuống đất.**

Kết luận chung: SGK – trang 112

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Sử dụng 3 câu hỏi trang 112.
- Lưu ý hỗ trợ kiến thức và liên hệ, gợi ý để HS hoàn thành việc trả lời câu 4

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài theo những vấn đề đã tiếp thu và thảo luận trên lớp.
- Nghiên cứu và chuẩn bị TN₀ hình 35.1 (bài 35).

Duyệt ngày : tháng năm 2012

Tuần 23

Ngày soạn : 29/1/2012

Ngày giảng: 6A1: 2/2/2012 6A2: 31/1/2012 6A3: 31/1/2012

Tiết 42 - BÀI 35 : NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐỂ HẠT NẢY MẦM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nêu được những điều kiện cần thiết để hạt nảy mầm.
- Giải thích được việc vận dụng những hiểu biết về điều kiện nảy mầm của hạt trong sản xuất trồng trọt.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, khái quát, các kỹ năng học tập nhóm
- Vận dụng giải thích các vấn đề thực tiễn.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích môn học, yêu quý thực vật.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

2. Trò:

- Học sinh làm trước thí nghiệm bài 35 – về điều kiện nảy mầm của hạt (theo nhóm) – 3 cốc thủy tinh + 30 hạt đậu + bông ẩm + nước sạch; tiến hành theo quy trình hướng dẫn.

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

? Quả và hạt có những cách phát tán nào? Em hãy nêu đặc điểm thích nghi với các cách phát tán của quả và hạt?

3. Bài mới

*Giới thiệu: tiết 42 / Bài 35:

Hoạt động 1: Thí nghiệm về những điều kiện nảy mầm của hạt

Mục tiêu: HS điều kiện để hạt nảy mầm:

- Hạt có chất lượng tốt.
- Cần có không khí và độ ẩm thích hợp

*Hạt còn cần phải có nhiệt độ phù hợp mới nảy mầm được.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin phần 1. Sau gọi các nhóm lần lượt báo	* HS các nhóm lần lượt báo cáo kết quả thí nghiệm

<p>cáo thí nghiệm.</p> <p>? Em có nhận xét về kết quả thí nghiệm của các nhóm?</p> <p>? Hãy giải thích tại sao chỉ có hạt ở cốc 3 nảy mầm còn ở cốc 1 và 2 không nảy mầm được?</p> <p>? Những hạt nếp có thể nảy mầm được không? Vì sao?</p> <p>? Vậy điều kiện cần thiết để hạt nảy mầm là gì?</p> <p>*Tiếp theo đó yêu cầu HS quan sát kết quả thí nghiệm 2</p> <p>? Điều kiện của thí nghiệm 2 có gì giống và khác biệt so với điều kiện có trong cốc 3 của thí nghiệm 1?</p> <p>? Hạt trong thí nghiệm 2 có nảy mầm được không? Vì sao?</p> <p>? Vậy còn có thêm điều kiện nào để hạt nảy mầm?</p> <p>* Giáo viên yêu cầu học sinh bổ sung, nhận xét và kết luận – ghi nhớ.</p>	<p>→ Tiến hành phát biểu nhận xét.</p> <p>→ Ở cốc 3: độ ẩm hạt nhận được là đủ ẩm, ở cốc 1 không có hơi ẩm, ở cốc 2 hạt bị ngập nước quá lâu nên không thể nảy mầm được.</p> <p>*Kết luận: Điều kiện để hạt nảy mầm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hạt có chất lượng tốt.- Cần có không khí và độ ẩm thích hợp <p>→ HS trả lời.</p> <p>→ Không nảy mầm vì đây là điều kiện quá lạnh.</p> <p>→ Nhiệt độ.</p> <p>*Hạt còn cần phải có nhiệt độ phù hợp mới nảy mầm được.</p>
---	--

Hoạt động 2: Những hiểu biết về điều kiện nảy mầm của hạt
được vận dụng như thế nào trong sản xuất?

Mục tiêu: HS biết trong sản xuất khi gieo hạt cần phải chú ý chống úng ngập, hạn hán, chống rét cho hạt; cần phải bảo quản tốt hạt giống và gieo hạt đúng thời vụ.

Các bước tiến hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK và thực tiễn, thảo luận thống nhất ý kiến trả lời các câu hỏi:</p> <p>? Vì sao ... nếu đất bị úng ngập phải tháo nước đi ngay?</p> <p>? Vì sao phải làm đất tơi xốp khi gieo hạt...?</p> <p>? Vì sao khi trời rét cần phải ủ rơm rạ vào luống hạt gieo?</p> <p>? Vì sao phải gieo hạt đúng thời vụ?</p> <p>? Tại sao phải bảo quản hạt giống tốt?</p> <p>? Vậy những kiến thức về điều kiện nảy mầm của hạt có ý nghĩa như thế nào trong sản xuất?</p>	<p>*HS chú ý học tập, nghiên cứu ---> trả lời các câu hỏi.</p> <p>→ Để hạt không bị ngập, thối, chết...</p> <p>→ Đảm bảo độ thoáng khí cho hạt nảy mầm.</p> <p>→ Để đảm bảo nhiệt độ thích hợp cho sự nảy mầm của hạt</p> <p>→ Đảm bảo phù hợp với thời tiết, khí hậu.</p> <p>→ Đảm bảo chất lượng hạt giống.</p> <p>* Kết luận: Trong sản xuất khi gieo hạt cần phải chú ý chống úng ngập, hạn hán, chống rét cho hạt; cần phải bảo quản tốt hạt giống và gieo hạt đúng thời vụ.</p>

Kết luận chung: SGK / Trang 115

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1,2,3 trang 115.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Nghiên cứu bài 36, kẻ bảng Trang 116 và 118.

Tuần 23

Ngày soạn : 29/1/2012

Ngày giảng: 6A1: 3/2/2012 6A2: 1/2/2012 6A3: 3/2/2012

Tiết 43 - Bài 36: TỔNG KẾT VỀ CÂY CÓ HOA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh trình bày được sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trên cơ thể thực vật, đồng thời thấy được sự phối hợp trong hoạt động chức năng của các cơ quan trên cơ thể thực vật qua đó khẳng định được rằng cây xanh là một thể thống nhất.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng phân tích xử lý thông tin, kỹ năng hoạt động học tập nhóm, khả năng tự duy tích cực, chủ động

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cây xanh.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Tranh phóng to Hình 36.1, bảng phụ (mẫu trang 116)

- Các mảnh bìa cứng ghi các số thứ tự 1,2,3,4,5,6 và a,b,c,d,e,g và bảng ghi tên các cơ quan trên cơ thể thực vật.

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ

? Để hạt nảy mầm cần phải có những điều kiện cần thiết nào? Lấy một ví dụ chứng tỏ.

? Những kiến thức về điều kiện nảy mầm của hạt đã được ứng dụng như thế nào trong sản xuất?

3. Bài mới

Mở bài: Chúng ta đã được nghiên cứu những vấn đề về cây có hoa?...

I- CÂY LÀ MỘT THỂ THỐNG NHẤT

Hoạt động 1: Tìm hiểu:

Sự thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan ở cây có hoa

Mục tiêu: HS biết các cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản cả cây có hoa đều có cấu tạo phù hợp với chức năng mà chúng đảm nhận.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>* Yêu cầu học sinh quan sát, nghiên cứu Hình 36.1, ghi nhận thông tin, tiến hành thảo luận, trả lời câu hỏi:</p> <p><u>?</u> Lên bảng chỉ ra và gọi tên các cơ quan của cây có hoa trên sơ đồ?</p> <p>* Yêu cầu HS: Tiếp tục thảo luận nhóm, dựa theo thông tin bảng tổng</p>	<p>*Thực hiện theo yêu cầu, hướng dẫn của thầy, ghi nhận thông tin kiến thức, thảo luận rồi tiến hành trả lời.</p> <p>--> Xác định và gọi tên lần lượt các cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của cây.</p> <p>*Tiếp tục thảo luận, hoàn thành các bài tập nhận thức</p>

<p>hợp (trang 116), hoàn thành yêu cầu nhận thức bằng cách ghép các cặp số (1,2,3...) với chữ cái (a,b,c,...) cho phù hợp.</p> <p>*Giáo viên lần lượt gọi HS trả lời, nhận xét, bổ sung với sự chốt lại kiến thức.</p> <p>? Em hãy nêu đặc điểm cấu tạo phù hợp với những chức năng tương ứng của các cơ quan ở cây xanh có hoa? Nhận xét về mối quan hệ giữa chúng?</p>	<p>- Yêu cầu cần hoàn thành: Rễ (6 – a), thân (4 –b), lá (2 –e), hoa (3 –d), quả (1 –c), hạt (5 –g).</p> <p>*Sau đó rút ra kết luận:</p> <p>- Tất cả các cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản cả cây có hoa đều có cấu tạo phù hợp với chức năng mà chúng đảm nhận.</p>
--	--

Hoạt động 2: Sự thống nhất về chức năng giữa các cơ quan ở cây có hoa

Mục tiêu: HS biết sự hoạt động của chức năng của các cơ quan ở cây có hoa luôn thống nhất với nhau.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin kiến thức SGK, ghi nhớ và khái quát những vấn đề đã ghi nhận, trả lời câu hỏi:</p> <p>? Hoạt động của lá chịu sự ảnh hưởng từ sự hoạt động của các cơ quan nào?</p>	<p>*Thực hiện theo yêu cầu, hướng dẫn của thầy, ghi nhận và khái quát thông tin kiến thức, phát biểu trả lời:</p> <p>- <i>Sự hoạt động của lá chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ dòng nước được hút lên từ rễ</i></p>

<p>(Hãy đưa ra một dẫn chứng chứng minh)</p> <p>? Sự hoạt động (tốt hay không tốt) của lá có ảnh hưởng trở lại tới thân và rễ cây như thế nào?</p> <p>? Giải thích tại sao khi tưới nước xuống rễ cây nhưng thân và lá (cũng như các cơ qua khác) của cây có thể tươi tốt?</p> <p>? Hãy đưa ra nhận xét của em về sự hoạt động chức năng của các cơ quan của cây có hoa?</p> <p>(Giáo viên giảng giải, liên hệ)</p>	<p>và được vận chuyển qua thân cây.</p> <p>- Khi là hoạt động tốt sẽ cung cấp cho thân và rễ nhận được đủ các chất để thực hiện chức năng.</p> <p>--> Học sinh giải thích, ghi nhớ.</p> <p>* Kết luận: sự hoạt động của chức năng của các cơ quan ở cây có hoa luôn thống nhất với nhau.</p>
---	--

Kết luận chung: SGK /Tr117

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

? Trả lời 3 câu hỏi trang 117.

? Tại sao nói cây là một thể thống nhất

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK, làm bài tập giải ô chữ trang 118.

- Nghiên cứu thông tin phần II/Bài 36.

Duyệt ngày : tháng năm 2012

.....

Tuần 24

Ngày soạn : 5/2/2012

Ngày giảng: 6A1: 9/2/2012 6A2: 7/2/2012 6A3: 7/2/2012

Tiết 44 - Bài 36: TỔNG KẾT VỀ CÂY CÓ HOA (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

-HS nêu được những đặc điểm thích nghi của thực vật ở các môi trường sống khác nhau, nêu được ý nghĩa thích nghi của các đặc điểm đó đối với thực vật

2. Kỹ năng

- Rèn kĩ năng so sánh, phân tích, khái quát hoá thông tin; phát triển kĩ năng học tập nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu quý và bảo vệ sự đa dạng của thực vật và bảo vệ môi trường sinh thái.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Tranh vẽ phóng to Hình 36.2 → 36.5; Mẫu thật một số loại lá cây liên quan đến kiến thức của bài học.

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra 15 phút

? Các cơ quan sinh dưỡng và sinh sản của cây có hoa có cấu tạo phù hợp với chức năng như thế nào?

? Nêu sự thống nhất về chức năng giữa các cơ quan của cây có hoa?

3. Bài mới

Giới thiệu: Tiết 44- Bài 36:

II- CÂY VỚI MÔI TRƯỜNG

Hoạt động 1: Các cây sống dưới nước

Mục tiêu: Học sinh nắm được đặc điểm những cây sống dưới nước.

Các bước tiến hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>* Yêu cầu HS quan sát Hình 36.2 và mẫu một số lá súng, lá rong đuôi chó, tiến hành thảo luận, phát biểu trả lời:</p> <p>? Hình dạng của những lá ở mặt nước và những lá chìm hoàn toàn trong nước có sự khác nhau như thế nào? Ý nghĩa thích nghi?</p> <p>*Yêu cầu HS quan sát Hình 36.3, mẫu cây bèo tây → trả lời:</p> <p>? Đặc điểm thích nghi với đời sống trôi nổi trên mặt nước của cây bèo tây?</p> <p>? Cuống lá bèo tây ở H36.3A có gì khác với ở H36.3B? Giải thích ý nghĩa?</p>	<p>*Học tập theo sự hướng dẫn và yêu cầu của thầy → phát biểu trả lời các câu hỏi:</p> <p>- Lá ở mặt nước thường có dạng bản rộng, chìm trong nước, là thường có dạng sợi mềm mại</p> <p>→ HS tự giải thích và ghi nhớ.</p> <p>- Trả lời → Kết luận:</p> <p>- Những cây sống trôi nổi thường có cuống lá phình to, xốp, nhẹ.</p> <p>→ Hình A: thích nghi với đời sống trôi nổi; hình B: thích nghi với đời sống ở cạn.</p>

*** Tiểu kết**

- Lá ở mặt nước thường có dạng bản rộng, chìm trong nước, là thường có dạng sợi mềm mại

- Những cây sống trôi nổi thường có cuống lá phình to, xốp, nhẹ.

Hoạt động 2: Các cây sống ở cạn

Mục tiêu: Học sinh nắm được đặc điểm những cây sống ở cạn

Các bước tiến hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>*Yêu cầu HS đọc thông tin SGK, thảo luận, liên hệ sau đó trả lời các câu hỏi:</p> <p><u>?</u> Đời sống của cây ở cạn chịu sự ảnh hưởng (tác động) của những yếu tố nào?</p> <p><u>?</u> Sống trong điều kiện khô, nhiều nắng cây có những đặc điểm gì? giải thích tại sao?</p> <p><u>?</u> Trong điều kiện râm mát, ẩm cây có những đặc điểm gì? giải thích tại sao?</p> <p>*Yêu cầu HS liên hệ, Lấy một số ví dụ, ghi nhớ kiến thức.</p>	<p>*Học tập theo yêu cầu, hướng dẫn, sau đó phát biểu trả lời:</p> <p>- <i>Đời sống của cây chịu sự tác động thời tiết, khí hậu, nước, đất, động vật...</i></p> <p>- <i>Trong điều kiện này: cây thường mọc thấp, tán rộng, nhiều cành, rễ ăn sâu.</i></p> <p>→ HS giải thích và ghi nhớ.</p> <p>- <i>..... cây thường vươn cao, cành lá tập trung chủ yếu trên ngọn.</i></p> <p>→ Liên hệ, lấy vd, ghi nhớ và kết luận.</p>

*** Tiểu kết**

- Đòi sống của cây chịu sự tác động thời tiết, khí hậu, nước, đất, động vật...
- Trong điều kiện này: cây thường mọc thấp, tán rộng, nhiều cành, rễ ăn sâu.

Hoạt động 3: Cây sống trong những môi trường đặc biệt

Mục tiêu: Học sinh nắm được đặc điểm những cây sống trong những môi trường đặc biệt.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS đọc phần 3, quan sát Hình 36.4,5 → ghi nhận và khái quát kiến thức, sau đó trả lời các câu hỏi:</p> <p>? Hãy cho biết một số môi trường đặc biệt? Ví dụ về TV ở từng môi trường?</p> <p>? Hãy nêu đặc điểm thích nghi của những cây sống ở môi trường đầm lầy (sa mạc), giải thích ý nghĩa thích nghi của từng đặc điểm?</p> <p>*GV liên hệ và diễn giảng khắc sâu kiến thức cho HS ghi nhớ.</p>	<p>*HS học tập theo yêu cầu, hướng dẫn của thầy → Sau đó khái quát thông tin, phát biểu ý kiến trả lời → nhận xét, bổ sung, kết luận.</p> <p>- Cây sống ở đầm lầy: có hệ thống rễ chống chằng chịt.</p> <p>- Cây sống ở sa mạc: thân thấp, mọc nước, bộ rễ dài, lá biến thành gai (để tận dụng tối đa nguồn nước ít ỏi...)</p> <p>⇔ Lắng nghe, ghi nhớ.</p>

*** Tiểu kết**

- Cây sống ở đầm lầy: có hệ thống rễ chống chằng chịt.
- Cây sống ở sa mạc: thân thấp, mọc nước, bộ rễ dài, lá biến thành gai (để tận dụng tối đa nguồn nước ít ỏi...)

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

* GV sử dụng các câu hỏi 1,2,3/Trang 121. Yêu cầu HS đọc mục “Em có biết”.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK, làm các bài tập trong vở bài tập, chuẩn bị “rêu rớt”.

Tuần 24

Ngày soạn : 6/2/2012

Ngày giảng: 6A1: 10/2/2012 6A2: 8/2/2012 6A3: 10/2/2012

CHƯƠNG VIII- CÁC NHÓM THỰC VẬT

Tiết 45 - Bài 37: TẢO

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được đặc điểm cấu tạo cùng những đặc điểm chung của Tảo, chứng tỏ rằng tảo là nhóm thực vật bậc thấp.

- Nêu được đặc điểm của một số loài Tảo thường gặp, nêu được vai trò của Tảo thường gặp.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, khái quát, so sánh, kỹ năng hoạt động nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập, yêu quý các loài thực vật.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Mẫu một số loài tảo: tảo xoắn, rong mơ, ...
- Tranh phóng to Hình 37.1 → 37.4, bảng phụ

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

? Hãy nêu đặc điểm thích nghi của những thực vật sống ở dưới nước (trên cạn và môi trường đặc biệt)?

3. Tiến trình bài học

Mở bài: Giới thiệu tiết 45/Bài 37.

Hoạt động 1: Cấu tạo của tảo

Mục tiêu: Học sinh nắm được cấu tạo của tảo

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>VĐ1: Yêu cầu HS quan sát mẫu tảo xoắn (kết hợp với tranh vẽ H37.1), nghiên cứu thông tin SGK (1.a) → trả lời câu hỏi.</p> <p>? Tảo xoắn sống ở môi trường nào? Chúng thường sống như thế nào?</p> <p>*Về cấu tạo:</p> <p>? Màu sắc của tảo xoắn/giải thích?</p> <p>? Tế bào tảo có cấu tạo gồm những bộ phận nào?</p> <p>? Sự sinh sản của tảo xoắn như thế nào?</p> <p>VĐ2: Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin, quan sát H37.2 → phát biểu trả lời:</p> <p>? Môi trường sống cùng các đặc điểm cấu tạo của rong mơ có gì khác tảo xoắn?</p> <p>? Sự sinh sản của rong mơ có gì khác so với tảo xoắn?</p> <p>*Yêu cầu HS lần lượt trả lời, bổ sung → rút ra kết luận.</p>	<p>VĐ1: Quan sát tảo xoắn: Thực hiện theo yêu cầu của thầy, ghi nhận, phát hiện thông tin kiến thức → sau đó phát biểu trả lời các câu hỏi.</p> <p>→ Sống ở môi trường nước ngọt (ruộng lúa, mương, ngòi nước...)</p> <p>→ Có màu lục (do TB chứa diệp lục).</p> <p>→ Gồm: Vách, màng, thể màu và nhân.</p> <p>→ Sinh sản vô tính (đứt đoạn) và hữu tính (tiếp hợp).</p> <p>VĐ2: Quan sát rong mơ (tảo nước mặn): HS thực hiện theo yêu cầu:</p> <p>→ Môi trường nước mặn, có hình dạng giống như một cành cây, trong TB chứa thể màu (chứa diệp lục và sắc tố nâu).</p> <p>→ Sinh sản sinh dưỡng và hữu tính.</p> <p>→ Theo hướng dẫn của thầy HS tiến hành tự rút ra kết luận, ghi nhớ.</p>

* Tiểu kết

Sống ở môi trường nước ngọt (ruộng lúa, mương, ngòi nước...)

Có màu lục (do TB chứa diệp lục).

Gồm: Vách, màng, thể màu và nhân.

Sinh sản vô tính (đứt đoạn) và hữu tính (tiếp hợp).

Hoạt động 2: Một vài tảo thường gặp khác

Mục tiêu: Học sinh nắm được một số loại tảo thường gặp

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK, quan sát hình 37.3,4 → Ghi nhận, khái quát kiến thức phát biểu trả lời.</p> <p>? Có thể phân chia Tảo thành những nhóm nào? (Lấy ví dụ minh họa)</p> <p>? Vì sao người ta xếp Tảo thực giới thực vật?</p> <p>? Vì sao chúng được coi là nhóm thực vật bậc thấp?</p>	<p>*Thực hiện việc học tập, ghi nhận kiến thức theo yêu cầu và hướng dẫn của thầy → phát biểu ý kiến trả lời câu hỏi, sau đó rút ra kết luận.</p> <p>- Tảo được phân chia thành:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Tảo đơn bào (tảo xoắn, tảo tiểu cầu).+ Tảo đa bào (rong mơ, rau câu). <p>⇔ Vì trong TB chứa diệp lục và có hình thức dinh dưỡng tự dưỡng.</p> <p>- Tảo là nhóm TVBT vì chúng chưa có rễ, thân, lá, sinh sản chủ yếu là SSVT, sống trong nước.</p>

Hoạt động 2: Vai trò của tảo

Mục tiêu: Học sinh nắm được vai trò của tảo

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin → thảo luận, trả lời câu hỏi.</p> <p>? Tảo có những vai trò gì trong tự nhiên và đời sống?</p> <p>? Hãy Lấy một vài ví dụ minh họa?</p> <p>*GV liên hệ, yêu cầu HS kết luận và ghi nhớ.</p>	<p>*Thực hiện theo yêu cầu, hướng dẫn →phát biểu trả lời.</p> <p>- Cung cấp ôxi cho động vật thủy sinh.</p> <p>- Làm thức ăn cho người và động vật.</p> <p>- Cung cấp phân bón, nguyên liệu cho SX công nghiệp.</p> <p>- Một số có thể gây hại (ô nhiễm nước, gây độc, ...).</p>

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK/Trang 125.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

* GV sử dụng các câu hỏi cuối bài học trong SGK trang 125 .

Yêu cầu HS đọc mục “Em có biết”.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Chuẩn bị “Cây rêu tường”; nghiên cứu các thông tin bài 38.

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 25

Ngày soạn : 12/2/2012

Ngày giảng: 6A1: 16/2/2012 6A2: 14/2/2012 6A3: 14/2/2012

Tiết 46 - Bài 38: RÊU – CÂY RÊU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

* HS nêu được đặc điểm về môi trường sống, cấu tạo, sự sinh sản và phát triển của rêu tường. Nêu được vai trò của rêu.

- Giải thích về sự thích nghi với điều kiện sống ẩm ướt của rêu.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích so sánh, kỹ năng hoạt động nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, hứng thú tìm tòi, nghiên cứu.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Tranh vẽ cây rêu và sự sinh sản phát triển của rêu, mẫu vật cây rêu, lúp nhỏ.

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

? Em hãy nêu sự khác nhau về môi trường sống, đặc điểm về hình thái, cấu tạo của tảo xoắn và rong mơ?

? Nêu đặc điểm chung và vai trò của tảo?

3. Tiến trình bài học

Mở bài: Giới thiệu rêu – cây rêu.

Hoạt động 1: Môi trường sống của cây rêu

Mục tiêu: Học sinh nắm được môi trường sống của rêu

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
-------------------------	-------------------------

<p>*Yêu cầu HS trình bày trước lớp sự chuẩn bị mẫu vật, nghiên cứu thông tin → trả lời các câu hỏi:</p> <p>? Cây rêu sống ở những nơi nào? (Liên hệ với tảo).</p> <p>? Đặc điểm môi trường nơi cây rêu sống?</p> <p>? Rêu thường sống đơn độc hay thành từng đám? Em hãy giải thích ý nghĩa của hiện tượng đó?</p> <p>→ GV yêu cầu Hs kết luận và ghi nhớ.</p>	<p>*Thực hiện các hoạt động nhận thức theo yêu cầu và hướng dẫn của thầy → thảo luận thống nhất ý kiến, trả lời.</p> <p>→ Sống ở bờ tường, gốc cây (khác hoàn toàn MTS của tảo).</p> <p>→ Nơi rêu sống thường rất ẩm ướt.</p> <p>→ Rêu thường sống thành từng đám.</p> <p><i>HS tự giải thích, bổ sung → kết luận và ghi nhớ.</i></p>
--	---

*** Tiểu kết**

Sống ở bờ tường, gốc cây (khác hoàn toàn MTS của tảo).

Nơi rêu sống thường rất ẩm ướt.

Rêu thường sống thành từng đám.

Hoạt động 2: Quan sát cây rêu – Tìm hiểu túi bào tử và sự phát triển của rêu

Mục tiêu: Học sinh nắm được đặc điểm cấu tạo của cây rêu, cơ quan sinh sản của cây rêu là bào tử.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS làm việc độc lập ở từng cá</p>	<p>*Thực hiện theo y/c, giải quyết 2 VD: <u>VD1: Quan sát cây rêu (rêu tường).</u></p>

<p>nhân theo nội dung sau:</p> <p>- Dùng kính lúp quan sát cây rêu tường, tìm hiểu các phần trong cấu tạo.</p> <p>? Hãy cho biết cây rêu tường có những bộ phận nào? Nêu đặc điểm của từng bộ phận? Chức năng của từng bộ phận?</p> <p>? So sánh với cấu tạo của tảo và cây có hoa?</p> <p>? Liên hệ giải thích ý nghĩa thích nghi của các đặc điểm vừa nêu với nơi sống của rêu?</p> <p>→ GV gọi bổ sung, khắc sâu kiến thức, yêu cầu học sinh ghi nhớ.</p> <p>*Tiếp theo yêu cầu HS hoạt động nhóm, thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>- Quan sát hình 38.2, thảo luận → trả lời:</p> <p>? Rêu sinh sản bằng bộ phận nào?</p> <p>? Bào tử của rêu nằm ở vị trí nào? Trong quá trình sinh sản của rêu nó có hoạt động quan trọng nào?</p> <p>*GV liên hệ, giải thích khắc sâu → HS ghi nhớ.</p>	<p>Tiến hành quan sát, tìm hiểu cấu tạo của cây rêu → phát biểu trả lời:</p> <p>Cây rêu có các bộ phận (cơ quan):</p> <p>- Rễ: Rễ giả có chức năng hút nước và muối khoáng.</p> <p>- Thân: Chưa có các bó mạch.</p> <p>- Lá: nhỏ, chưa có mạch dẫn.</p> <p>⇔ HS vận dụng so sánh, ghi nhớ về đặc điểm tiến hoá của rêu.</p> <p><i>Trên cơ sở đó tiếp tục giải thích ý nghĩa thích nghi của từng đặc điểm cấu tạo.</i></p> <p><u>VĐ 2:</u> Túi bào tử và sự phát triển của rêu.</p> <p>*HS tiến hành quan sát, thảo luận nhóm. Từ đó thống nhất trả lời các câu hỏi, nhận xét, bổ sung → kết luận:</p> <p>- Rêu sinh sản hữu tính bằng bào tử.</p> <p>- Bào tử nằm trong túi bào tử ở ngọn cây rêu, khi bào tử chín, TBT vỡ ra, các bào tử rơi xuống đất ẩm và nảy mầm thành cây rêu con.</p>
---	---

*** Tiểu kết**

Cây rêu có các bộ phận (cơ quan):

- Rễ: Rễ giả có chức năng hút nước và muối khoáng.
- Thân: Chưa có các bó mạch.
- Lá: nhỏ, chưa có mạch dẫn.
- Rêu sinh sản hữu tính bằng bào tử.
- Bào tử nằm trong túi bào tử ở ngọn cây rêu, khi bào tử chín, TBT vỡ ra, các bào tử rơi xuống đất ẩm và nảy mầm thành cây rêu con.

Hoạt động 3: Tìm hiểu vai trò của rêu

Mục tiêu: Học sinh nắm được vai trò của rêu

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS tự nghiên cứu thông tin → trả lời câu hỏi?</p> <p>? Hãy nêu lợi ích của rêu với TN và ĐS con người?</p> <p>*GV liên hệ, yêu cầu HS ghi nhớ.</p>	<p>* HS nghiên cứu → trả lời:</p> <p>- Làm đất tơi xốp, màu mỡ.</p> <p>- Tạo các lớp than bùn trong đất, làm phân bón, chất đốt, ...</p>

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK/Trang 127.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

* GV sử dụng các câu hỏi cuối bài học trong SGK .

Yêu cầu HS đọc mục “Em có biết”.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

* *Yêu cầu:*

- Học lại bài,
 - Chuẩn bị cây dương xỉ)
-

Tuần 25

Ngày soạn : 12/2/2012

Ngày giảng: 6A1: 17/2/2012 6A2: 15/2/2012 6A3: 17/2/2012

Tiết 47 - Bài 39: QUYẾT – DƯƠNG XỈ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS mô tả được đặc điểm cấu tạo, sự sinh sản phát triển của dương xỉ, trên cơ sở so sánh với rêu.
- Nhận biết được các loài thuộc nhóm quyết trong tự nhiên, nêu được vai trò của quyết.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích so sánh, khái quát hoá, kỹ năng học nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập, yêu quý, bảo vệ thiên nhiên và các loài thực vật.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Mẫu cây dương xỉ, rau bợ, bèo ổi. Tranh vẽ theo hình 39.1,2,3,4; lúp nhỏ, kim mác.

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

? Trình bày đặc điểm cấu tạo và sự sinh sản của rêu? Nêu vai trò của rêu?

3. Tiến trình bài học

Mở bài: Giới thiệu: T47 – Bài 39.

Hoạt động 1: Quan sát cây dương xỉ

Mục tiêu: Học sinh nắm được đặc điểm cấu tạo của cây dương xỉ

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
*Yêu cầu HS sử dụng mẫu cây dương xỉ, quan sát, kết hợp với thông tin SGK → phát biểu trả lời: ? Nơi sống của cây dương xỉ?	*Học tập theo yêu cầu, hướng dẫn của GV → khái quát thông tin, trả lời các câu hỏi. → Ven bờ tường, bờ ruộng (ẩm ướt)

<p>? Mặt dưới của lá dương xỉ khác với các thực vật khác như thế nào?</p> <p>Từ đó GV yêu cầu HS bước vào việc giải quyết 2 VD hoạt động 1</p> <p>VD 1(a): Cơ quan sinh dưỡng</p> <p>? Các cơ quan sinh dưỡng của dương xỉ gồm những cơ quan nào?</p> <p>? Sự khác biệt so với cây rêu thể hiện như thế nào?</p> <p>? Đặc điểm nổi bật khác biệt giữa lá non và lá già ở cây dương xỉ?</p> <p>*GV giảng , liên hệ, khắc sâu.</p> <p>VD2 (b): Túi bào tử và sự phát triển của dung tử.</p> <p>*Yêu cầu HS tách ra một chấm nhỏ màu nâu, dùng kim móc dằm nát rồi lấy lupa quan sát, kết hợp thông tin SGK → trả lời câu hỏi:</p> <p>? Em thấy gì trong mỗi chấm nhỏ? Theo em chúng được gọi là gì?</p> <p>? Bào tử của rêu là nhiệm vụ gì? ở dương xỉ có điều đó không?</p>	<p>→ Có những chấm nhỏ màu nâu, dễ bị bung ra.</p> <p>a. Cơ quan sinh dưỡng.</p> <p>- Rễ: là rễ thật (giống cây có hoa).</p> <p>- Thân: có mạch dẫn.</p> <p>⇔ Học sinh trả lời nêu được điểm khác biệt và nét tiến hoá → ghi nhớ.</p> <p>- Lá:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Lá non uốn cong hình móc câu+ Lá già: hình lông chim mang các chấm nhỏ màu nâu (xanh) ở mặt dưới. <p>→ Có nhiều những hạt nhỏ như hạt cát bên trong. Chúng là các bào tử của cây dương xỉ.</p>
--	---

<p>? Vậy CQSS của dương xỉ là gì?</p> <p>? Nêu cấu tạo của túi bào tử? Cho biết tác dụng của vòng cơ?</p> <p>Quan sát, mô tả sự phát triển của bào tử? So sánh với rêu?</p> <p>*Yêu cầu HS tự rút ra KL, ghi nhớ sâu các câu trả lời</p>	<p>→ sinh sản. Bào tử của dương xỉ cũng vậy.</p> <p>*Dương xỉ sinh sản bằng bào tử. Các bào tử nằm trong túi bào tử (ở túi bào tử) ở mặt dưới các lá già của cây.</p> <p>→ Mỗi túi bào tử có một vòng cơ xung quanh làm nhiệm vụ bảo vệ</p> <p>- Khi các bào tử chín, túi bào tử vỡ ra, bào tử rơi xuống đất ẩm nảy mầm thành nguyên tản từ đó phát triển thành cây dương xỉ non</p> <p>→ HS nêu rõ sự giống khác biệt.</p>
--	---

* Tiểu kết

a. Cơ quan sinh dưỡng.

- Rễ: là rễ thật (giống cây có hoa).

- Thân: có mạch dẫn.

- Lá:

+ Lá non uốn cong hình móc câu

+ Lá già: hình lông chim mang các chấm nhỏ màu nâu (xanh) ở mặt dưới.

b. Cơ quan sinh sản.

***Dương xỉ sinh sản bằng bào tử. Các bào tử nằm trong túi bào tử (ở túi bào tử) ở mặt dưới các lá già của cây.**

→ Mỗi túi bào tử có một vòng cơ xung quanh làm nhiệm vụ bảo vệ

- Khi các bào tử chín, túi bào tử vỡ ra, bào tử rơi xuống đất ẩm nảy mầm thành nguyên tản từ đó phát triển thành cây dương xỉ non

Hoạt động 2: Một vài loại xỉ thường gặp

Mục tiêu: Học sinh nắm được một số cây dương xỉ thường gặp trong đời sống

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS quan sát mẫu và tranh một số loại cây dương xỉ thường gặp khác, trả lời câu hỏi:</p> <p>? Có thể nhận biết các loại cây dương xỉ trong tự nhiên dựa vào đặc điểm nào của lá?</p> <p>*Giải thích, liên hệ, khắc sâu kiến thức.</p>	<p>*HS tiến hành quan sát, ghi nhận thông tin kiến thức, phát biểu trả lời:</p> <p>- Những cây thộc nhóm dương xỉ thường có đặc điểm đặc trưng là: lá non của chúng thường cong dạng lưỡi câu.</p>

***Tiểu kết:**

Cây rau bợ, lông cu li

Hoạt động 2: Quyết cổ đại và sự hình thành than đá

Mục tiêu: Học sinh biết được sự hình thành than đá

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS quan sát hình vẽ SGK, ghi</p>	<p>*HS tiến hành quan sát, ghi nhận</p>

nhận thông tin kiến thức, trả lời câu hỏi: ? Quyết ở thời cổ đại có gì khác với dương xỉ hiện nay? ? Em hãy giải thích sự hình thành nên các mỏ than đá trên trái đất? *Giảng giải, liên hệ, khắc sâu kiến thức.	thông tin kiến thức, phát biểu trả lời: - <i>Quyết cổ đại có dạng thân gỗ lớn, phân bố ở khắp mọi nơi trên trái đất.</i> - <i>Do sự vận động địa chất, hàng loạt các cánh rừng quyết cổ đại đã bị vùi xuống đất, qua hàng triệu năm chúng dần bị phân huỷ và hình thành nên các mỏ than đá tồn tại đến ngày nay.</i>
---	--

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK /Tr 131.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

* GV sử dụng các câu hỏi cuối bài học trong SGK .

Yêu cầu HS đọc mục “Em có biết”.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK, tích cực tìm hiểu thêm về dương xỉ trên sách báo, tivi, ...; đọc mục “Em có biết”/ SGK.

Tuần 25

Ngày soạn : 12/2/2012

Ngày giảng: 6A1: 17/2/2012 6A2: 15/2/2012 6A3: 17/2/2012

Tiết 48 - Bài 40: HẠT TRẦN – CÂY THÔNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS trình bày được đặc điểm cấu tạo của các cơ quan sinh dưỡng và sinh sản của cây thông, so sánh được sự sinh sản của thông (Hạt trần) với rêu, dương xỉ và cây có hoa.
- Nêu được những giá trị thực tiễn của Hạt trần đối với đời sông sản xuất

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, tìm tòi, kỹ năng khái quát, trình bày, kỹ năng học nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, tích cực bảo vệ thực vật Hạt trần.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Tranh ảnh các hình 40.1,2,3,4;
- PHT 1&2, cây thông, cành thông mang nón, các nón thông.

Phiếu học tập số 1

Loại nón	Đặc điểm	Đặc điểm về màu sắc	Vị trí trên cành	Cách mọc trên cành
Nón đực				
Nón cái				

Phiếu học tập số 2

(Bảng mẫu trang 133)

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Tiến trình bài học

Mở bài: ? Các em đã được học qua các nhóm TV nào?

Hoạt động 1: Cơ quan sinh dưỡng và sinh sản của thông

Mục tiêu: Học sinh biết được cấu tạo cơ quan sinh dưỡng và sinh sản của thông

Các bước tiến hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>*Yêu cầu HS quan sát cây thông, nghiên cứu và ghi nhận thông tin kiến thức, sau đó phát biểu trả lời các câu hỏi về các cơ quan sinh dưỡng của cây thông.</p> <p>? Cơ quan sinh dưỡng của cây thông gồm những bộ phận nào?</p> <p>? Hãy nêu đặc điểm của thân, lá, rễ của cây thông?</p> <p>? So sánh đặc điểm cơ quan sinh dưỡng của cây thông với dương xỉ?</p> <p>? Theo em trên cây thông trưởng thành còn mang các cơ quan nào?</p> <p>*Yêu cầu HS quan sát cành thông trưởng thành, nón thông, đối chiếu hình 40.2,3A, 3B, thông tin SGK, thực hiện các yêu cầu nhận thức, trả lời các câu hỏi tìm hiểu về sự sinh sản và phát triển của thông.</p>	<p><u>1. Cơ quan sinh dưỡng.</u></p> <p>*Tiến hành quan sát, ghi nhận thông tin kiến thức, khái quát trả lời câu hỏi.</p> <p>→ Gồm rễ, thân, lá.</p> <p>- <i>Rễ cọc ăn sâu, lan rộng xuống đất.</i></p> <p>- <i>Thân gỗ phân nhiều cành mang lá.</i></p> <p>- <i>Lá nhỏ, hình kim màu xanh lục.</i></p> <p>⇔ HS tự so sánh, đối chiếu, trả lời câu hỏi của GV, kết luận và ghi nhớ.</p> <p>→ Các cơ quan sinh sản.</p> <p><u>2. Cơ quan sinh sản (nón).</u></p> <p>*Thực hiện các yêu cầu học tập và nhận thức theo hướng dẫn và sự tổ chức của thầy, thảo luận, khái quát thông tin trả lời các câu hỏi.</p>

<p>? Cơ quan sinh sản của thông khác với dương xỉ như thế nào?</p> <p>? Cành thông trưởng thành mang các loại nón nào?</p> <p>? Đặc điểm khác nhau giữa nón đực và nón cái như thế nào: (hoàn thành bảng so sánh – PHT1)</p> <p>- Về cấu tạo trong:</p> <p>? Nêu các phần của nón đực (cái)?</p> <p>? Nón đực và nón cái có gì giống (khác) nhau?</p> <p>* Sau đó GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:</p> <p>? Có thể coi nón giống như một hoa đực không? Tại sao?</p> <p>? Chỉ ra sự khác nhau cơ bản về cách sinh sản của thông so với dương xỉ?</p> <p>? Nêu đặc điểm của Hạt thông?</p> <p>? Quan sát nón thông đã phát triển với và một quả thấy có gì khác biệt?</p> <p>? Từ đó giải thích tại sao gọi thông là cây hạt trần?</p>	<p>→ Cơ quan sinh sản của thông là nón.</p> <p>→ Mang 2 loại nón:</p> <p>- Nón đực: màu vàng mọc thành cụm ở trên , mang các túi chứa hạt phấn.</p> <p>⇔ HS trả lời các vấn đề được GV đưa ra, kết luận và ghi nhớ.</p> <p>- Nón cái: màu nâu, mọc đơn độc, mang là noãn chứa noãn.</p> <p>→ HS trả lời.</p> <p>- Thông SS bằng hạt, hạt thông màu nâu có cánh, nằm lộ trên lá noãn (Hạt trần).</p> <p>→ HS trả lời, kết luận, ghi nhớ.</p> <p>⇔ Theo sự hướng dẫn gợi mở của thầy,</p>
---	--

<p>? Hãy thử mô tả sự SS và phát triển của cây thông?</p> <p>GV giảng giải, bổ sung thêm, khác sâu kiến thức để HS ghi nhớ.</p>	<p>HS tiến hành hoàn thành bài tập nhận thức, ghi nhớ!</p> <p>⇔ Theo sự hướng dẫn của thầy, HS hoàn thành sơ đồ trình bày trước lớp sự sinh trưởng và phát triển của thông (Hạt trần).</p>
---	--

*** Tiểu kết**

1. Cơ quan sinh dưỡng.

Gồm rễ, thân, lá.

- Rễ cọc ăn sâu, lan rộng xuống đất.
- Thân gỗ phân nhiều cành mang lá.
- Lá nhỏ, hình kim màu xanh lục.

2. Cơ quan sinh sản (nón).

Mang 2 loại nón:

- Nón đực: màu vàng mọc thành cụm ở trên, mang các túi chứa hạt phấn.
- Nón cái: màu nâu, mọc đơn độc, mang lá noãn chứa noãn.
- Thông SS bằng hạt, hạt thông màu nâu có cánh, nằm lộ trên lá noãn (Hạt trần).

Hoạt động 2: Giá trị của cây Hạt trần

Mục tiêu: Học sinh biết được vai trò và giá trị của cây hạt trần

Các bước tiến hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-------------------------	-------------------------

<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK, sử dụng các thông tin tham khảo → trả lời câu hỏi:</p> <p>? Hãy nêu những giá trị thực tiễn của cây Hạt trần? Lấy các ví dụ minh họa?</p>	<p>*HS tiến hành học tập, phát biểu trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cung cấp gỗ, nhựa phục vụ ĐS...- Dùng làm cảnh, làm vật trang trí...- Có giá trị về mặt sinh thái, du lịch...
--	--

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK /Tr134

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi, nhận xét, đánh giá.

1. Cây thông có cấu tạo như thế nào
2. Cơ quan sinh sản của cây thông là gì?
3. Điểm đặc trưng nhất của thông (cây Hạt trần) là gì?

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK, tích cực tìm hiểu, tham gia bảo vệ cây Hạt trần.
- Nghiên cứu, chuẩn bị mẫu vật cho việc học tập bài 40.

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 26

Ngày soạn : 19/2/2012

Ngày giảng: 6A1: 23/2/2012 6A2: 21/2/2012 6A3: 21/2/2012

Tiết 49 - Bài 40: HẠT KÍN - ĐẶC ĐIỂM CỦA THỰC VẬT HẠT KÍN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS trình bày được đặc điểm, sự đa dạng của TV Hạt kín và những nét khác biệt giữa cây Hạt kín so với cây Hạt trần.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, nhận biết, kỹ năng học tập nhóm, khả năng khái quát,...

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, yêu quý và có ý thức bảo vệ cây có hoa.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Mẫu vật: rễ, cành, lá, hoa, quả hạt của một số cây có hoa; PHT (mẫu tr 135).

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

- Trình bày đặc điểm cơ quan sinh dưỡng của cây thông? SS với rêu và dương xỉ?
- Sự sinh sản của cây thông? Nét tiến hoá thể hiện qua cách sinh sản của thông?

3. Tiến trình bài học

Mở bài: Giới thiệu Tiết 51-Bài 41

Hoạt động 1: Cơ quan sinh dưỡng

Mục tiêu: Học sinh biết được cơ quan sinh dưỡng của thực vật hạt kín nhận xét được đặc điểm của các cơ quan.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS thực hiện các hoạt động học tập theo nhóm, hoàn thành yêu cầu nhận thức → trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none">- Quan sát các mẫu vật mang tới lớp, đối chiếu thông tin SGK.- Vận dụng những hiểu biết đã có được. <p>? Kể tên các cơ quan sinh dưỡng của cây hạt kín?</p> <p>? TV Hạt kín có các loại R, T, L như thế nào? Lấy ví dụ minh hoạ?</p>	<p>*Tiến hành các hoạt động nhận thức theo yêu cầu, hướng dẫn và tổ chức của GV, thảo luận thống nhất ý kiến, sau đó phát biểu trả lời:</p> <p>* Các cơ quan sinh dưỡng gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Rễ: có 2 loại rễ cọc và rễ chùm.- Thân: Thân đứng, thân leo, thân bò.- Lá: Lá đơn, lá kép. <p>⇔ Theo sự dẫn dắt của thầy, HS lần lượt giải quyết các vấn đề GV nêu ra, kết luận</p>

<p>? Em hãy nêu nhận xét về đặc điểm các cơ quan sinh dưỡng của cây hạt kín (so với các nhóm TV khác)?</p>	<p>và ghi nhớ. <i>*Nhận xét: TV Hạt kín rất đa dạng và phong phú. Chúng phân bố ở khắp mọi nơi.</i></p>
--	---

*** Tiểu kết**

Các cơ quan sinh dưỡng gồm:

- Rễ: có 2 loại rễ cọc và rễ chùm.
- Thân: Thân đứng, thân leo, thân bò.
- Lá: Lá đơn, lá kép.

Hoạt động 2: Cơ quan sinh sản

Mục tiêu: Học sinh biết được cơ quan sinh sản của thực vật hạt kín

Các bước tiến hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>? Cơ quan nào là cơ quan sinh sản của TV Hạt kín?</p> <p>? Trình bày cấu tạo và đặc điểm của các bộ phận của hoa (cuống, đế, đài, tràng, nhị, nhụy)?</p> <p>? Hoa có cách mọc như thế nào trên cành?</p> <p>(Qua các câu trả lời, giáo viên yêu cầu HS tiến hành giải thích, lấy ví dụ minh</p>	<p>* Học sinh tiến hành học tập, theo hướng dẫn và tổ chức của thầy, trả lời các câu hỏi → Tự rút ra kết luận.</p> <p>→ Học sinh phát biểu trả lời.</p> <p>* Cơ quan sinh sản của TV Hạt kín là</p>

họa, liên hệ thực tiễn... sau đó yêu cầu HS tự kết luận các vấn đề nhận thức). ? Hãy nêu đặc điểm của Hạt ở TV Hạt kín?	<i>hoa. Hoa của TV Hạt kín rất đa dạng và phong phú,...</i> <i>* Hạt của cây Hạt kín được bao bọc bên trong quả, bình thường không thấy được.</i>
--	--

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK/Tr 136.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm (Vở Bài tập).
- Yêu cầu HS làm bài tập 4/SGK

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK, đọc mục “Em có biết?”.
- Kẻ bảng trang 137; nghiên cứu bài 42.

Tuần 26

Ngày soạn : 19/2/2012

Ngày giảng: 6A1: 24/2/2012 6A2: 22/2/2012 6A3: 24/2/2012

Tiết 50 - Bài 42: LỚP HAI LÁ MẦM VÀ LỚP MỘT LÁ MẦM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

* HS phân biệt và nhận biết được cây Một lá mầm và cây Hai lá mầm trong thực tế, lấy được các ví dụ minh họa.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, thảo luận nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, yêu thích bảo vệ thực vật Hạt kín

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Mẫu vật về rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt của các cây Một lá mầm và cây Hai lá mầm.

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

? CMR các cơ quan sinh dưỡng của TV Hạt kín rất phong phú và đa dạng? Nêu đặc điểm chung của thực vật Hạt kín, nét khác biệt cơ bản so với thực vật Hạt trần?

3. Tiến trình bài học

Mở bài: Tiết 52 – bài 42.

Hoạt động 1: Cây Hai lá mầm và cây Một lá mầm

Mục tiêu: Học sinh biết được cây hai lá mầm và cây một lá mầm.

Các bước tiến hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu SGK, hoàn thành yêu cầu trong lệnh thảo luận.</p> <p>Sau đó GV gọi đại diện các nhóm phát biểu trả lời:</p> <p>? Nêu đặc điểm của rễ, thân, lá (sự khác nhau) giữa cây Hai lá mầm và cây Một lá mầm?</p> <p>? Đặc điểm khác nhau ở các bộ phận hoa, quả, hạt của hai nhóm thực vật?</p> <p>---> Yêu cầu HS nhận xét, kết luận!</p>	<p>*HS thực hiện các yêu cầu nhận thức do giáo viên nêu ra, tiến hành thảo luận nhóm, thống nhất các thông tin kiến thức, sau đó phát biểu ý kiến trả lời.</p> <p>➔ Nhận xét sự khác nhau cụ thể (Rễ, thân, lá...)</p> <p>➔ Sự khác nhau trong các đặc điểm của hoa, đặc điểm của từng bộ phận trên hoa của cây hai lá mầm và cây Một lá mầm.</p> <p>*Sau các ý kiến phát biểu trả lời, nhận xét, bổ sung, kết luận:</p>

*** Tiểu kết**

Bảng kết luận:

<i>Đặc điểm</i>	<i>Cây Hai lá mầm</i>	<i>Cây Một lá mầm</i>
*Kiểu rễ:	- Rễ cọc	- Rễ chùm
*Kiểu gân lá:	- Hình mạng	- Hình cung, song song
*Số cánh hoa:	- Nhiều hơn.	- Thường ít hơn.
*Kiểu thân	- Thân gỗ, thân cỏ, thân bò, thân leo	- Thân cỏ, thân cột
*Kiểu lá:	- Lá đơn, lá kép, có 3 cách mọc	- Lá đơn, thường mọc cách.
*Số lá mầm của phôi:	2	1

Hoạt động 2: Phân biệt, nhận dạng cây Hai lá mầm và cây Một lá mầm

Mục tiêu: Học sinh nhận dạng phân biệt cây 1 lá mầm và cây 2 lá mầm trên mẫu vật

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
*Yêu cầu HS tiếp tục quan sát, nghiên cứu thông tin, phát biểu ý trả lời: ? Nêu những đặc điểm phân biệt cây Hai lá mầm và cây Một lá mầm?	* Học sinh theo yêu cầu, hướng dẫn của thầy. ---> lần lượt phát biểu ý kiến trả lời, nhận xét, bổ sung, sau đó rút ra kết

<p>? Gọi tên các cây và cho biết chúng thuộc cây Hai (hay Một) lá mầm?</p> <p>--->? Hãy rút ra kết luận từ những nhận định trên?</p> <p>*GV giảng giải, gợi mở, khắc sâu kiến thức, yêu cầu HS ghi nhớ.</p>	<p>luận, ghi nhớ.</p> <p>- Cây Hai lá mầm và cây Một lá mầm có sự khác biệt nhau về đặc điểm cấu tạo của rễ, thân, lá, quả và hạt.</p>
--	---

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK /Tr 139

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Giáo viên sử dụng các câu hỏi SGK cuối bài

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK và vở bài tập.
- Ôn tập lại những kiến thức về các nhóm thực vật đã học
- Nghiên cứu bài 43.

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 27

Ngày soạn : 26/2/2012

Ngày giảng: 6A1: 1/2/2012 6A2: 28/2/2012 6A3: 28/2/2012

Tiết 51 : ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hệ thống hoá toàn bộ các kiến thức đã từ chương VI => chương VIII

2. Kỹ năng:

- Biết cách trả lời câu hỏi theo biểu bảng
- Tiếp tục phát triển kỹ năng tư duy lí luận: Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, yêu thích bảo vệ thực vật Hạt kín

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Các tranh vẽ có liên quan
- Các bảng phụ

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Tiến trình bài học

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p><u>Hoạt động 1:</u> Hệ thống hoá toàn bộ các kiến thức đã học(bắt đầu từ học kỳ II)</p> <p>1/ Chương VI: Hoa và sự sinh sản hữu tính</p> <p>Hướng dẫn HS quan sát sơ đồ thụ phấn nêu câu hỏi:</p> <p>-Thụ phấn là gì? Có mấy hình thức thụ phấn?</p> <p>-Nêu đặc điểm của cây thụ phấn nhờ gió và nhờ sâu bọ?</p>	<p>I.Hệ thống hoá toàn bộ các kiến thức đã học(bắt đầu từ học kỳ II)</p> <p>Quan sát tranh, ảnh để nắm bắt kiến thức trả lời câu hỏi</p> <ul style="list-style-type: none">• Thụ phấn là quá trình hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy của hoa. Có hai hình thức thụ phấn: Tự thụ phấn và giao phấn• Đặc điểm của cây thụ phấn nhờ gió:<ul style="list-style-type: none">○ Hoa thường nằm ở ngọn cây.○ Bao hoa thường tiêu giảm.○ Chỉ nhị dài, hạt phấn nhiều, nhỏ, nhẹ.○ Đầu nhụy thường có lông dính. <p>Những hoa thụ phấn nhờ sâu bọ thường có các đặc điểm sau:</p> <p>+ Màu sắc sặc sỡ</p>

Hướng dẫn HS quan sát sơ đồ thụ tinh, nêu câu hỏi:

-Thụ tinh là gì? Sự khác biệt cơ bản nhất giữa thụ phấn và thụ tinh? Trình bày quá trình kết hạt và tạo quả?

2/ Chương VII; Quả và hạt

Cho HS quan sát tranh vẽ các bộ phận của hạt ngô và lúa, nêu câu hỏi:

-Hạt gồm những bộ phận nào? Sự khác biệt cơ bản nhất giữa hạt của cây một lá mầm và hai lá mầm?

-Những điều kiện bên ngoài và bên trong nào cần cho hạt nảy mầm?

3/ Chương VIII: Các nhóm thực vật

Hướng dẫn học sinh hoàn thành nội dung của bảng sau dưới dạng điền khuyết:

Đặc	Tảo	Rêu	Quét
------------	------------	------------	-------------

+*Hương thơm mật ngọt*

+*Hạt phấn có gai*

+*Đầu nhụy có chất dính*

Điểm khác biệt cơ bản nhất giữa thụ tinh và thụ phấn:

Thụ tinh	Thụ phấn
Có sự kết hợp giữa TBSD đực và TBSD cái	Có sự tiếp xúc giữa hạt phấn với đầu nhụy

Sau khi thụ tinh:

+ *Hợp tử phát triển thành phôi*

+ *Noãn phát triển thành hạt chứa phôi*

+ *Bầu nhụy phát triển thành quả chứa hạt*

Hạt gồm:

- *Vỏ: bao bọc bên ngoài*

- *Phôi gồm: rễ mầm, thân mầm, lá mầm và chồi mầm.*

- *Chất dinh dưỡng dự trữ của hạt chứa trong lá mầm hoặc trong phôi nhũ*

Sự khác biệt cơ bản nhất giữa hạt của cây một lá mầm và hai lá mầm:

Cây hai lá mầm: Phôi của hạt có 2 lá mầm

Cây một lá mầm: Phôi của hạt chỉ có một lá mầm

điểm				Đặc điểm	Tảo	Rêu	Quét
Cấu tạo							
Sinh sản				Cấu tạo	Chưa phân hóa thành rễ, thân và lá	Đã có thân, lá và rễ giả , chưa có mạch dẫn	Có thân, lá và rễ thực sự , có mạch dẫn
Sử dụng bảng phụ để hoàn thiện kiến thức				Sinh sản	Sinh dưỡng	Bào tử	Bào tử

Học sinh ghi lại những nội dung cần thiết, cơ bản

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><u>Hoạt động 2: Vận dụng các kiến thức</u></p> <p>Giáo viên lần lượt nêu từng câu hỏi về các kiến thức trọng tâm, yêu cầu học sinh trả lời.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp nào thì con người cần thụ phấn cho hoa? nuôi ong trong vườn cây ăn quả có lợi gì? - Cần phải chọn những hạt đạt những tiêu chuẩn cơ bản nào để làm giống? Vì sao sau khi gieo hạt gặp trời mưa to đất bị úng thì phải tháo hết nước ngay? - Tại sao Rêu ở cạn nhưng chỉ sống được ở 	<p>II. Vận dụng kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc kỹ câu hỏi thảo luận bổ sung và thống nhất câu trả lời - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi - Bổ sung hoàn thiện.

những nơi ẩm ướt? Dựa vào đặc điểm nào của lá để nhận ra cây thuộc Dương xỉ?	
--	--

IV. Củng cố

Nhấn mạnh lại những nội dung chính

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Giáo viên sử dụng các câu hỏi trong bài

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Xem lại tất cả các câu hỏi thảo luận và bài tập đã ôn để chuẩn bị Kiểm tra 1 tiết.

Tuần 27

Ngày soạn : 19/2/2012

Ngày giảng: 6A1: 24/2/2012 6A2: 22/2/2012 6A3: 24/2/2012

Tiết 52 : KIỂM TRA 1 TIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Kiểm tra việc nắm toàn bộ các kiến thức đã từ chương VI => chương VIII

2. Kỹ năng:

- Tiếp tục phát triển kỹ năng tư duy lí luận: Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Rút đề kiểm tra

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Tiến trình kiểm tra

3. Nhận xét giờ kiểm tra

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 28

Ngày soạn : 4/3/2012

Ngày giảng: 6A1: 9/3/2012 6A2: 6/3/2012 6A3: 6/3/2012

Tiết 53 - Bài 43: SƠ LƯỢC PHÂN LOẠI THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

* HS nêu được sơ lược về phân loại thực vật. Nắm được các bậc phân loại TV. Trình bày được khái niệm loài, vai trò trong phân loại thực vật.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng tư duy học tập tích cực, có khả năng phân tích, khái quát.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập, tích cực, hăng hái thực sự.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Bảng phụ (PHT).

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

? Nêu những đặc điểm phân biệt giữa cây Hai lá mầm với cây Một lá mầm

3. Tiến trình bài học

Mở bài: T53- Bài 43.

Hoạt động 1: Phân loại thực vật là gì? Các bậc phân loại

Mục tiêu: Học sinh nắm được khái niệm phân loại thực vật.

Các bậc phân loại thực vật

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:</p> <p>? Lí giải tại sao người ta không sắp xếp táo, rêu, quyết, hạt trần ... vào chung trong một nhóm thực vật?</p> <p>? Thực vật trong cùng 1 nhóm phải có những tiêu chuẩn gì?</p> <p>? Căn cứ vào đâu để tiến hành phân loại thực vật?</p> <p>→ Việc sắp xếp các thực vật thành các nhóm được gọi là gì?</p> <p>*Yêu cầu tiếp tục nghiên cứu thông tin kiến thức SGK , trả lời câu hỏi, nhận xét, bổ sung, kết luận.</p> <p>? Vậy phân loại thực vật là gì?</p> <p>*Sau đó yêu cầu HS giải quyết các vấn</p>	<p>*HS thực hiện theo yêu cầu và hướng dẫn của thầy, tiến hành suy ngẫm, thảo luận, thống nhất ý kiến sau đó phát biểu ý kiến trả lời, nhận xét, bổ sung, rút ra kết luận:</p> <p>--> Vì chúng có rất nhiều đặc điểm khác biệt nhau.</p> <p>--> Có những đặc điểm giống nhau về hình thái, cấu tạo và cách SS</p> <p>--> Dựa theo sự giống hay khác nhau về cấu tạo, sinh sản, ...</p> <p><=> Gọi là phân loại TV.</p> <p>- PLTV là sự phân chia, sắp xếp giới thực vật thành các nhóm khác nhau dựa theo những đặc điểm giống nhau và khác nhau giữa chúng.</p>

<p>đề tìm hiểu về các bậc phân loại trong PLTV ---> trả lời câu hỏi:</p> <p>? Các bậc phân loại theo thứ tự từ cao xuống thấp như thế nào?</p> <p>? Hãy nêu ý nghĩa của các bậc phân loại trong PLTV?</p> <p>? Bậc nào là đơn vị phân loại cơ bản?</p> <p>? Loài là gì? Đặc điểm của những thực vật cùng loài?</p> <p>* GV kết hợp với giảng giải để khắc sâu kiến thức cho HS.</p> <p>Sau đó yêu cầu HS lấy ví dụ.</p>	<p>→ <i>Từ ngành --> --> loài.</i></p> <p>--> HS lần lượt phát biểu trả lời các câu hỏi của GV, nhận xét, kết luận.</p> <p>--> Là loài.</p> <p><i>- Loài là tập hợp các cá thể giống nhau về hình thái cấu tạo cách thức sinh sản.</i></p>
--	--

*** Tiểu kết**

- PLTV là sự phân chia, sắp xếp giới thực vật thành các nhóm khác nhau dựa theo những đặc điểm giống nhau và khác nhau giữa chúng.

- Từ ngành --> --> loài

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Giáo viên sử dụng các câu hỏi SGK cuối bài

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK

Tuần 28

Ngày soạn : 5/3/2012

Ngày giảng: 6A1: 10/3/2012 6A2: 7/3/2012 6A3: 9/3/2012

Tiết 54 - Bài 43: SƠ LƯỢC PHÂN LOẠI THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

* HS nêu được sơ lược về phân loại thực vật. Nắm được các bậc phân loại TV. Trình bày được khái niệm loài, vai trò trong phân loại thực vật.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng tư duy học tập tích cực, có khả năng phân tích, khái quát.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập, tích cực, hăng hái thực sự.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Bảng phụ (PHT).

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

? Nêu những đặc điểm phân biệt giữa cây Hai lá mầm với cây Một lá mầm

3. Tiến trình bài học

Hoạt động 1: Sự phân chia các ngành thực vật

Mục tiêu: Học sinh biết được cách phân chia các ngành thực vật

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin, phát biểu trả lời: ? Kể tên các ngành thực vật đã học? ? Những đặc điểm cơ bản phân biệt các ngành thực vật?	*HS nghiên cứu tích cực, phát biểu ý kiến trả lời: Các ngành thực vật đã học: <i>Học sinh kể.</i> - Các ngành Tảo: chưa có rễ, thân, lá, sống hoàn toàn trong nước ...

<p>? Hãy rút ra nhận xét, kết luận.</p>	<p>- Ngành rêu: có rễ giả, thân và lá đơn giản, chưa có mạch dẫn.</p> <p>- Ngành dương xỉ: Có R, T, L thật, sinh sản bằng bào tử.</p> <p>- Ngành Hạt trần: Sinh sản bằng hạt nằm lộ trên nón..</p> <p>- Ngành Hạt kín: SS bằng hạt nằm sâu trong quả.</p> <p>Học sinh rút ra kết luận</p>
---	---

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK /Tr 141

Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh đọc thêm

Bài 44 Sự phát triển của giới thực vật

IV. CỦNG CỐ

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Giáo viên sử dụng các câu hỏi SGK cuối bài

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 29

Ngày soạn : 11/3/2012

Ngày giảng: 6A1: 16/3/2012 6A2: 13/3/2012 6A3: 13/3/2012

Tiết 55- Bài 45: NGUỒN GỐC CÂY TRỒNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS trình bày được 3 vấn đề: cây trồng bắt nguồn từ đâu; cây trồng khác cây dại như thế nào; và làm thế nào để cải tạo cây trồng.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, thảo luận nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, có thái độ bảo vệ cây trồng.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Bảng phụ (PHT), Tranh vẽ Hình 45.1

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát ,thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Tiến trình bài học

Mở bài: Tiết 55 – Bài 45

Hoạt động 1: Cây trồng bắt nguồn từ đâu?

Mục tiêu: Học sinh biết được cây trồng bắt nguồn từ cây dại

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu các thông tin SGK, liên hệ thực tiễn, vận dụng hiểu biết cá nhân phát biểu trả lời:</p> <p>? Hãy kể tên một số loài cây trồng? Nêu công dụng chính của chúng?</p> <p>? Các loại cây được trồng nhằm mục đích gì?</p> <p>*Tiếp theo yêu cầu HS quan sát, phân tích các thông tin từ H45.1 ---> trả lời:</p> <p>? Em cho biết cây trồng ngày nay bắt nguồn từ đâu? Tại sao chúng trở thành cây trồng?</p>	<p>*Tiến hành các hoạt động nhận thức theo yêu cầu, hướng dẫn của thầy, tự thảo luận, khái quát thông tin, trả lời các câu hỏi:</p> <p>* HS kể, nêu công dụng chính ...</p> <p>- Chúng được trồng nhằm mục đích phục vụ nhu cầu ăn hàng ngày của con người.</p> <p>- <i>Cây trồng bắt nguồn từ cây hoang dại, chúng trở thành cây trồng do các hoạt động trồng trọt cả con người trong quá trình sinh sống.</i></p>

* Tiểu kết

Cây trồng bắt nguồn từ cây hoang dại, chúng trở thành cây trồng do các hoạt động trồng trọt cả con người trong quá trình sinh sống.

Hoạt động 2: Cây trồng khác cây hoang dại như thế nào?

Mục tiêu: Học sinh biết phân biệt được sự khác nhau giữa cây trồng và cây dại .

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin, phát biểu trả lời:</p> <p>? Từ cây cải dại ngày nay đã trở thành những loại cây trồng nào?</p> <p>*Yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm, hoàn thành PHT (bảng điền thông tin); sau đó báo cáo trả lời:</p> <p>? Các bộ phận SD (SS) của các loại cây trồng khác nhau có gì khác biệt so với cây hoang dại?</p> <p>? Giải thích sự khác biệt đó? ý nghĩa?</p> <p>*GV yêu cầu HS liên hệ ---> tự kết luận và ghi nhớ.</p>	<p>*HS nghiên cứu thông tin, khái quát nội dung cần nhận thức ---> trả lời các câu hỏi:</p> <p>→ Các nhóm cây họ cải,...</p> <p>*Hoàn thành các nội dung học tập vào PHT ---> báo cáo trước lớp.</p> <p>- <i>Các bộ phận tương ứng được con người khai thác đều có kích thước to lớn hơn.</i></p> <p>→ <i>Do có sự chọn lọc, tạo giống thường xuyên, sự cải tạo liên tục của con người.</i></p> <p>* Qua các ý kiến trả lời nhận xét, bổ sung, HS tự rút ra KL ghi nhớ.</p>

*** Tiểu kết**

- Số lượng cây trồng nhiều hơn.
- Chất lượng tốt hơn.
- Kích thước to hơn.

Hoạt động 3: Muốn cải tạo cây trồng cần phải làm gì?

Mục tiêu: Học sinh biết được một số biện pháp để cải tạo cây trồng

Các bước tiến hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK (phần 3) --> sau đó phát biểu ý kiến trả lời:</p> <p>? Con người cần phải làm gì để cải tạo cây trồng? ý nghĩa của việc cải tạo cây trồng?</p> <p>? Theo em những biện pháp nào là cơ bản?</p> <p>* Hãy kết luận khái quát về những vấn đề vừa nêu!</p>	<p>*Thực hiện theo yêu cầu, hướng dẫn của thầy ---> phát biểu trả lời, nhận xét, bổ sung kết luận:</p> <p>Các biện pháp thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tích cực chọn tạo giống mới.- Tích cực chăm sóc và bảo vệ cây trồng.- Tích cực áp dụng KHKT vào SX và BV cây trồng.

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK /Tr 145

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Giáo viên sử dụng các câu hỏi SGK cuối bài 1,2,3.

- Yêu cầu học sinh đọc mục “Em có biết”

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK, tích cực tham gia tìm hiểu, chăm sóc và bảo vệ cây trồng.
 - Nghiên cứu bài 46, kẻ bảng mẫu trang 147.
-

Tuần 29

Ngày soạn : 12/3/2012

Ngày giảng: 6A1: 17/3/2012 6A2: 14/3/2012 6A3: 16/3/2012

CHƯƠNG IX- VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT

Tiết 56 - Bài 46: THỰC VẬT GÓP PHẦN ĐIỀU HOÀ KHÍ HẬU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

* HS trình bày được vai trò quan trọng của thực vật trong việc điều hoà khí hậu, tạo ra bầu không khí trong lành, hạn chế ô nhiễm môi trường.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng hoạt động nhóm, thực hiện các hoạt động nhận thức thông qua quan sát, phân tích xử lý thông tin, kỹ năng khái quát, tổng hợp hoá.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, có ý thức tham gia bảo vệ sự đa dạng của thực vật trong trường, khu vực sống, ...

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Tranh phóng to Hình 46.1,2; bảng phụ (trang 147), các thông tin tham khảo ...

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

? Trình bày đặc điểm khác biệt cơ bản giữa cây trồng và cây hoang dại? Con người cần phải làm gì để cải tạo cây trồng?

3. Tiến trình bài học

Hoạt động 1: Tìm hiểu những vai trò quan trọng của thực vật

đối với bầu không khí, khí hậu và môi trường trái đất

Mục tiêu: Học sinh biết được vai trò quan trọng của thực vật đối với bầu không khí, khí hậu và môi trường trái đất

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
*GV yêu cầu Hs nghiên cứu thông tin kiến thức SGK, quan sát các tranh, hình vẽ, tiến hành thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, sau đó phát biểu ý kiến trả lời các câu hỏi, giải quyết 3 vấn đề của HĐ 1:	*HS thực hiện các hoạt động nhận thức theo sự tổ chức và hướng dẫn của thầy, kết hợp các hoạt động độc lập với thảo luận nhóm, phát biểu trả lời, tự rút ra kết luận, hoàn thành mục tiêu học tập.

<p>-VD1:</p> <p>? Các chất khí cacbôníc và ôxi trong không khí luôn được điều hoà ở mức độ ổn định nhờ những hoạt động nào của thực vật?</p> <p>? Em hãy diễn giải cụ thể về sự điều hoà hàm lượng khí ôxi và cacbôníc trong không khí trong các hoạt động vừa nêu của thực vật? Ý nghĩa của sự việc này?</p> <p>*GV minh hoạ và giải thích thêm...</p> <p>-VD2: Y/c HS dựa theo bảng thông tin:</p> <p>? Lượng mưa giữa 2 nơi A và B khác nhau như thế nào?</p> <p>? Nguyên nhân nào khiến cho khí hậu ở 2 nơi A và B khác nhau?</p> <p>? Từ đó em rút ra kết luận gì?</p>	<p>1. Nhờ đâu hàm lượng khí cacbôníc và ôxi trong không khí được ổn định?</p> <p>--> Sự quang hợp và hô hấp thường xuyên của TV</p> <p>-<i>Sự quang hợp của TV làm tăng hàm lượng ôxi và giảm hàm lượng khí cacbôníc trong không khí.</i></p> <p>- <i>Các hoạt động hô hấp của sinh vật (có cả TV) và hoạt động của con người làm tăng hàm lượng cacbôníc và tăng hàm lượng ôxi trong không khí.</i></p> <p>--> Nhờ vậy hàm lượng khí cacbôníc và ôxi trong không khí luôn được ổn định.</p> <p>2. Thực vật giúp điều hoà khí hậu</p> <p>--> Nơi A < nơi B (HS diễn giải).</p> <p>--> Nơi A không có TV, nơi B có nhiều TV.</p> <p>- Nhờ có thực vật, khí hậu trái đất luôn được điều hoà tạo ra điều kiện thuận lợi cho nhiều loài sinh vật khác sinh sống và phát triển.</p> <p>--> Sự ô nhiễm KK do các nguyên nhân:</p>
---	---

<p>-VD3:</p> <p>? Sự ô nhiễm môi trường không khí thường phát sinh do những nguyên nhân chủ yếu nào?</p> <p>? TV có khả năng gì mà có thể làm giảm sự ô nhiễm môi trường?</p> <p>*GV tiến hành liên hệ, minh hoạ thêm, yêu cầu HS tự kết luận ghi nhớ ...</p>	<p>sản xuất công, nông nghiệp, sự phát triển dân số và sự đô thị hoá quá nhanh...</p> <p>- Nhờ khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Ngăn bụi, hút khí độc của lá cây.+ Tiết chất độc tiêu diệt vi khuẩn.+ Điều hoà nhiệt độ <p>--> TV góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường</p>
---	---

*** Tiểu kết**

-Sự quang hợp của TV làm tăng hàm lượng ôxi và giảm hàm lượng khí cacbôníc trong không khí.

- Các hoạt động hô hấp của sinh vật (có cả TV) và hoạt động của con người làm tăng hàm lượng cacbôníc và tăng hàm lượng ôxi trong không khí.

--> Nhờ vậy hàm lượng khí cacbôníc và ôxi trong không khí luôn được ổn định.

- Nhờ khả năng:

+ Ngăn bụi, hút khí độc của lá cây.

+ Tiết chất độc tiêu diệt vi khuẩn.

+ Điều hoà nhiệt độ

--> TV góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường

Hoạt động 2: Thái độ của con người đối với thực vật

Mục tiêu: Học sinh tìm ra những biện pháp tích cực để bảo vệ thực vật liên hệ bản thân

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS thảo luận sau đó phát biểu trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>? Con người cần có thái độ như thế nào đối với thực vật?</p> <p>? Việc trồng nhiều cây xanh và trồng rừng có những tác dụng gì?</p> <p>→ Yêu cầu HS rút ra kết luận và ghi nhớ.</p>	<p>*HS tiến hành thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến trả lời:</p> <p>- Cần tích cực bảo vệ và trồng nhiều cây xanh, tích cực trồng và bảo vệ rừng.</p> <p>→ Nhằm đảm bảo những vai trò trên của thực vật luôn được duy trì (và còn nhiều lợi ích khác).</p>

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK /Trang 148.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Giáo viên sử dụng các câu hỏi SGK cuối bài 1,2,3,4 T 148
- Yêu cầu học sinh đọc mục “Em có biết”

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK và làm các bài tập trong vở bài tập; đọc mục “Em có biết”.
- Nghiên cứu thông tin bài 47.

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 30

Ngày soạn : 18/3/2012

Ngày giảng: 6A1: 23/3/2012 6A2: 20/3/2012 6A3: 20/3/2012

Tiết 57 - Bài 47: THỰC VẬT BẢO VỆ ĐẤT VÀ NGUỒN NƯỚC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS trình bày được vai trò của thực vật trong việc bảo vệ đất và bảo vệ nguồn nước và những ý nghĩa của từng vai trò đó đối với đời sống con người.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, hoạt động nhóm, các kỹ năng khái quát, nhận định.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, có thái độ đúng đắn trong việc bảo vệ thực vật quanh khu vực sống, trường học...

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Tranh vẽ các Hình 47.1,2,3; Tư liệu và bài tập sinh học 6.

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

? Thực vật có những vai trò gì đối với khí hậu trên trái đất?

? Con người cần phải có thái độ như thế nào nhằm bảo vệ thực vật?

3. Tiến trình bài học

Mở bài: Tiết 57/Bài 47.

Hoạt động dạy và học:

Tìm hiểu vai trò của thực vật trong việc bảo vệ nguồn nước

Mục tiêu:

- HS trình bày được vai trò của thực vật trong việc bảo vệ đất và bảo vệ nguồn nước và những ý nghĩa của từng vai trò đó đối với đời sống con người.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin kiến thức SGK (phần 1,2,3), quan sát các thông tin từ Hình 47.1,2,3; tiên	*HS thực hiện các yêu cầu nhận thức theo hướng dẫn của thầy, thảo luận và thông nhất các thông tin, sau đó phát biểu ý kiến

hành thảo luận nhóm tìm hiểu về các vai trò của thực vật trong bảo vệ nguồn nước.

Sau đó GV tiến hành yêu cầu học sinh lần lượt phát biểu ý kiến trả lời, nhận xét, bổ sung và kết luận về 3 vấn đề được đề cập đến ở HĐ1.

- VD1:

? Từ H47.1, cảnh quan ở 2 nơi A và B có gì khác nhau?

? Điều gì sẽ xảy ra khi ở vùng B (đồi trọc) có mưa? tại sao? (H47.2).

? Như vậy thực vật đã giữ đất và chống xói mòn như thế nào?

- VD2:

? Điều gì sẽ xảy ra tiếp theo khi đất đai ở đồi trọc bị xói mòn, rửa trôi (ở vùng đồi trọc)?

? Theo em cần làm gì để hạn chế và khắc phục tình trạng này?

trả lời.

*Từ các ý kiến trả lời, nhận xét bổ sung, HS tự rút ra kết luận và ghi nhớ:

1. TV giúp giữ đất, chống xói mòn.

→ Nơi A có nhiều TV sinh sống, tập trung thành rừng. Nơi B không có thực vật sinh sống, đất trống → “đồi trọc”.

- Nơi B, do ***không có thực vật khi xảy ra mưa lớn, đất sẽ bị xói mòn rửa trôi → mất hết tầng đất mặt màu mỡ.***

- TV đảm nhận được ***vai trò này nhờ có hệ rễ phát triển chằng chịt dưới đất.***

2. TV góp phần hạn chế ngập lụt, hạn hán.

→ Xảy ra: Ngập lụt ở vùng trũng và hạn hán ở vùng cao,

- ***Do vậy cần phải tích cực trồng và bảo vệ rừng, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn.***

3. TV góp phần bảo vệ nguồn nước ngầm.

→ Do ***lớp thảm lá tạo ra từ cây, hệ rễ trong***

<p>- VD3:</p> <p>? Tại sao nói thực vật có thể bảo vệ nguồn nước ngầm trong đất?</p> <p>? Vai trò này của thực vật có ý nghĩa gì?</p> <p>? Qua đây em hãy lí giải tại sao cần phải tích cực bảo vệ thực vật, nêu ý nghĩa của việc trồng và bảo vệ rừng, “tết trồng cây”?</p> <p>Giáo viên giảng giải, liên hệ thực tiễn, khắc sâu kiến thức, yêu cầu HS ghi nhớ và nâng cao nhận thức bảo vệ thực vật,...</p>	<p>đất → đã giữ lại nước mưa trong đất tạo nên các mạch nước ngầm, tạo nên sông, suối,...</p> <p>=> HS chú ý theo dõi, ghi nhận thông tin kiến thức, tự kết luận và ghi nhớ,...</p>
--	---

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK /Tr 151

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

? Tại sao ở vùng ven biển người ta phải trồng rừng ở phía ngoài đê?

? Thực vật có những vai trò gì đối với nguồn nước?

? Hãy nêu những vai trò của rừng trong việc phòng chống hạn hán, lũ lụt?

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK, làm các bài tập trong VBT; đọc mục “Em có biết”.

- Tích cực tham gia bảo vệ cây xanh, bảo vệ TV, hưởng ứng tể trồng cây.
 - Nghiên cứu thông tin bài 48, kẻ bảng trang 153.
-

Tuần 30

Ngày soạn : 19/3/2012

Ngày giảng: 6A1: 24/3/2012 6A2: 21/3/2012 6A3: 23/3/2012

Tiết 58 - Bài 48: VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT VÀ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

(T1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nêu được những vai trò của thực vật đối với đời sống của động vật, lấy các ví dụ thực tiễn minh họa cho những vai trò đã nhận định.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, kỹ năng học nhóm, khái quát và tổng hợp hoá thông tin kiến thức.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật, yêu thích bộ môn.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Tranh vẽ phóng to Hình 48.1,2/SGK; phiếu học tập (bảng mẫu trang 148)

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

? Hãy nêu vai trò bảo vệ đất và nguồn nước của thực vật?

3. Tiến trình bài học

Mở bài: Tiết 58/Bài 48.

Hoạt động 1: Tìm hiểu vai trò của thực vật đối với động vật

Mục tiêu:

- HS nêu được những vai trò của thực vật đối với đời sống của động vật, lấy các ví dụ thực tiễn minh họa cho những vai trò đã nhận định.

Các bước tiến hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
*GV yêu cầu HS đọc lập nghiên cứu các thông tin kiến thức ở phần I/Bài 48, ghi nhận và khái quát thông tin, kiến thức, sau đó tiến hành thảo luận trong nhóm, thống nhất ý kiến, phát biểu trả lời, từ đó đưa ra nhận định,	*HS thực hiện các yêu cầu nhận thức theo hướng dẫn của thầy, thảo luận và thông nhất các thông tin, sau đó phát biểu ý kiến trả lời. *Từ các ý kiến trả lời, nhận xét bổ sung, HS tự rút ra kết luận và ghi nhớ:

nhận xét, bổ sung, kết luận ghi nhớ về những vấn đề trong hoạt động 1.

-VD1:

? Hoạt động sinh lí nào của thực vật nhả ra môi trường khí ôxi?

? Lượng ôxi mà TV nhả ra đó có ý nghĩa gì đối với các sinh vật khác (kể cả con người)?

? Các chất hữu cơ do TV tạo ra có ý nghĩa gì trong tự nhiên?

? Kể tên một số loài động vật ăn thực vật rồi hoàn thành bảng (PHT – mẫu trang 153).

? Có phải tất cả các loài TV đều có lợi đối với động vật không? Lấy ví dụ minh họa?

? Hãy đưa ra nhận định khái quát của em về vai trò của TV đối với động vật?

- VD2:

? Những thông tin từ Hình 48.2 cho

1. Thực vật cung cấp ôxi và thức ăn cho động vật.

→ Sự quang hợp,...

- **Khí ôxi do TV nhả ra đảm bảo cho sự hô hấp thường xuyên của tất cả các sinh vật trên trái đất (kể cả con người).**

- **Các chất hữu cơ do TV tạo ra là nguồn thức ăn vô tận của động vật (và cả con người).**

→ Một số TV có thể gây hại cho động vật (và con người), ...

***Đa số TV có lợi, một số gây hại cho động vật.**

2. Thực vật cung cấp nơi ở và nơi sinh sản cho động vật.

→ Khi ăn lá cây, trú ngụ trên cành cây, chim làm tổ đẻ trứng trên cành cây.

→ HS trả lời.

<p>các em biết điều gì?</p> <p>? Như vậy ngoài những vai trò vừa nêu, TV còn có vai trò gì đối với đời sống của động vật?</p> <p>*GV liên hệ, giảng giải thêm, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:</p> <p>? Để cho TGDV luôn đa dạng và phong phú theo em chúng ta phải có thái độ như thế nào đối với thực vật?</p> <p>→ Giáo dục HS ý thức bảo vệ thực vật, bảo vệ môi trường sống, ...</p>	<p><i>*KL: Nhiều loài động vật làm tổ và sinh sản trên cây.</i></p> <p>→ Con người cần phải thường xuyên, tích cực nâng cao ý thức bảo vệ TV, ...</p>
---	---

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK /Tr 156

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

*Yêu cầu HS:

- Trả lời câu 1 (trang 156)

- Hoàn thành các chuỗi liên tục bằng cách ghi tên các loài động vật, thực vật tương ứng thích hợp.

Thực vật → động vật ăn cỏ → động vật ăn thịt.

Thực vật → động vật → người

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK, làm bài tập đầy đủ.
 - Nghiên cứu phần II/Bài 48; kẻ bảng trang 155.
-

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 31

Ngày soạn : 25/3/2012

Ngày giảng: 6A1: 30/3/2012 6A2: 27/3/2012 6A3: 27/3/2012

Tiết 59: Bài 48: VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT VÀ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

(tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS trình bày được những vai trò của thực vật đối với đời sống con người, liên hệ và lấy các ví dụ thực tiễn.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng khái quát thông tin, kỹ năng hoạt động học tập nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, có kỉ luật, yêu thích môn học và có ý thức bảo vệ thực vật.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Bảng phụ (PHT – trang 155); tranh vẽ về một số thực vật (Hình 48.3,4)

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

? Trình bày những vai trò của thực vật đối với đời sống của động vật? Lấy các ví dụ minh họa?

3. Tiến trình bài học

Mở bài: **Phần II (Bài 48)**

Hoạt động 2: Thực vật với đời sống con người

Mục tiêu:

- HS nêu được những vai trò của thực vật đối với đời sống của con người, lấy các ví dụ thực tiễn minh họa cho những vai trò đã nhận định.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>**GV yêu cầu HS đọc lập nghiên cứu các thông tin kiến thức ở phần II/Bài 48, ghi nhận và khái quát thông tin, kiến thức, sau đó tiến hành thảo luận trong nhóm, thống nhất ý kiến, phát biểu trả lời, từ đó đưa ra nhận định, nhận xét, bổ sung, kết luận ghi nhớ về những vấn đề trong hoạt động 1.</p> <p>-VD1:</p> <p>? Hãy cho biết thực vật có thể cung cấp cho ta những gì dùng trong đời</p>	<p>*HS thực hiện các yêu cầu nhận thức theo hướng dẫn của thầy, thảo luận và thống nhất các thông tin, sau đó phát biểu ý kiến trả lời.</p> <p>*Từ các ý kiến trả lời, nhận xét bổ sung, HS tự rút ra kết luận và ghi nhớ:</p> <p><i>1. Những cây có giá trị sử dụng</i></p> <p>→ <i>TV cung cấp cho con người: gỗ, nguồn</i></p>

<p>sống hằng ngày?</p> <p>? Em hãy lấy ví dụ minh họa cho những vai trò vừa nêu của TV?</p> <p>→ Từ đó yêu cầu HS hoàn thành PHT, rồi báo cáo trả lời trước lớp.</p> <p>Hãy kể tên các thực vật có giá trị theo mẫu bảng (trang 155)?</p> <p>? Liên hệ lấy thêm các ví dụ sẵn có ở địa phương?</p> <p>? Hãy đưa ra nhận xét của em ?...</p> <p>- VD2:</p> <p>? Có phải tất cả thực vật đều có ích cho con người?</p> <p>? Hãy kể tên một số loài cây có hại với con người và nêu những tác hại của chúng?</p> <p>? Thái độ của chúng ta?</p> <p>*Giải thích liên hệ, yêu cầu HS ghi nhớ,...</p>	<p><i>lượng thực hành này, nguyên liệu làm thuốc, nguyên liệu SX công nghiệp, làm cảnh,</i></p> <p>→ HS tự nêu các ví dụ minh họa, ...</p> <p>→ Sau đó báo cáo nội dung bảng đã hoàn thành, liên hệ với TV ở địa phương, nhận xét đáng giá,...</p> <p>- <i>Thực vật chính là nguồn sống quan trọng của con người và xã hội.</i></p> <p><i>2. Nhưng cây có hại cho sức khỏe con người.</i></p> <p>→ Một số loài TV có hại:</p> <p>→ VD: <i>cây thuốc lá, thuốc Lào, cần sa, thuốc phiện, ... chúng chứa chất gây nghiện và hủy hoại sức khỏe con người.</i></p> <p>→ Tích cực bảo vệ TV có ích, xóa bỏ TV có hại,...</p> <p><u>Kết luận chung: SGK</u></p>
---	--

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

*Yêu cầu HS:

- Trả lời câu hỏi cuối bài

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi đầy đủ; đọc mục “Em có biết”.

- Nghiên cứu thông tin và tìm hiểu bài 49.

Tuần 31

Ngày soạn : 26/3/2012

Ngày giảng: 6A1: 31/3/2012 6A2: 28/3/2012 6A3: 30/3/2012

Tiết 60: Bài 49: BẢO VỆ SỰ ĐA DẠNG CỦA THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nêu được thế nào là sự đa dạng của thực vật và trình bày được sự đa dạng của thực vật ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

- Đề xuất được các biện pháp (giải pháp) nhằm ngăn chặn sự suy thoái, duy trì sự đa dạng và phong phú của thực vật trên trái đất cứng như ở Việt Nam.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng học tập nhóm, kỹ năng phân tích và xử lý các thông tin,...

3. Thái độ

- HS tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ thực vật trong trường học, tại địa phương, thực sự yêu thích và hứng thú với việc học tập sinh học,...

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Tranh vẽ về thực vật, các hình 49,1,2; tư liệu đa dạng sinh học ở Việt Nam, ...

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

- Giáo viên tiến hành trong các hoạt động dạy và học,...

3. Tiến trình bài học

Mở bài: Tiết 60/Bài 49

Hoạt động 1: Đa dạng của thực vật là gì?

Mục tiêu: - HS nêu được đa dạng sinh học là gì, lấy các ví dụ thực tiễn minh họa

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS ghi nhận thông tin kiến thức sau đó phát biểu trả lời:</p> <p>? Sự đa dạng của giới thực vật được thể hiện thông qua các chỉ số nào?</p> <p>? Theo em hiểu thì thế nào là sự đa dạng của thực vật?</p> <p>Hãy đưa ra một số dẫn chứng để làm sáng tỏ nhận định vừa nêu?</p>	<p>*HS tự ghi nhận thông tin, sau đó phát biểu ý kiến trả lời:</p> <p>- Thông qua các chỉ số: số lượng loài, số lượng cá thể trong loài, môi trường sống... (và đặc điểm cấu tạo, cách sinh sản...).</p> <p>- Đa dạng của TV là sự đa dạng phong phú về thành phần loài, môi trường sống, đặc điểm cấu tạo và cách sinh sản.</p>

*** Tiểu kết**

- Đa dạng của TV là sự đa dạng phong phú về thành phần loài, môi trường sống, đặc điểm cấu tạo và cách sinh sản.

Hoạt động 2: Tình hình đa dạng của thực vật ở Việt Nam

Mục tiêu: - HS nêu được đa dạng sinh học là gì, lấy các ví dụ thực tiễn minh họa

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*GV tổ chức hướng dẫn HS lần lượt giải quyết 2 vấn đề:</p>	<p>*HS học tập nghiêm túc và tiến hành trả lời các câu hỏi của giáo viên:</p>

<p>-VD1 (a):</p> <p>? Thực vật ở nước ta có đa dạng không? chứng minh nhận định đó?</p> <p>? Thực vật ở địa phương em có đặc điểm gì?</p> <p>- VD2 (b):</p> <p>? Tính đa dạng của thực vật ở Việt Nam trong những năm từ 1945 đến gần đây ra sao?</p> <p>? Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng vừa nêu là gì?</p> <p>? Hậu quả của tình trạng đó?</p> <p>? TV quý hiếm là gì? Kể tên một số loài TV quý hiếm? Những thông tin về sự suy giảm của nhiều loài TV quý hiếm trong những năm gần đây đã gợi cho em suy nghĩ gì?</p> <p>*GV liên hệ minh họa thêm, yêu cầu HS ghi nhớ, kết luận, ...</p>	<p>a. Việt Nam có tính đa dạng cao về thực vật</p> <p>→ Rất đa dạng (có khoảng 11.500 loài, sống ở nhiều môi trường khác nhau).</p> <p>→ Ở địa phương, TV cũng khá đa dạng.</p> <p>b. Sự suy giảm tính đa dạng của thực vật ở Việt Nam.</p> <p>→ TV đã bị giảm sút nghiêm trọng, nhiều loài TV quý hiếm đã và đang trên đà bị tuyệt chủng.</p> <p>do chiến tranh, sự khai thác quá mức của con người, ý thức bảo vệ của con người chưa được nâng cao.</p> <p>→ Nhiều loài TV bị tiêu diệt, mất rừng, thiên tai hoành hành, ...</p> <p>→ HS kể trước lớp, nhận xét, bổ sung,...</p> <p>→ Con người cần tiến hành các hoạt động nhằm ngăn chặn sự suy giảm của TV đồng thời tích cực bảo vệ sự đa dạng của TV.</p>
---	---

* Tiểu kết

a. Việt Nam có tính đa dạng cao về thực vật

b. Sự suy giảm tính đa dạng của thực vật ở Việt Nam.

Hoạt động 3: Các biện pháp bảo vệ sự đa dạng của thực vật

Mục tiêu: - HS nêu được các biện pháp bảo vệ sự đa dạng sinh học

Các bước tiến hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>*Yêu cầu HS tự ghi nhận và khái quát các thông tin kiến thức, vận dụng kinh nghiệm và hiểu biết của mình → tiến hành trả lời các câu hỏi:</p> <p>? Nêu rõ nội dung các biện pháp nhằm bảo vệ sự đa dạng của giới thực vật trong tình hình hiện nay?</p> <p>? Các biện pháp vừa nêu có ý nghĩa cụ thể như thế nào?</p> <p>? Trong các biện pháp vừa nêu, biện</p>	<p>*HS học tập tích cực → phát biểu trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none">- Bảo vệ môi trường ...- Hạn chế khai thác bừa bãi,...- Xây dựng khu bảo tồn,...- Cấm buôn bán, xuất khẩu ĐV quý hiếm,...- Nâng cao ý thức, tăng cường giáo dục... <p>→ HS tiến hành giải thích ý nghĩa của từng biện pháp vừa nêu, ghi nhớ, kết luận.</p> <p><--> Biện pháp 1 là cơ bản, biện pháp</p>

pháp nào là quan trọng và cơ bản nhất? Tại sao?	giáo dục là biện pháp quan trọng. Tiến hành giải thích, theo định hướng của thầy, tiến hành ghi nhớ,...
--	--

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK /Tr 159

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

? Nguyên nhân nào khiến cho đa dạng TV ở Việt Nam bị giảm sút?

? Thế nào là TV quý hiếm? Kể tên một số TV quý hiếm?

? Nêu các biện pháp cần tiến hành để bảo vệ sự đa dạng của thực vật trong tình hình hiện nay?

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK, làm các bài tập đầy đủ.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Nghiên cứu thông tin chương X/ Bài 50.

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 32

Ngày soạn : 1/4/2012

Ngày giảng: 6A1: 6/4/2012 6A2: 3/4/2012 6A3: 3/4/2012

CHƯƠNG X- VI KHUẨN - NẤM - ĐỊA Y

Tiết 61- Bài 50: VI KHUẨN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

* HS trình bày được đặc điểm của vi khuẩn (hình thái, cấu tạo, các đặc điểm dinh dưỡng.

- Nêu được sự phân bố của vi khuẩn trên trái đất.

- HS trình bày được vai trò (những lợi ích và tác hại) của vi khuẩn trong tự nhiên và đời sống con người.

- Có những hiểu biết sơ lược về virút.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, khái quát thông tin kiến thức, kỹ năng học tập nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, yêu thích bộ môn.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Tranh vẽ Hình 50.1; thông tin tham khảo (tư liệu sinh học)

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

- Giáo viên tiến hành trong các hoạt động dạy và học,...

3. Tiến trình bài học

Mở bài: Tiết 61 / Bài 50.

Hoạt động 1: Hình dạng, kích thước và cấu tạo vi khuẩn

Mục tiêu: - HS nêu được hình dạng, kích thước và cấu tạo vi khuẩn

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Giáo viên yêu cầu HS nghiên cứu các thông tin phần 1, quan sát hình 50.1 --> trả lời câu hỏi:</p> <p>? Muốn quan sát được vi khuẩn cần phải sử dụng thiết bị gì?</p> <p>? Hãy cho biết vi khuẩn có những hình dạng như thế nào?</p> <p>? Nêu đặc điểm về kích thước của vi</p>	<p>*HS ghi nhận thông tin kiến thức, trao đổi với nhau thống nhất các ý kiến sau đó phát biểu trả lời các câu hỏi:</p> <p>--> Phải sử dụng kính hiển vi.</p> <p>- <i>Vi khuẩn có thể có hình dạng:</i> hình que, hình gậy, hình cầu, hình sợi,...</p> <p>- <i>Vi khuẩn có kích thước nhỏ bé, mắt</i></p>

<p>khuẩn?</p> <p>? Cấu tạo tế bào của vi khuẩn khác TB thực vật ở điểm nào?</p> <p>? Khả năng di chuyển của vi khuẩn như thế nào?</p> <p>=> Yêu cầu HS tự rút ra kết luận và ghi nhớ.</p>	<p>thường không thấy được.</p> <p>- Cấu tạo TB: không chứa diệp lục</p> <p>--> Những vi khuẩn có roi có thể di chuyển được.</p>
--	---

*** Tiểu kết**

- Vi khuẩn có thể có hình dạng: hình que, hình gậy, hình cầu, hình sợi,...
- Vi khuẩn có kích thước nhỏ bé, mắt thường không thấy được.
- Cấu tạo TB: không chứa diệp lục
- Những vi khuẩn có roi có thể di chuyển được.

Hoạt động 2: Cách dinh dưỡng của vi khuẩn

Mục tiêu: - HS nêu được các biện pháp dinh dưỡng của vi khuẩn

Các bước tiến hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK, khái quát nội dung ghi nhớ, phát biểu trả lời:</p> <p>? Sự dinh dưỡng của vi khuẩn có gì giống và khác so với thực vật?</p> <p>? Vi khuẩn có những hình thức dị dưỡng nào? Sự khác nhau giữa các</p>	<p>*HS học tập theo yêu cầu của thầy, khái quát thông tin, phát biểu trả lời.</p> <p>--> Vi khuẩn có các hình thức dinh dưỡng: Tự dưỡng và dị dưỡng.</p> <p>--> Hình thức dị dưỡng bao gồm: hoại sinh và kí sinh.</p>

hình thức dinh dưỡng?	
-----------------------	--

*** Tiểu kết**

Vi khuẩn có các hình thức dinh dưỡng: Tự dưỡng và dị dưỡng.

Hình thức dị dưỡng bao gồm: hoại sinh và kí sinh.

Hoạt động 3: Phân bố của vi khuẩn

Mục tiêu: - HS nêu được cách phân bố của vi khuẩn

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK (phần 3) ---> khái quát thông tin, phát biểu trả lời: ? Trong tự nhiên, vi khuẩn có thể phân bố ở những đâu? ? Chúng có mặt nhiều nhất ở đâu? ? Giải thích? ? Nêu nhận xét của em về số lượng vi khuẩn trong khu vực phân bố của chúng? giải thích?	*HS thực hiện các hoạt động nhận thức theo yêu cầu, hướng dẫn của thầy, sau đó phát biểu trả lời: - <i>Vi khuẩn phân bố ở:</i> trong đất, trong nước, trong không khí, trên cơ thể người và các sinh vật khác. - <i>Chúng có mặt nhiều nhất trong đất và trên cơ thể sinh vật.</i> --> Chúng có số lượng vô cùng lớn do khả năng sinh sản vô tính rất nhanh.

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK /Tr 161

Hoạt động 4: Vai trò của vi khuẩn

Mục tiêu: - HS nêu được vai trò của vi khuẩn

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin kiến thức SGK, quan sát hình 50.2, hoàn thành việc điền từ thích hợp vào chỗ trống (PHT); sau đó thảo luận thống nhất ý kiến, phát biểu trả lời:</p> <p>? Hãy báo các trả lời kết quả điền từ vào chỗ trống?</p> <p>? Trong tự nhiên vi khuẩn có những lợi ích gì?</p> <p>? Cách dinh dưỡng của vi khuẩn có ý nghĩa gì trong đời sống con người? Em hãy lấy một số ví dụ thực tiễn?</p> <p>*Trong nội dung tiếp theo, giáo viên yêu cầu HS nghiên cứu thông tin, khái quát các vấn đề ghi nhận được, thảo luận thống nhất ý kiến, phát biểu trả lời:</p>	<p>a. Vi khuẩn có ích:</p> <p>* HS tiến hành các hoạt động theo yêu cầu, hướng dẫn của thầy ---> thảo luận thống nhất ý kiến phát biểu trả lời:</p> <p>--> HS điền các từ: vi khuẩn – muối khoáng – chất hữu cơ.</p> <p>- Lợi ích:</p> <p>+ Phân huỷ các chất hữu cơ thành muối khoáng.</p> <p>+ Phân huỷ xác của thực vật thành than, dầu mỏ.</p> <p>+ Có ý nghĩa quan trọng trong công nghiệp, nông nghiệp và đời sống.</p> <p>b. Vi khuẩn có hại</p> <p>--> Học sinh kể các vi khuẩn gây bệnh thường nghe nói.</p> <p>--> Thức ăn bị ôi thiu, không sử dụng</p>

<p>? Kể tên một số vi khuẩn gây bệnh cho người và động vật?</p> <p>? Các loại thức ăn (...) để lâu mà không qua xử lí thì sẽ như thế nào? Có sử dụng được không?</p> <p>? Hãy phát biểu suy nghĩ của em sau khi tìm hiểu về vai trò của vi khuẩn?</p>	<p>được</p> <p>→ Nhiều loài vi khuẩn có hại cho người và sinh vật khác.</p>
---	---

*** Tiểu kết : SGK**

Hoạt động 5: Sơ lược về Virút

Mục tiêu: - HS nắm được sơ lược về Virút

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu trả lời các câu hỏi:</p> <p>? Đặc điểm về hình thái cấu tạo, cách dinh dưỡng và vai trò của virut có gì khác biệt vi khuẩn?</p> <p>? Hãy kể tên một số virut gây bệnh mà em từng được nghe nói?</p> <p>*GV giảng giải, liên hệ thực tế, khắc sâu kiến thức yêu cầu HS ghi nhớ.</p>	<p>*HS tiến hành phát biểu trả lời các câu hỏi:</p> <p>- Virut là những thể sống chưa có cấu tạo tế bào, chúng phải sống kí sinh bắt buộc trên cơ thể của những sinh vật khác và gây bệnh cho cơ thể vật chủ.</p> <p>--> HS kể tên các virut gây bệnh ở người mvà động vật.</p> <p>=> Chú ý lắng nghe, ghi nhớ,...</p>

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK /Tr 164

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

? Vi khuẩn có những hình dạng nào? Cấu tạo của VK?

? Các hình thức dinh dưỡng của VK? VK kí sinh và VK hoại sinh khác nhau như thế nào?

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Học bài theo câu hỏi SGK, nghiên cứu thông tin bài học (thuộc tiết 62 – phần 4 và 5 bài 50).

Tuần 32

Ngày soạn : 1/4/2012

Ngày giảng: 6A1: 7/4/2012 6A2: 4/4/2012 6A3: 6/4/2012

Tiết 62 - Bài 51: MỐC TRẮNG-NẤM RƠM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Học sinh trình bày được các đặc điểm về hình dạng, cấu tạo của mốc trắng và nấm rơm.
- Giải thích được sự sinh sản của mốc trắng và nấm rơm.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, khái quát, các kỹ năng học tập nhóm

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích môn học.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Mẫu mốc trắng, nấm rơm (HS chuẩn bị ở nhà)
- Tranh vẽ phóng to các hình 51.1,2,3.

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

? Hãy trình bày vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên và đời sống con người?

3. Tiến trình bài học

Giới thiệu: Tiết 62

Hoạt động 1: Mốc trắng

Mục tiêu: - HS nắm được sơ lược về đặc điểm về hình dạng, cấu tạo của mốc trắng

Các bước tiến hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>*Yêu cầu học sinh sử dụng các mẫu mốc trắng đã mang tới lớp, quan sát và trả lời các câu hỏi:</p> <p>- Nơi sống của mốc trắng?</p> <p>- Cấu tạo tế bào mốc trắng có gì khác so với tế bào thực vật?</p> <p>- Hình thức dinh dưỡng của mốc trắng?</p> <p>- Em hãy mô tả lại các quá trình dinh dưỡng của mốc trắng?</p> <p>Giáo viên gọi các ý kiến nhận xét, bổ sung ---> yêu cầu học sinh tiếp tục trả lời:</p> <p>- Mốc trắng sinh sản như thế nào?</p> <p>- Theo em mốc trắng có lợi hay có hại?</p> <p>- Kể tên các loại mốc khác mà em được biết? Chúng có lợi (hại) như thế</p>	<p>1. Quan sát hình dạng, cấu tạo</p> <p>*HS thực hiện theo yêu cầu và hướng dẫn của thầy, trao đổi thông tin đã ghi nhận phát biểu trả lời các câu hỏi:</p> <p>+ Hình dạng: sợi, phân nhánh.</p> <p>+ Tế bào trong suốt, nhiều nhân, không có diệp lục.</p> <p>+ Dinh dưỡng dị dưỡng (hoại sinh)</p> <p>--> HS tiến hành mô tả và ghi nhớ</p> <p>+ Sinh sản bằng bào tử (nhưng không giống rêu và dương xỉ)</p> <p>--> HS nhận định, bổ sung, ghi nhớ.</p> <p>2. Một số loại mốc khác.</p> <p>HS kể tên một số loại mốc khác:</p> <p>+ Mốc tương, mốc xanh, mốc rượu ...</p>

nào? *GV giảng giải, khắc sâu các thông tin kiến thức để học sinh nắm chắc và ghi nhớ.	=> Học sinh chú ý lắng nghe, trao đổi thông tin, hoàn thành các yêu cầu nhận thức do thầy yêu cầu, ghi nhớ.
---	---

*** Tiểu kết**

- + Hình dạng: sợi, phân nhánh.
- + Tế bào trong suốt, nhiều nhân, không có diệp lục.
- + Dinh dưỡng dị dưỡng (hoại sinh)
- + Sinh sản bằng bào tử (nhưng không giống rêu và dương xỉ)

Hoạt động 2: Nấm rơm

Mục tiêu: - HS nắm được sơ lược về đặc điểm về hình dạng, cấu tạo của nấm rơm.

nấm rơm

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
*Yêu cầu học sinh quan sát các mẫu nấm rơm đã mang tới lớp, phát biểu trả lời: -Nấm rơm sống ở đâu? -Nếu chúng ta gọi là “cây nấm rơm” thì điều đó có chính xác hay không? giải thích?	*Tiên hành các hoạt động nhận thức theo yêu cầu, phát biểu trả lời các câu hỏi: + Nơi sống: trên đồng rơm + Chúng không được coi là những cây nấm vì cấu tạo của chúng không có các bộ phận như cây xanh.

-Nêu các bộ phận thuộc cấu tạo ngoài của nấm rơm?	+ Cấu tạo gồm: sợi nấm, cuống nấm, mũ nấm, các phiến mỏng.
-Nêu đặc điểm cấu tạo và chức năng của các phiến mỏng?	trên các phiến mỏng mang các bào tử làm nhiệm vụ sinh sản.
-Sợi nấm có cấu tạo như thế nào?	+ Sợi nấm phân nhiều nhánh, trong TB có 2 nhân, không có diệp lục.
-Hãy nhận định về sự dinh dưỡng và sinh sản của nấm rơm?	--> Phát biểu trả lời và ghi nhớ.
-Theo em nấm rơm là loại nấm có lợi hay có hại? Nêu ứng dụng thực tiễn của nấm rơm?	+ Nấm rơm là loại nấm có lợi, chúng được dùng để làm thực phẩm cho con người.
*GV giảng giải, khắc sâu kiến thức, yêu cầu học sinh ghi nhớ.	

*** Tiểu kết**

- + Nơi sống: trên đồng rơm
- + Chúng không được coi là những cây nấm vì cấu tạo của chúng không có các bộ phận như cây xanh.
- + Cấu tạo gồm: sợi nấm, cuống nấm, mũ nấm, các phiến mỏng.
trên các phiến mỏng mang các bào tử làm nhiệm vụ sinh sản.
- + Sợi nấm phân nhiều nhánh, trong TB có 2 nhân, không có diệp lục.
- + Nấm rơm là loại nấm có lợi, chúng được dùng để làm thực phẩm cho con người.

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Nêu cấu tạo của mốc trắng và nấm rơm? Chúng sinh sản bằng gì?
- Nấm có đặc điểm gì giống với vi khuẩn?
- Điểm giống và khác nhau giữa nấm và tảo?
- Lấy các ví dụ về một số loại nấm mũ mà em biết?

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
 - Đọc mục “ Em có biết”.
 - Chuẩn bị cho bài học mới: tiếp tục nghiên cứu về nấm.
-

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 33

Ngày soạn : 8/4/2012

Ngày giảng: 6A1: 13/4/2012 6A2: 10/4/2012 6A3: 10/4/2012

Tiết 63 - Bài 51: NĂM (tiếp theo)

B. ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA NĂM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS trình bày được những đặc điểm sinh học và tầm quan trọng của năm trong tự nhiên và đời sống con người, biết cách phòng tránh những loại nấm độc, nấm kí sinh có hại

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, khái quát, các kỹ năng học tập nhóm, các kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích môn học.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Các hình vẽ phóng to theo SGK(hình 51.2,3,4,5,6,7); bảng phụ
- HS làm phiếu học tập theo mẫu SGK.

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

? Hãy trình bày đặc điểm cấu tạo của mốc trắng?

? Đặc điểm cấu tạo của nấm rơm như thế nào? cấu tạo TB nấm rơm có gì khác biệt với tế bào thực vật?

3. Tiến trình bài học

* Vào bài: GT phần B/Bài 51

Hoạt động 1: Đặc điểm sinh học của nấm

Mục tiêu: - HS nắm được sơ lược về đặc điểm của nấm .

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu học sinh nghiên cứu các thông tin, tiến hành thảo luận trong nhóm 4 HS ---> phát biểu trả lời các câu hỏi:</p> <p>-Tại sao khi muốn gây nấm, ta chỉ cần để cơm (bánh mì) ở nhiệt độ phòng và vẩy thêm một ít nước lã?</p> <p>-Tại sao quần áo (các đồ đạc) để lâu</p>	<p>*HS tiến hành thảo luận nhóm, ghi nhận và khái quát thông tin kiến thức, phát biểu trả lời:</p> <p>+ ... trong điều kiện đó các bào tử nấm nảy mầm và phát triển thành sợi nấm.</p> <p>+ ... đó là điều kiện thích hợp để các</p>

<p>ngày không phơi nắng hoặc để ở nơi ẩm ướt một thời gian có thể bị mốc?</p> <p>-Tại sao ở những chỗ tối, nấm mốc vẫn phát triển được?</p> <p>*Yêu cầu học sinh tiếp tục nghiên cứu thông tin kiến thức phần 1 trả lời các câu hỏi:</p> <p>-Nấm và các loại mốc cần những điều kiện nào để phát triển?</p> <p>-Nấm mốc có những hình thức dinh dưỡng?</p> <p>Hãy liên hệ thực tế?</p>	<p>sợi nấm phát triển.</p> <p>+ ... sự phát triển của nấm không cần ánh sáng như thực vật.</p> <p>1. Điều kiện phát triển của nấm</p> <p>+ Nhiệt độ: 20-30⁰C.</p> <p>+ Môi trường sống nhiều chất hữu cơ.</p> <p>+ Độ ẩm cao: 60-90%.</p> <p>2. Cách dinh dưỡng của nấm</p> <p>+ Nấm dị dưỡng (kí sinh, hoại sinh và cộng sinh)</p> <p>HS liên hệ, ghi nhớ.</p>
--	--

*** Tiểu kết**

1. Điều kiện phát triển của nấm

+ Nhiệt độ: 20-30⁰C.

+ Môi trường sống nhiều chất hữu cơ.

+ Độ ẩm cao: 60-90%.

2. Cách dinh dưỡng của nấm

+ Nấm dị dưỡng (kí sinh, hoại sinh và cộng sinh)

Hoạt động 2: Tâm quan trọng của nấm

Mục tiêu: - HS nắm được tầm quan trọng của nấm .

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu nghiên cứu phần II/SGK, ghi nhận thông tin kiến thức từ bảng trang 169 ---> khái quát trả lời các câu hỏi:</p> <p>-Kể tên một số loại nấm có ích mà em biết?</p> <p>-Chúng có những lợi ích gì trong đời sống?</p> <p>-Hãy lấy thêm một số ví dụ?</p> <p>*Tiếp theo yêu cầu học sinh tiếp tục trao đổi tìm hiểu về tác hại của nấm.</p> <p>-Kể tên một số loại nấm có hại mà em biết?</p> <p>-Chúng có những tác hại gì trong đời sống?</p> <p>-Hãy lấy thêm một số ví dụ?</p>	<p>*Học tập theo y/c của thầy, trả lời các câu hỏi:</p> <p>1. Nấm có ích</p> <p>---> Nấm rơm, linh chi, mộc nhĩ,</p> <p>+ Biến đổi chất HC thành chất khoáng.</p> <p>+ Lên men, để SX đồ uống.</p> <p>+ Làm thực phẩm, SX thuốc chữa bệnh.</p> <p>--> HS lấy các ví dụ minh họa cho từng vai trò.</p> <p>2. Nấm có hại</p> <p>--> nấm đen, nấm đỏ, nấm von, nấm lim.</p> <p>+ Kí sinh gây bệnh cho người, động vật và cây trồng.</p> <p>+ Làm ôi thiu thực phẩm.</p> <p>+ Gây ngộ độc cho người và vật nuôi.</p> <p>--> HS lấy các VD minh họa.</p>

? Theo em, chúng ta phải làm gì để phòng tránh những loại nấm có hại? Lấy ví dụ?	*Trả lời câu hỏi và ghi nhớ.
--	------------------------------

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK trang

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1,2,3,4 trang 170.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục “ Em có biết”; chuẩn bị cho bài học mới (nghiên cứu bài 52)

Tuần 33

Ngày soạn : 8/4/2012

Ngày giảng: 6A1: 14/4/2012 6A2: 10/4/2012 6A3: 13/4/2012

Tiết 64 - Bài 52: ĐỊA Y

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nêu được đặc điểm hình dạng, cấu tạo, cấu tạo, các hoạt động dinh dưỡng của địa y; trình bày được vai trò của địa y trong tự nhiên và đời sống.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, khái quát, các kỹ năng học tập nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích môn học.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Tranh vẽ phóng to các hình 52.
- Bảng phụ (để so sánh), các thông tin tham khảo về địa y.

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

- Hãy nêu các đặc điểm sinh học của nấm? Những điều kiện cần thiết cho sự phát triển và cách dinh dưỡng của nấm.

3. Tiến trình bài học

* Vào bài: GT Tiết 64

Hoạt động 1: Quan sát hình dạng, cấu tạo

Mục tiêu: - HS nắm được hình dạng cấu tạo của địa y .

Các bước tiến hành

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>*Yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK, quan sát hình 52.1,2; tiến hành thảo luận nhóm phát biểu trả lời các câu hỏi trong phần 1.</p> <p>- Nêu đặc điểm về hình dạng của địa y?</p> <p>- Hãy nhận xét về thành phần cấu tạo của địa y? Nó có gì khác biệt các nhóm sinh vật khác?</p> <p>- Hãy nêu rõ vai trò của từng thành phần trong cấu tạo của địa y?</p> <p>- Hình thức sống của địa y là gì? cách dinh dưỡng?</p> <p>*Giáo viên gợi ý kiến phát biểu trả lời, nhận xét, bổ sung, nhận xét và yêu cầu HS kết luận.</p>	<p>*HS tiến hành các hoạt động học tập, thảo luận theo yêu cầu, hướng dẫn của thầy, thống nhất ý kiến thảo luận, phát biểu trả lời</p> <p>- <i>Hình dạng: Hình vẩy, hình cành.</i></p> <p>- <i>Cấu tạo: Gồm các tế bào tạo lục nằm xen kẽ các sợi nấm.</i></p> <p>=> Học sinh phát biểu trả lời, nhận xét, bổ sung</p> <p>- <i>Địa y là cơ thể có hình thức cộng sinh(dinh dưỡng cộng sinh).</i></p> <p>Thực hiện theo yêu cầu, hướng dẫn của thầy, kết luận, ghi nhớ.</p>

*** Tiểu kết**

- *Hình dạng: Hình vẩy, hình cành.*

- *Cấu tạo: Gồm các tế bào tạo lục nằm xen kẽ các sợi nấm.*

- *Địa y là cơ thể có hình thức cộng sinh(dinh dưỡng cộng sinh).*

Hoạt động 2: Vai trò của địa y

Mục tiêu: - HS nắm được vai trò của địa y.

Các bước tiến hành

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<p>*Yêu cầu học sinh nghiên cứu các thông tin kiến thức SGK, tiến hành các hoạt động nhận thức, phát biểu trả lời, nêu nên các vai trò của địa y trong tự nhiên và đời sống.</p> <p>- Địa y có những vai trò như thế nào trong tự nhiên và đời sống?</p>	<p>*HS tiến hành các hoạt động học tập theo yêu cầu, hướng dẫn của thầy, phát biểu trả lời, kết luận và ghi nhớ.</p> <p>- <i>Phân huỷ đá mẹ thành đất trồng.</i></p> <p>- <i>Là thức ăn của động vật, cung cấp nguyên liệu cho sản xuất dược liệu, nước hoa,</i></p>

*** Tiểu kết**

Kết luận chung: SGK trang 172

IV. Củng cố

- Yêu cầu học sinh đọc kết luận chung SGK?

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Địa y có những hình dạng nào? Chúng thường mọc ở đâu?

? Thành phần cấu tạo và cách dinh dưỡng của địa y?

? Nêu vai trò của địa y?

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
 - Chuẩn bị cho bài học mới: Tiến hành các hoạt động ôn tập tự giác.
 - Chuẩn bị về tinh thần và ý thức tốt phục vụ cho việc kiểm tra cuối kì.
-

Duyệt ngày : tháng năm 2012

Tuần 34

Ngày soạn : 15/4/2012

Ngày giảng: 6A1: 20/4/2012 6A2: 17/4/2012 6A3: 17/4/2012

Tiết 65 - ÔN TẬP HỌC KỲ II

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống và khái quát hoá những thông tin kiến thức trọng tâm trong chương trình Sinh học 6 – nhất là nội dung kiến thức học kì II

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, khái quát, các kỹ năng học tập nhóm

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích môn học, tự giác ôn tập những vấn đề cơ bản trong chương trình.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Tư liệu Sinh học 6, sách, vở bài tập Sinh học 6.
- Một số tài liệu tham khảo, bảng phụ, PHT,...

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Tiến trình bài học

* Vào bài:

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<i>Phân biệt hiện tượng thụ phấn và thụ tinh? Thụ phấn có quan hệ gì với thụ tinh?</i>	<ul style="list-style-type: none">- Thụ tinh là hiện tượng TBSD đực (tinh trùng) của hạt phấn kết hợp với TBSD cái (trứng) có trong noãn tạo thành 1 TB mới gọi là hợp tử.- Thụ phấn là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy.- Sự thụ tinh xảy ra khi có sự thụ phấn và nảy mầm của hạt phấn. Như vậy thụ phấn là điều kiện của thụ tinh.
<i>Hoa thụ phấn nhờ gió có những đặc điểm gì?</i>	<ul style="list-style-type: none">- Hoa thường tập trung ở ngọn cây (hoa đực trên hoa cái)- Bao hoa thường tiêu giảm- Chỉ nhị dài , hạt phấn treo lủng lẳng.

	<ul style="list-style-type: none">- Hạt phân nhiều, nhỏ, nhẹ- Đầu nhụy dài có lông dính. <p>VD: Hoa ngô, phi lao...</p>
<p>Những điều kiện bên ngoài, bên trong nào cần cho hạt nảy mầm? Trong trồng trọt muốn cho hạt nảy mầm tốt cần phải làm gì?</p>	<ul style="list-style-type: none">+ Điều kiện bên ngoài: đủ nước, không khí, nhiệt độ thích hợp .+ Điều kiện bên trong: chất lượng hạt giống tốt.+ Biện pháp :- Làm cho đất tơi, xốp, thoáng như cày cuốc, xới....- Tưới đủ nước cho đất hoặc ngâm hạt giống trước khi gieo, nếu bị ngập úng phải tháo hết nước.- Gieo hạt đúng thời vụ, khi trời quá rét phải phủ rơm rạ lên hạt mới gieo.- Chọn hạt giống và bảo quản hạt giống tốt.
<p>Tại sao thức ăn bị ôi thiu? Muốn giữ thức ăn khỏi bị thiu thì phải làm thế nào?</p>	<ul style="list-style-type: none">- Do VK hoại sinh phân huỷ- Phơi khô, ướp lạnh, ướp muối
<p>Có mấy cách phát tán của quả và hạt? Nêu đặc điểm chính của từng</p>	<p>Có 3 cách phát tán của quả và hạt:</p> <ul style="list-style-type: none">- Phát tán nhờ gió: Quả có cánh hoặc túm

<i>cách?</i>	<p><i>lông nhẹ. Ví dụ: Quả chò, trám bầu, hạt hoa sữa...</i></p> <p><i>- Phát tán nhờ động vật: Quả có hương thơm, vị ngọt, hạt có vỏ cứng, quả có gai móc hoặc lông cứng. Ví dụ: Quả ké đầu ngựa, trinh nữ,</i></p> <p><i>- Tự phát tán: Khi chín vỏ quả tự nứt ra để hạt tung ra ngoài Ví dụ: Quả đậu bắp, quả cải, ...</i></p>
<i>Vì sao trồng rau trên đất khô cằn, ít được tưới bón thì lá không xanh tốt, cây chậm lớn, còi cọc, năng suất thu hoạch thấp?</i>	<p><i>- Vì cây sẽ bị thiếu nước và chất dinh dưỡng nên rễ cây sẽ không hút được nước và muối khoáng \Rightarrow không chế tạo chất hữu cơ. Nên cây bị còi cọc năng suất thấp.</i></p>
<i>Tại sao rêu ở cạn nhưng chỉ sống được ở chỗ ẩm ướt?</i>	<p><i>Rêu chưa có rễ chính thức, chưa có mạch dẫn \Rightarrow Chức năng hút và dẫn truyền chưa hoàn chỉnh. Việc hút nước và chất khoáng hoà tan thực hiện bằng cách thấm qua bề mặt.</i></p>
<i>Nêu đặc điểm chung của Hạt kín?</i>	<p><i>- Cơ quan sinh dưỡng phát triển đa dạng (rễ cọc, rễ chùm, thân gỗ, thân cỏ, lá đơn, lá kép,)</i></p> <p><i>- Có hoa, quả. Hạt nằm trong quả (trước</i></p>

	<p><i>đó là noãn nằm trong bầu) là một ưu thế của các cây hạt kín, vì nó được bảo vệ tốt hơn, hoa và quả có rất nhiều dạng khác nhau.</i></p> <p><i>Môi trường sống đa dạng. Đây là nhóm thực vật tiến hoá hơn cả.</i></p>
<p><i>Trình bày đặc điểm sinh sản và cơ quan sinh sản của cây Hạt kín?</i></p>	<p><i>- Cơ quan sinh sản là: hoa, quả, hạt</i></p> <p><i>+ Các bộ phận của hoa: cánh dính, cánh rời ...</i></p> <p><i>Quả khô (quả khô nẻ và khô</i></p> <p><i>+ Quả : không nẻ)</i></p> <p><i>Quả thịt (q. mọng và q. hạch)</i></p> <p><i>- Sinh sản: bằng hạt</i></p> <p><i>Hạt nằm trong quả hạt kín (hạt được bảo vệ tốt hơn)</i></p>
<p><i>Vì sao thực vật Hạt kín có thể phát triển đa dạng phong phú như ngày nay?</i></p>	<p><i>- Có hoa với cấu tạo, hình dạng, màu sắc khác nhau thích hợp với nhiều cách thụ phấn.</i></p> <p><i>- Noãn được bảo vệ tốt hơn ở trong bầu nhụy.</i></p> <p><i>- Noãn thụ tinh biến thành hạt và được bảo vệ trong quả. Quả có nhiều dạng và có thể thích nghi với nhiều cách phát tán.</i></p> <p><i>- Các cơ quan sinh dưỡng phát triển và đa dạng giúp cây có điều kiện sinh trưởng và</i></p>

	<i>phát triển tốt hơn.</i>
<i>Thực vật được phân chia thành những ngành nào? Nêu đặc điểm chính mỗi ngành đó?</i>	<p><i>Thực vật gồm các ngành: - Tảo- Rêu - Dương xỉ- Hạt trần- Hạt kín</i></p> <p><i>Đặc điểm chính các ngành thực vật là:</i></p> <ul style="list-style-type: none"><i>- Ngành Tảo: Chưa có rễ thân lá. Sống chủ yếu ở dưới nước.</i><i>- Ngành Rêu: Có thân lá đơn giản và rễ giả, sinh sản bằng bào tử, sống ở nơi ẩm ướt.</i><i>- Ngành Dương xỉ: Có thân lá và rễ thật, sinh sản bằng bào tử, sống ở nhiều nơi.</i><i>- Ngành Hạt trần: Có rễ, thân, lá phát triển, sống nhiều nơi, sinh sản bằng nón.</i><i>- Ngành Hạt kín: Có rễ, thân, lá phát triển, đa dạng, phân bố rất rộng, có hoa và sinh sản bằng hạt, có hoa, quả và có hạt kín.</i>
<i>Phân biệt thực vật thuộc lớp một lá mầm và lớp hai lá mầm? Cho ví dụ?</i>	<p><i>*Lớp một lá mầm</i></p> <ul style="list-style-type: none"><i>- Phôi có một lá mầm.</i><i>- Có rễ chùm.</i><i>- Lá có gân hình cung hoặc song song.</i><i>- Phần lớn là cây thân cỏ.</i><i>- 3 hoặc 6 cánh hoa.</i><i>- VD: lúa, ngô, dứa ...</i>

	<p><i>*Lớp hai lá mầm</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Phôi có hai lá mầm.</i>- <i>Có rễ cọc.</i>- <i>Lá có gân hình mạng.</i>- <i>Gồm cả cây thân gỗ ... và cây thân cỏ.</i>- <i>4 hoặc 5 cánh hoa.</i>- <i>VD: đậu xanh, xoài, dưa hấu,</i>
--	---

IV. Củng cố

- Yêu cầu HS nhắc lại nội dung ôn tập.

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục “ Em có biết”.
- Chuẩn bị cho bài học mới

Tuần 34

Ngày soạn : 8/4/2012

Ngày giảng: 6A1: 21/4/2012 6A2: 18/4/2012 6A3: 20/4/2012

Tiết 66 - ÔN TẬP HỌC KỲ II

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống và khái quát hoá những thông tin kiến thức trọng tâm trong chương trình Sinh học 6 – nhất là nội dung kiến thức học kì II

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, khái quát, các kỹ năng học tập nhóm

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích môn học, tự giác ôn tập những vấn đề cơ bản trong chương trình.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Tư liệu Sinh học 6, sách, vở bài tập Sinh học 6.
- Một số tài liệu tham khảo, bảng phụ, PHT,...

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát , thảo luận , vấn đáp, trực quan.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ôn định:

Kiểm tra sĩ số 6A1.....6A2.....6A3.....

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Tiến trình bài học

* Vào bài:

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<i>Tại sao người ta lại nói " Rừng cây như một lá phổi xanh" của con người?</i>	<ul style="list-style-type: none">+ Rừng cân bằng lượng khí cacbonic và khí oxi trong không khí.+ Rừng tham gia cản bụi, góp phần tiêu diệt một số vi khuẩn gây bệnh.+ Tán lá rừng che bớt ánh nắng góp phần làm giảm nhiệt độ của không khí và đem lại bóng mát.
<i>Vì sao khi nuôi cá cảnh người ta thường bỏ thêm rong, rêu vào hồ nuôi?</i>	<i>Vì rong, rêu khi có ánh sáng sẽ tham gia quang hợp, cung cấp khí ôxi trong nước giúp cho cá hô hấp</i>
<i>Tại sao người ta nói thực vật góp phần chống lũ lụt và hạn hán</i>	<i>TV có vai trò chống lũ lụt, hạn hán bởi : Ở những nơi không có rừng, sau khi mưa đất bị xói mòn, rửa trôi làm lấp lòng sông suối, nước không thoát kịp, gây lũ lụt ở chỗ trũng. Mặt khác, tại nơi đó đất không giữ được nước gây ra hạn hán.</i>
<i>Hút thuốc lá và thuốc phiện có hại như thế nào?</i>	<i>* Trong thuốc lá có nhiều chất độc, đặc biệt là chất nicôtin được dùng để chế thuốc trừ sâu. Nếu ta hút thuốc lá thì chất nicôtin sẽ ảnh hưởng đến bộ máy hô hấp,</i>

	<p><i>đễ gây ung thư phổi và tai biến mạch máu não cho bản thân người hút và những người hít phải khói thuốc lá.</i></p> <p><i>* Trong nhựa tiết ra từ quả thuốc phiện chứa nhiều moocphin là chất độc nguy hiểm, khi sử dụng dễ bị gây nghiện, khi đã mắc nghiện thì rất khó chữa. Nghiện thuốc phiện suy giảm sức khỏe và gây hậu quả xấu cho bản thân, gia đình và xã hội.</i></p>
<p><i>Nêu những điểm giống và khác nhau giữa ngành Hạt trần và ngành Hạt kín?</i></p>	<p><i>* Giống nhau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"><i>- Đều là thực vật bậc cao, cấu tạo phức tạp.</i><i>- Đều có rễ, thân, lá thật sự; có mạch dẫn.</i><i>- Sinh sản bằng hạt.</i> <p><i>* Khác nhau:</i></p> <p><i>Hạt trần</i></p> <ul style="list-style-type: none"><i>- Ở cạn, nơi khô cạn.</i><i>- Rễ, thân, lá thật.</i><i>- Mạch dẫn chưa hoàn thiện.</i><i>- Cơ quan sinh sản là nón gồm nón đực và nón cái.</i> <p><i>Hạt Kín</i></p> <ul style="list-style-type: none"><i>- Rễ, thân, lá thật rất đa dạng.</i><i>- Mạch dẫn hoàn thiện.</i><i>- Cơ quan sinh sản là hoa gồm bao hoa,</i>

	<p><i>nhị và nhuỵ.</i></p>
<p><i>Vì sao ta cần phải bảo vệ sự đa dạng của thực vật? Cần làm gì để bảo vệ sự đa dạng của thực vật Việt Nam? Liên hệ với bản thân em?</i></p>	<p><i>Cần phải bảo vệ sự đa dạng của thực vật vì:</i></p> <p><i>Do nhiều cây có giá trị kinh tế bị khai thác bừa bãi ⇒ Tính đa dạng suy giảm.</i></p> <p><i>* Để bảo vệ sự đa dạng của thực vật Việt Nam cần thực hiện các biện pháp sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"><i>- Ngăn chặn phá rừng, hạn chế việc khai thác rừng.</i><i>- Hạn chế việc khai thác bừa bãi các loài thực vật.</i><i>- Xây dựng vườn thực vật, vườn quốc gia, khu bảo tồn ... để bảo vệ động vật quý hiếm.</i><i>- Cấm buôn bán và xuất khẩu các thực vật quý hiếm.</i><i>- Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để bảo vệ rừng.</i> <p><i>* Liên hệ bản thân: tham gia trồng cây gây rừng, không chặt phá cây, tuyên truyền cho mọi người cùng bảo vệ rừng...</i></p>
<p><i>Vì sao cần tích cực trồng cây gây rừng?</i></p>	<p><i>Thực vật có vai trò quan trọng đối với thiên nhiên và đời sống con người như:</i></p> <ul style="list-style-type: none"><i>- Góp phần điều hoà khí hậu: cân bằng hàm lượng khí ôxi và khí cacbôníc trong không khí, tăng lượng mưa, giảm nhiệt độ, tăng độ ẩm, giảm tốc độ gió, giảm ô</i>

	<p><i>nhiễm môi trường.</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Giữ đất, chống xói mòn sạt lở đất, hạn chế lũ lụt và hạn hán, làm sạch và tạo nguồn nước ngầm.</i>- <i>Cung cấp ôxi, thức ăn, nơi ở, nơi sinh sản cho động vật.</i>- <i>Cung cấp ôxi, lương thực, thực phẩm, đồ dùng, nguyên liệu sản xuất cho con người</i>
<p><i>Thể nào là dị dưỡng? Tại sao nấm và vi khuẩn lại có lối sống dị dưỡng? Phân biệt lối sống kí sinh và hoại sinh?</i></p>	<p><i>Dị dưỡng là hình thức sống sử dụng chất hữu cơ sẵn có trong tự nhiên.</i></p> <ul style="list-style-type: none">+ <i>Nấm và Vi khuẩn lại có lối sống dị dưỡng vì cơ thể không có chất diệp lục nên không tự tổng hợp được chất hữu cơ mà phải sử dụng chất hữu cơ sẵn có trong tự nhiên.</i>+ <i>Kí sinh là hình thức sống sử dụng chất hữu cơ từ một cơ thể sống khác còn hoại sinh là hình thức sống phân huỷ xác các động vật, thực vật và con người.</i>
<p><i>Tại sao nói Tảo là thực vật bậc thấp còn Rêu là thực vật bậc cao?</i></p>	<p><i>* Nói Tảo là thực vật bậc thấp vì:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Tảo chỉ sống ở môi trường nước.</i>- <i>Tảo chưa có sự phân hoá cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản.</i>- <i>Tảo chưa có rễ thân lá thật sự, chưa có</i>

	<p><i>mạch dẫn.</i></p> <p><i>* Nói Rêu là thực vật bậc cao vì:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Rêu sống ở môi trường trên cạn; cấu tạo đa bào.- Rêu đã có sự phân hoá cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản.- Rêu có thân, lá thật, rễ giả; cơ quan sinh sản là túi bào tử.
<p><i>Hãy nêu vai trò của Nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người?</i></p>	<p><i>* Nấm có ích:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Nấm có tầm quan trọng lớn đối với đời sống con người và thiên nhiên.- Phân giải chất hữu cơ thành chất vô cơ.- Sản xuất rượu, bia, chế biến một số thực phẩm, làm men nở bột mì ...- Làm thức ăn, làm thuốc. <p><i>* Nấm có hại:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Nấm kí sinh gây bệnh cho thực vật và con người.- Nấm mốc làm hỏng thức ăn, đồ dùng ...- Nấm gây ngộ độc cho người: Nấm độc đỏ, Nấm độc đen....
<p><i>Hãy nêu vai trò của Vi khuẩn trong tự nhiên và trong đời sống con người?</i></p>	<p><i>a. Vi khuẩn có ích:</i></p> <p><i>* Vai trò trong thiên nhiên:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Phân huỷ chất hữu cơ thành chất vô cơ

	<p><i>để cây sử dụng.</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Phân huỷ chất hữu cơ thành cacbon (than đá và dầu lửa)</i> <p><i>* Vai trò trong công nghiệp và nông nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Vi khuẩn cộng sinh ở rễ cây họ đậu tạo nốt sần có khả năng cố định đạm.</i>- <i>Vi khuẩn lên men chua, tổng hợp P, vitamin B12, axit glutamic ...</i> <p><i>b. Vi khuẩn có hại:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Kí sinh gây bệnh cho người, động vật và thực vật.</i>- <i>Làm thức ăn ôi thiu, thối rữa.</i>- <i>Làm ô nhiễm môi trường.</i>
<p><i>Nêu những điểm giống và khác nhau giữa lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm?</i></p>	<p><i>* Giống nhau:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Đều là thực vật Hạt kín.</i>- <i>Sinh sản bằng hạt được bảo vệ trong quả.</i>- <i>Cơ quan sinh sản là hoa, quả và hạt</i> <p><i>* Khác nhau:</i></p> <p><i>Cây Hai lá mầm</i></p> <p><i>Đặc điểm</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Kiểu rễ: Rễ cọc</i>- <i>Kiểu gân lá : Gân hình mạng</i>- <i>Số cánh hoa : Hoa thường 4- 5 cánh</i>- <i>Số lá mầm: Hai lá mầm</i>

	<ul style="list-style-type: none">- Dạng thân: Đa dạng <p>Cây Một lá mầm</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểu rễ: Rễ chùm- Kiểu gân lá: Gân song song và hình cung- Số cánh hoa: Hoa thường 3- 6 cánh- Số lá mầm: Một lá mầm- Dạng thân: Chủ yếu thân cỏ và thân cột.
<p>Giữa Nấm và Vi khuẩn có điểm gì giống nhau và khác nhau về đặc điểm cấu tạo, sinh sản và cách dinh dưỡng?</p>	<ul style="list-style-type: none">* Giống nhau: <ul style="list-style-type: none">- Cấu tạo từ tế bào, không có chất diệp lục.- Sinh sản vô tính, sống dị dưỡng theo 2 hình thức hoại sinh và kí sinh. <ul style="list-style-type: none">* Khác nhau: <p>Vi khuẩn</p> <p>Đặc điểm</p> <p>Cấu tạo: Đơn giản chỉ có một tế bào chưa có nhân hoàn chỉnh, có vách tế bào.</p> <p>Sinh sản: Bằng cách phân đôi cơ thể</p> <p>Cách dinh dưỡng: Chủ yếu sống dị dưỡng, một số tự dưỡng, cộng sinh.</p> <p>Nấm</p> <p>Đặc điểm</p> <p>Cấu tạo: Đa số cấu tạo gồm nhiều tế bào, có nhiều nhân nhưng không có vách ngăn giữa các tế bào.</p>

	<p>Sinh sản: Bằng bào tử.</p> <p>Cách dinh dưỡng: Sống dị dưỡng là chính, một số sống cộng sinh.</p>
<p>Vai trò của thực vật đối với động vật và người?</p>	<ul style="list-style-type: none">- Cung cấp ôxi, thức ăn, nơi ở, nơi sinh sản cho động vật.- Cung cấp ôxi, lương thực, thực phẩm, đồ dùng, nguyên liệu sản xuất cho con người.
<p>Tại sao người ta lại nói: “Rừng cây như một lá phổi xanh” của con người?</p>	<p>Vì:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cây quang hợp nhả khí ôxi, hút khí cacbonic làm điều hoà không khí- Lá cây ngăn bụi và chất độc, diệt khuẩn làm không khí trong sạch- Rừng cây nhả ra khí oxi làm trong lành bầu không khí.- Rừng cây hấp thu khí cacbonic giảm sự ô nhiễm.
<p>Phân biệt các loại quả: Quả khô và Quả thịt?</p>	<p>* Quả khô: Khi chín vỏ quả cứng, mỏng, khô</p> <ul style="list-style-type: none">- Quả khô nẻ (khi chín vỏ quả tự nứt)- Quả khô không nẻ (khi chín vỏ quả

	<p><i>không tự nứt)</i></p> <p><i>* Quả thịt: Khi chín, vỏ mềm, nhiều thịt quả</i></p> <p><i>- Quả hạch (hạt có hạch cứng bao bọc)</i></p> <p><i>- Quả mọng (quả mềm chứa đầy thịt.</i></p>
--	---

IV. Củng cố

- Yêu cầu HS nhắc lại nội dung ôn tập.

V. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

VI. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.
- Đọc mục “ Em có biết”.
- Chuẩn bị cho kiểm tra học kì 2.

.....

Duyệt ngày : tháng năm 20...

Tuần 35

Ngày soạn:

Ngày giảng:

KIỂM TRA HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS trình bày được những phần kiến thức cơ bản theo yêu cầu của đề bài khái quát toàn bộ thông tin kiến thức đã học về các ngành các lớp thực vật đã học; học sinh có thể khái quát các vấn đề về tiến hóa, các đặc điểm chung và tầm quan trọng thực tiễn của thực vật đối với thiên nhiên và cuộc sống con người
- Tự đánh giá được mức độ nắm kiến thức của bản thân

2. Kỹ năng:

- Tiếp tục phát triển kỹ năng tư duy lí luận: Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Thầy:

- Rút đề kiểm tra

2. Trò:

- Nghiên cứu bài

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

Gia sư Tài Năng Việt
0933050267

<https://giasudaykem.com.vn/>

1. Ôn định:

Tuần 35

Ngày soạn: 22/4/2012

Ngày giảng: 6A1: 27/4/2012 6A2: 24/4/2012 6A3: 24/4/2012

Tiết 68: **Tham quan thiên nhiên**

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức

- Học sinh nắm được các vấn đề về sự chuẩn bị cho buổi tham quan, nội dung (các công việc cần tiến hành trong buổi tham quan)

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, các kỹ năng viết báo cáo và cách trình bày các nội dung sẽ được ghi nhận.
- Rèn kỹ năng hoạt động nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích môn học, yêu thích thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài thực vật.

II. Phương tiện dạy học:

1. Thầy:

Kim nhọn, khay đựng mẫu.

Địa điểm thực hành:

2. Trò:

Hộp chứa mẫu, kính lúp cầm tay, vở ghi chép có kẻ sẵn bảng như SGK

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát, tìm tòi, thực hành thảo luận, vấn đáp, gợi mở.

III. Tiến trình lên lớp:

1. Ổn định tổ chức:

Kiểm tra sĩ số: 6A1:

6A2:

6A3:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Tiến trình bài học:

- Yêu cầu:

- HS hoạt động theo nhóm 6 HS.

+ Giữ trật tự, nghiêm túc, không trèo cây, lội nước sâu.

+ Lấy được mẫu đơn giản

Hoạt động 1:

GV giới thiệu sơ lược về địa điểm tham quan

Đặc điểm: có những môi trường nào ?

Độ sâu của môi trường nước

Một số loại thực vật có thể gặp

Hoạt động 2:

Giới thiệu trang bị dụng cụ của cá nhân và nhóm

Trang bị trên người: mũ, giày, dép quai hậu gọn gàng

Dụng cụ cần thiết: 1 túi có dây đeo chứa:

+ Giấy báo rộng, kính lúp cầm tay.

+ Bút, sổ ghi chép, áo mưa, ống nhòm.

Dụng cụ chung cả nhóm:

+ Vợt thủy sinh, kẹp mẫu, chổi lông.

+ Kim nhọn, khay đựng mẫu

+ Hộp chứa mẫu sống.

Hoạt động 3:

GV giới thiệu cách sử dụng dụng cụ

Với thực vật dưới nước: dùng vợt thủy sinh vớt thực vật lên rồi lấy chổi lông quét nhẹ vào khay (chứa nước).

Với thực vật ở cạn hay trên cây: trải rộng để hứng -> cho vào túi nilông

Hoạt động 4:

GV giới thiệu cách ghi chép

Đánh dấu vào bảng sgk.

Mỗi nhóm cử một HS ghi chép ngắn gọn đặc điểm cơ bản nhất

GV cho HS nhắc lại các thao tác sử dụng dụng cụ cần thiết

***Củng cố:**

-GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS.

-Cho học sinh nhắc lại những nội dung cần lưu ý, quan trọng khi tham quan thiên nhiên.

***Hướng dẫn về nhà:**

- Chuẩn bị mẫu vật, sưu tầm các mẫu có ở nơi cư trú.

Tuần 35

Ngày soạn: 23/4/2012

Ngày giảng: 6A1: 28/4/2012 6A2: 25/4/2012 6A3: 27/4/2012

Tiết 69: Tham quan thiên nhiên

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức

- Học sinh nắm được các vấn đề về sự chuẩn bị cho buổi tham quan, nội dung (các công việc cần tiến hành trong buổi tham quan)

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, các kỹ năng viết báo cáo và cách trình bày các nội dung sẽ được ghi nhận.

- Rèn kỹ năng hoạt động nhóm.

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích môn học, yêu thích thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài thực vật.

II. Phương tiện dạy học:

1. Thầy:

Kim nhọn, khay đựng mẫu.

Địa điểm thực hành:

2. Trò:

Hộp chứa mẫu, kính lúp cầm tay, vở ghi chép có kẻ sẵn bảng như SGK

3. Phương pháp chủ đạo

- Quan sát, tìm tòi, thực hành thảo luận, vấn đáp, gợi mở.

III. Tiến trình lên lớp:

1. Ổn định tổ chức:

Kiểm tra sĩ số: 6A1:

6A2:

6A3:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Tiến trình bài học:

- Yêu cầu:
- HS hoạt động theo nhóm 6 HS.
- + Giữ trật tự, nghiêm túc, không trèo cây, lội nước sâu.
- + Lấy được mẫu đơn giản.

Hoạt động 1:

GIAO VIÊN THÔNG BÁO NỘI DUNG CẦN QUAN SÁT.

1- Quan sát thực vật phân bố theo môi trường:

Trong từng môi trường có những thực vật nào?

Số lượng cá thể nhiều hay ít?

2- Quan sát sự thích nghi của thực vật ở môi trường.

3- Quan sát sự thích nghi dinh dưỡng của thực vật:

4- Quan sát mối quan hệ động vật và thực vật:

5- Tìm xem có thực vật nào có ích hoặc gây hại cho động vật và con người.

VD: lấy gỗ làm nhà

Ăn quả, làm thực phẩm

6- Quan sát thành phần, số lượng thực vật trong tự nhiên:

Từng môi trường có thành phần loài như thế nào?

Trong môi trường số lượng cá thể như thế nào?

Loài thực vật nào không có trong môi trường đó?

Hoạt động 2:

HỌC SINH TIẾN HÀNH QUAN SÁT.

a. Đối với HS.

Trong nhóm phân công tất cả phải được quan sát.

1. Người ghi chép.
2. Người giữ mẫu.
3. Thay phiên nhau lấy mẫu quan sát.

b. Đối với giáo viên:

- Bao quát lớp, hướng dẫn giúp đỡ HS yếu
- Nhắc nhở HS lấy đủ mẫu ở nơi quan sát.

Hoạt động 3:

BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA CÁC NHÓM.

- Yêu cầu HS tập trung ở chỗ mát.

Các nhóm báo cáo kết quả

Yêu cầu gồm:

- + Bảng tên các thực vật và môi trường sống.
- + Mẫu thu thập được
- + Đánh giá về số lượng thành phần thực vật trong tự nhiên.

- Sau khi báo cáo GV cho HS dùng chổi lông nhẹ nhàng quét trả các mẫu về môi trường sống của chúng.

***Củng cố:**

- GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS.
- Căn cứ vào báo cáo của các nhóm đánh giá kết quả học tập

***Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn tập lại chương trình.
-

Gia sư Tài Năng Việt
0933050267

<https://giasudaykem.com.vn/>

Duyệt ngày : tháng năm 20...